

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH**

Giảng viên hướng dẫn:	THS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Sinh viên thực hiện:	Dương Thị Kiều Linh
Mã số sinh viên:	2254010061
Khóa học:	2022 – 2026
Lớp:	22KH2

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH**

Giảng viên hướng dẫn:	THS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Sinh viên thực hiện:	Dương Thị Kiều Linh
Mã số sinh viên:	2254010061
Khóa học:	2022 – 2026
Lớp:	22KH2

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2026

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Dương Thị Kiều Linh
- Chuyên ngành: Kế toán
- Lớp: 22KH2 Khoa: Kinh tế
- Mã số sinh viên: 2254010061
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

“KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH”

3. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh.

Chương 3: Nhận xét và giải pháp kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh.

4. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

6. Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG 1

1.1 Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	1
1.1.1 Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ...	1
1.1.2 Một số nguyên tắc liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	1
1.1.3 Một số khái niệm liên quan hợp đồng xây dựng.....	2
1.1.4 Đặc điểm hợp đồng xây dựng ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.5 Vai trò, ý nghĩa của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.6 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.2 Kế toán các khoản doanh thu.....	5
1.2.1 Kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng	5
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	11
1.2.4 Kế toán thu nhập khác	14
1.3 Kế toán các khoản chi phí.....	16
1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán	16
1.3.2 Kế toán chi phí tài chính.....	18
1.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	21
1.3.4 Kế toán chi phí khác	24
1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	25
1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.4.1 Khái niệm	27
1.4.2 Tài khoản kế toán	27
1.4.3 Phương pháp hạch toán	28

CHƯƠNG 2 – THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH

29

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh	29
2.1.1. Sự hình thành và phát triển của doanh nghiệp.	29

2.1.2 Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	30
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH.....	30
2.1.4 Tổ chức kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH	32
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH	36
2.2.1 Kế toán các khoản doanh thu	36
a. Kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng	36
c. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	51
d. Kế toán các khoản thu nhập khác.....	54
2.2.2 Kế toán các khoản chi phí	54
a. Kế toán giá vốn công trình xây dựng	54
b. Kế toán chi phí tài chính	66
c. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	71
d. Kế toán chi phí khác.....	78
e. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	78
2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	84
a. Nội dung về xác định kết quả kinh doanh tại Công ty	84
b. Chứng từ sử dụng.....	84
c. Sổ sách kế toán	84
d. Tài khoản kế toán	84
e. Minh họa nghiệp vụ.....	84
CHƯƠNG 3 – NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH	88
3.1 Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH	88
3.1.1 Ưu điểm.....	88
3.1.2 Hạn chế.....	89
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH.....	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 01	Sơ đồ hạch toán tài khoản 511
Sơ đồ 01.1	Sơ đồ chi tiết hạch toán tài khoản 511
Sơ đồ 02	Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu
Sơ đồ 03	Sơ đồ hạch toán tài khoản 515
Sơ đồ 04	Sơ đồ hạch toán tài khoản 711
Sơ đồ 05	Sơ đồ hạch toán tài khoản 632
Sơ đồ 06	Sơ đồ hạch toán tài khoản 635
Sơ đồ 07	Sơ đồ hạch toán tài khoản 642
Sơ đồ 08	Sơ đồ hạch toán tài khoản 811
Sơ đồ 09	Sơ đồ hạch toán tài khoản 821
Sơ đồ 10	Sơ đồ hạch toán tài khoản 911
Sơ đồ 11	Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh
Sơ đồ 12	Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh
Sơ đồ 13	Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức “Chứng từ ghi sổ”
Sơ đồ 14	Sơ đồ ghi sổ theo phần mềm kế toán Việt Nam
Sơ đồ 15	Quy trình thực hiện kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 01	Kết cấu tài khoản 511
Bảng 02	Kết cấu tài khoản 511
Bảng 03	Kết cấu tài khoản 515
Bảng 04	Kết cấu tài khoản 711
Bảng 05	Kết cấu tài khoản 632
Bảng 06	Kết cấu tài khoản 635
Bảng 07	Kết cấu tài khoản 642
Bảng 08	Kết cấu tài khoản 811
Bảng 09	Kết cấu tài khoản 821
Bảng 10	Kết cấu tài khoản 911

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Thông tư
BTC	Bộ tài chính
NĐ	Nghị định
CP	Chính phủ
GTGT	Giá trị gia tăng
TK	Tài khoản
BH & CCDV	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
KQKD	Kết quả kinh doanh
XK	Xuất khẩu
KH&CN	Khoa học và công nghệ
BVMT	Bảo vệ môi trường
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KQSXKD	Xác định kết quả sản xuất kinh doanh
KH&CN	Khoa học và công nghệ
NSNN	Ngân sách Nhà nước
TSCĐ	Tài sản cố định
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
MST	Mã số thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGNH	Tiền gửi ngân hàng
CQT	Cơ quan Thuế

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.01	Giao diện phần mềm Kế toán Việt Nam
Hình 2.02	Hợp đồng thi công xây dựng công trình
Hình 2.03	Hóa đơn GTGT số 07 ngày 31/12/2025
Hình 2.04	Sổ chi tiết tài khoản 5114
Hình 2.05	Sổ chi tiết tài khoản 511
Hình 2.06	Bảng kê chứng từ phát sinh loại 01
Hình 2.07	Giao diện xuất sổ Chứng từ ghi sổ
Hình 2.08	Sổ Chứng từ ghi sổ loại 01
Hình 2.09	Sổ Cái tài khoản 511
Hình 2.10	Chứng từ giao dịch ngân hàng Agribank
Hình 2.11	Sổ chi tiết tài khoản 515
Hình 2.12	Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 08
Hình 2.13	Chứng từ ghi sổ loại 08
Hình 2.14	Sổ Cái tài khoản 515
Hình 2.15	Phiếu xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025
Hình 2.16	Sổ chi tiết tài khoản 6324
Hình 2.17	Sổ chi tiết tài khoản 6324
Hình 2.18	Hóa đơn GTGT số 36 ngày 31/12/2025
Hình 2.19	Phiếu định khoản hóa đơn GTGT số 36
Hình 2.20	Sổ chi tiết tài khoản 6323
Hình 2.21	Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 02
Hình 2.22	Chứng từ ghi sổ loại 02
Hình 2.23	Giao diện kết chuyển từ 242 sang 6323
Hình 2.24	Phiếu xuất kho sau khi kết chuyển từ 242 sang 6323
Hình 2.25	Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 99
Hình 2.26	Chứng từ ghi sổ loại 99
Hình 2.27	Sổ Cái tài khoản 632
Hình 2.28	Phiếu Ủy nhiệm chi ngân hàng Agribank
Hình 2.29	Chứng từ giao dịch ngân hàng ngày 23/06/2025
Hình 2.30	Sổ chi tiết tài khoản 635
Hình 2.31	Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 09
Hình 2.32	Chứng từ ghi sổ loại 09
Hình 2.33	Sổ Cái tài khoản 635

Hình 2.34	Chứng từ giao dịch ngân hàng Agribank ngày 10/12/2025
Hình 2.35	Sổ chi tiết tài khoản 6421
Hình 2.36	Bảng chấm công tháng 12/2025
Hình 2.37	Bảng thanh toán tiền lương tháng 12/2025
Hình 2.38	Sổ chi tiết tài khoản 6422
Hình 2.39	Bảng kê chứng từ ghi sổ lương và các khoản trích theo lương
Hình 2.40	Chứng từ ghi sổ lương và các khoản trích theo lương
Hình 2.41	Sổ Cái tài khoản 642
Hình 2.42	Tờ khai quyết toán thuế TNDN
Hình 2.43	Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mẫu số 03-1A/TNDN
Hình 2.44	Sổ chi tiết tài khoản 821
Hình 2.45	Bảng kê chứng từ ghi sổ các chứng từ khác
Hình 2.46	Chứng từ ghi sổ các chứng từ khác
Hình 2.47	Sổ Cái tài khoản 821
Hình 2.48	Sổ chi tiết tài khoản 911
Hình 2.49	Chứng từ ghi sổ loại 99
Hình 2.50	Sổ Cái tài khoản 911
Hình 2.51	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025
Hình 3.01	Sổ chi tiết tài khoản 334
Hình 3.02	Bảng tổng hợp chi phí nhân công
Hình 3.03	Bảng tổng hợp dự toán hạng mục
Hình 3.04	Sổ chi tiết tài khoản 15421
Hình 3.05	Sổ chi tiết tài khoản 154

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã nhận được sự giảng dạy tận tình và tâm huyết từ các thầy cô, giúp em tiếp thu được những kiến thức quý báu. Đây là nền tảng quan trọng hỗ trợ em không chỉ trong thời gian thực tập mà còn trong công việc sau khi ra trường. Thành công không thể đạt được nếu thiếu sự giúp đỡ, hướng dẫn từ những người đi trước. Vì vậy, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu nhà trường cùng quý thầy cô đã đồng hành và truyền đạt kiến thức cho em. Em kính chúc quý thầy cô luôn mạnh khỏe và công tác tốt.

Trong thời gian học tập, em có cơ hội thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH. Qua 3 tháng thực tập tại đây, em đã học hỏi thêm nhiều kiến thức bổ ích trong chuyên ngành, đồng thời áp dụng những lý thuyết đã học vào thực tiễn. Tuy nhiên, do thời gian thực tập có hạn và kiến thức của em còn nhiều điểm cần hoàn thiện, bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để có thể bổ sung và nâng cao chuyên môn, phục vụ tốt hơn cho công việc trong tương lai.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô ạ.

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong cơ chế mới với sự hoạt động của nhiều thành phần kinh tế, tính độc lập, tự chủ trong các doanh nghiệp phải ngày một cao hơn, mỗi doanh nghiệp phải năng động sáng tạo trong kinh doanh, tự chịu trách nhiệm với kết quả hoạt động tài chính của mình, bảo toàn được vốn kinh doanh và quan trọng hơn là phải kinh doanh có lãi. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải nhận thức rõ vị trí của khâu tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, nhất là đối với các doanh nghiệp thương mại, nó quyết định đến kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp và là cơ sở để doanh nghiệp tạo ra doanh thu bù đắp các chi phí đã bỏ ra.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động tài chính, vận dụng lý thuyết đã học tập và nghiên cứu tại trường, em đã chọn đề tài: "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh" để nghiên cứu và viết bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Đối tượng nghiên cứu

Tên công ty: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh.

Địa chỉ: Lô 46 – BD29 – Khu đô thị Bắc Lê Lợi – Phường Đồng Hới – Tỉnh Quảng Trị

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Tổng hợp những vấn đề lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, thực hiện và hoàn chỉnh đề tài em đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tiến hành tìm hiểu những tài liệu liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở thư viện, internet, giáo trình của thầy cô và nhà trường... Từ đó hệ thống lại và đi sâu vào tìm hiểu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Phương pháp quan sát, phỏng vấn: Quan sát công việc hằng ngày của các nhân viên kế toán, phỏng vấn các nhân viên kế toán những vấn đề liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.
- Phương pháp phân tích, so sánh: Dựa trên số liệu thu thập được tại Công ty để tiến hành phân tích, so sánh các số liệu nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

5. Cấu trúc đề tài

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng.

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH.

Chương 3: Nhận xét và giải pháp kiến nghị hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH.

CHƯƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

1.1 Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Một số khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm về doanh thu

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu và không bao gồm các khoản góp vốn của chủ sở hữu.

b. Khái niệm về chi phí

Theo Điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định về Nguyên tắc kế toán chi phí cụ thể như sau: “Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.”

c. Khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC: Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh bằng tiền phần chênh lệch giữa thu nhập và chi phí, thể hiện lãi hoặc lỗ phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2 Một số nguyên tắc liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Những nguyên tắc liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí là:

Có 4 nguyên tắc kế toán cơ bản:

a. Nguyên tắc cơ sở dồn tích: Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

b. Nguyên tắc phù hợp: Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

c. Nguyên tắc nhất quán: Các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

d. Nguyên tắc thận trọng: Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn.

Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

- Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn;
- Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập;
- Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí;
- Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

1.1.3 Một số khái niệm liên quan hợp đồng xây dựng

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15

- Hợp đồng xây dựng: Là hợp đồng được ký kết để xây dựng một tài sản hoặc một nhóm tài sản có liên quan chặt chẽ với nhau về thiết kế, công nghệ và chức năng hoặc mục đích sử dụng.

- Hợp đồng xây dựng với giá cố định: Là hợp đồng mà nhà thầu đồng ý thực hiện công trình với một mức giá cố định hoặc đơn giá cố định cho mỗi đơn vị sản phẩm, trong một số trường hợp có thể điều chỉnh khi có thay đổi nhất định.

- Hợp đồng xây dựng theo chi phí cộng thêm: Là hợp đồng mà nhà thầu được thanh toán các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hợp đồng, cộng với một khoản lợi nhuận được tính theo tỷ lệ phần trăm hoặc một khoản phí cố định đã thỏa thuận.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng: Bao gồm giá trị ban đầu của hợp đồng, cùng với các khoản tăng, giảm do thay đổi khối lượng, yêu cầu bổ sung và các khoản thưởng (nếu có), với điều kiện các khoản này được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí hợp đồng xây dựng: Bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng, chi phí chung phân bổ cho hợp đồng và các chi phí khác có thể thu hồi từ khách hàng theo điều khoản hợp đồng.
- Chi phí liên quan trực tiếp đến hợp đồng: Là các chi phí phát sinh riêng cho từng hợp đồng như chi phí nguyên vật liệu, nhân công, máy thi công và chi phí thiết kế liên quan.
- Chi phí chung được phân bổ: Là các chi phí phát sinh chung cho nhiều hợp đồng như chi phí quản lý công trường, chi phí khấu hao máy móc thiết bị... được phân bổ hợp lý cho từng hợp đồng.
- Mức độ hoàn thành của hợp đồng: Là tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm, được xác định bằng nhiều phương pháp như: tỷ lệ chi phí thực tế so với tổng chi phí ước tính hoặc khối lượng công việc đã hoàn thành.

1.1.4 Đặc điểm hợp đồng xây dựng ảnh hưởng đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Hợp đồng xây dựng có những đặc điểm riêng biệt như thời gian thực hiện thường kéo dài qua nhiều kỳ kế toán, giá trị hợp đồng lớn và có thể phát sinh các thay đổi về thiết kế, khối lượng hoặc đơn giá trong quá trình thi công. Chính những đặc điểm này làm cho việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không thể thực hiện theo cách thông thường như các hoạt động bán hàng ngắn hạn.
- Thứ nhất, do thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài, doanh thu không được ghi nhận một lần khi hoàn thành mà phải phân bổ theo tiến độ thực hiện. Vì vậy, kế toán cần áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ hoàn thành, dựa trên mức độ hoàn thành công việc tại từng thời điểm, nhằm phản ánh đúng bản chất kinh tế của hoạt động xây dựng trong từng kỳ.
- Thứ hai, chi phí xây dựng phát sinh liên tục và gắn liền với từng công trình, hạng mục công trình cụ thể. Do đó, kế toán phải tổ chức tập hợp chi phí theo từng hợp đồng hoặc từng công trình riêng biệt, đồng thời thực hiện phân bổ hợp lý các chi phí chung để đảm bảo xác định chính xác giá thành và kết quả kinh doanh của từng hợp đồng.
- Thứ ba, hợp đồng xây dựng thường có khả năng thay đổi về giá trị, khối lượng hoặc điều khoản thực hiện. Điều này đòi hỏi kế toán phải thường xuyên cập nhật, điều chỉnh doanh thu và chi phí ước tính, đồng thời đánh giá lại khả năng thu hồi lợi ích kinh tế từ hợp đồng để ghi nhận doanh thu một cách thận trọng.

- Cuối cùng, do đặc thù rủi ro cao và thời gian dài, việc xác định kết quả kinh doanh của hợp đồng xây dựng phụ thuộc nhiều vào các ước tính kế toán. Vì vậy, kế toán cần đảm bảo các ước tính này được thực hiện hợp lý, có căn cứ và được rà soát định kỳ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.1.5 Vai trò, ý nghĩa của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

a. Vai trò và ý nghĩa của doanh thu

Dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, lợi nhuận luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp theo đuổi. Vì đó mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo nguyên tắc “lấy thu bù chi và có lãi” lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp của các doanh nghiệp, nó thể hiện khả năng kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải luôn tìm mọi cách tiết kiệm chi phí tăng doanh thu nhưng không làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm.

b. Vai trò và ý nghĩa của chi phí

Chi phí được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh, nó có vai trò hết sức quan trọng, là sự quan tâm của các nhà quản lý làm thế nào để giảm chi phí để có thể mang lại lợi nhuận cao nhất.

c. Vai trò và ý nghĩa của kết quả kinh doanh

- Xác định kết quả sản xuất kinh doanh (KQSXKD) có ý nghĩa quan trọng đối với công ty bởi vì nhìn vào kết quả cuối cùng mà doanh nghiệp có kế hoạch kinh doanh cụ thể. Nếu lỗ thì tìm nguyên nhân phân tích và đưa ra giải pháp khắc phục để đơn vị ngày càng đi lên. Còn nếu lãi thì đây là yếu tố kích thích, động viên cán bộ công nhân viên hăng hái làm việc và hoàn thiện nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh hơn nữa.

- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh trung thực giúp đơn vị đánh giá xác thực về tình hình hoạt động, nắm được điểm mạnh, điểm yếu của đơn vị từ đó xác định vị trí của đơn vị trên thương trường cũng như chu kỳ sống của doanh nghiệp.

1.1.6 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

a. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, thu nhập

- Phản ánh và giám sát kịp thời, chi tiết khối lượng hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra, tồn kho cả về số lượng, chất lượng và giá trị. Tính toán đúng giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng của đơn vị, tình hình thanh toán tiền hàng, nộp thuế với Nhà nước.

- Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả bán hàng, đơn đốc, kiểm tra, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý.
- Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

b. Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Kế toán chi phí là một nhánh của kế toán có nhiệm vụ lưu chép chi phí trực tiếp và gián tiếp liên quan đến việc sản xuất, kinh doanh mỗi đơn vị sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.
- Các nhà quản lý có thể sử dụng thông tin này vào nhiều mục đích:
 - + Triển khai giá bán hợp lý đối với hàng hóa và dịch vụ của Công ty;
 - + Xác định chi phí vượt ngoài tầm kiểm soát;
 - + Tập trung vào các chi phí đặc biệt để tiến hành giảm giá dần dần;
 - + Quyết định xem loại sản phẩm và dịch vụ nào mang lại lợi nhuận cho Công ty, còn loại nào không.

c. Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép, phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
- Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả kinh doanh đúng đắn.

1.2 Kế toán các khoản doanh thu

1.2.1 Kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng

a. Khái niệm doanh thu hợp đồng xây dựng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh thu hợp đồng xây dựng là toàn bộ giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong kỳ kế toán, bao gồm giá trị hợp đồng ban đầu và các khoản điều chỉnh như thay đổi khối lượng, yêu cầu bổ sung, các khoản thưởng hoặc phạt (nếu có), với điều kiện các khoản này được xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng thu được lợi ích kinh tế.

b. Điều kiện ghi nhận doanh thu của hợp đồng xây dựng

Có 2 điều kiện làm căn cứ ghi nhận doanh thu của hợp đồng xây dựng

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy:

Trường hợp 1: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

- + Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính.
- + Không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp 2: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

- + Kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được khách hàng xác nhận.
- + Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy
- + Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- + Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

c. Nguyên tắc ghi nhận và xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng

Theo Chuẩn mực kế toán số 15 (VAS 15), doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định như sau:

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Ví dụ:

- Nhà thầu và khách hàng có thể đồng ý với nhau về các thay đổi và các yêu cầu làm tăng hoặc giảm doanh thu của hợp đồng trong kỳ tiếp theo so với hợp đồng được chấp thuận ban đầu;
- Doanh thu đã được thỏa thuận trong hợp đồng với giá cố định có thể tăng vì lý do giá cả tăng lên;
- Doanh thu theo hợp đồng có thể bị giảm do nhà thầu không thực hiện đúng tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng xây dựng theo thỏa thuận trong hợp đồng;
- Khi hợp đồng với giá cố định quy định mức giá cố định cho một đơn vị sản phẩm hoàn thành thì doanh thu theo hợp đồng sẽ tăng hoặc giảm khi khối lượng sản phẩm tăng hoặc giảm.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm 2 khoản chính:

- Khoản 1: Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng
- Khoản 2: Các khoản khác, bao gồm:

+ Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng: Nhà thầu và khách hàng cùng nhau thỏa thuận về các thay đổi và các yêu cầu làm tăng hoặc giảm doanh thu của hợp đồng trong kỳ tiếp theo so với hợp đồng được chấp thuận lần đầu tiên.

+ Khoản tiền thưởng:

- Chắc chắn đạt được hoặc vượt mức một số tiêu chuẩn cụ thể đã được ghi trong hợp đồng;
- Khoản tiền thưởng được xác định một cách đáng tin cậy.

+ Khoản thanh toán khác mà nhà thầu thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng:

- Các cuộc thỏa thuận đã đạt được kết quả là khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường;
- Khoản thanh toán khác được khách hàng chấp thuận và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

d. Chứng từ sử dụng

+ Hợp đồng xây dựng, cam kết mua bán giữa 2 bên

+ Hóa đơn GTGT

+ Dự toán công trình bao gồm: Bảng tổng hợp chi phí, chi tiết vật tư, nhân công, máy móc.

+ Bản vẽ công trình

e. Tài khoản sử dụng

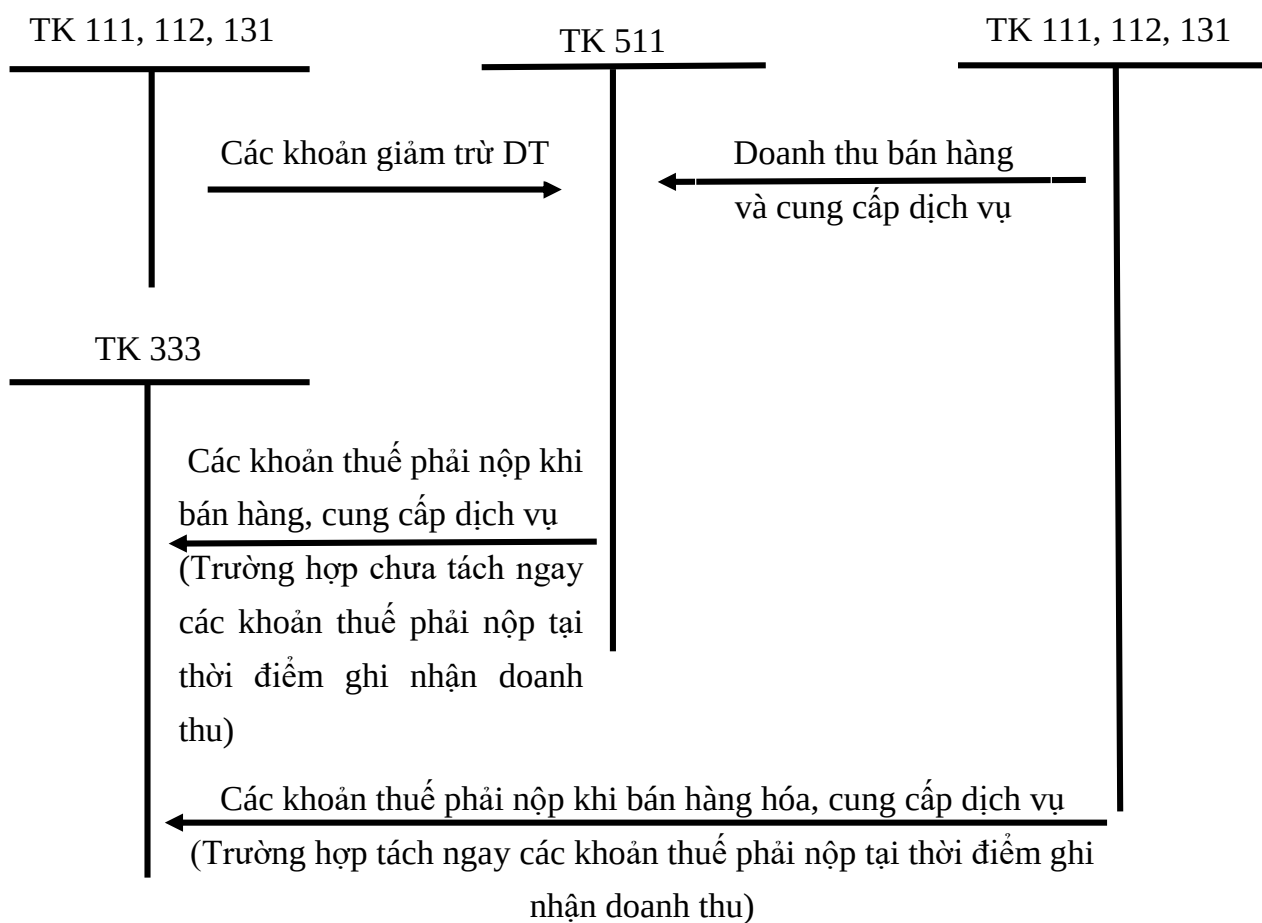
Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán các khoản doanh thu, kế toán hạch toán vào bên Có tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Đây là tài khoản chính để ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng: phản ánh doanh thu theo tiến độ hoặc theo khối lượng nghiệm thu, có thể mở chi tiết theo từng công trình/hợp đồng.

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

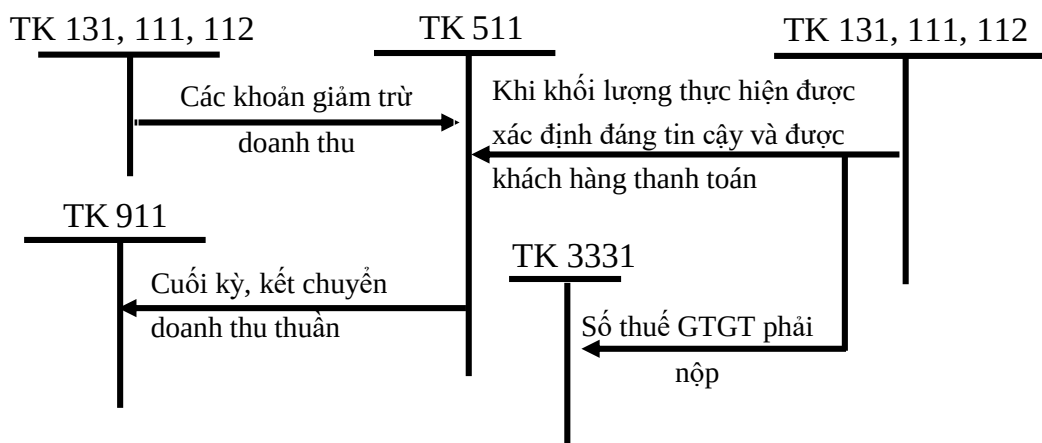
- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác.

NỢ	511	CÓ
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hoá đã bán. - Số thuế GTGT đã nộp theo phương pháp trực tiếp của số hàng hóa tiêu thụ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” .		- Doanh thu bán hàng hoá, bất động sản đầu tư của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bảng 01: Kết cấu tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
f. Phương pháp kế toán*



Sơ đồ 01: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 01.1: Sơ đồ chi tiết hạch toán tài khoản 511 – Doanh thu hợp đồng xây dựng

1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu trong hợp đồng xây dựng mang tính đặc thù, chủ yếu phát sinh dưới dạng giảm giá hợp đồng hoặc điều chỉnh giá trị khối lượng, thay vì các khoản chiết khấu hay hàng bán bị trả lại như trong hoạt động thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp giảm giá cho khách hàng khi mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận ban đầu. Tuy nhiên, trong hợp đồng xây dựng, khoản này ít khi phát sinh, do giá trị hợp đồng thường đã được đàm phán và thống nhất ngay từ đầu. Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu có thỏa thuận giảm giá khi chủ đầu tư giao nhiều hạng mục hoặc nhiều công trình cùng lúc, thì khoản chiết khấu này sẽ làm giảm doanh thu hợp đồng và kế toán cần ghi nhận điều chỉnh tương ứng.
- Hàng bán bị trả lại: khác với hoạt động thương mại, trong xây dựng gần như không có khái niệm “hàng bán bị trả lại”. Tuy nhiên, nếu một phần công trình đã nghiệm thu nhưng bị yêu cầu phá dỡ, làm lại do không đạt yêu cầu kỹ thuật, thì chi phí phát sinh sẽ làm giảm lợi ích kinh tế của hợp đồng. Trường hợp này không ghi nhận như hàng bán bị trả lại mà thường xử lý thông qua giảm doanh thu hoặc tăng chi phí tùy tình huống cụ thể.
- Giảm giá trong hợp đồng xây dựng là khoản điều chỉnh giảm doanh thu khi nhà thầu không thực hiện đúng các điều kiện đã cam kết, như thi công không đảm bảo chất lượng, sai quy cách kỹ thuật hoặc chậm tiến độ. Khi đó, chủ đầu tư có thể yêu cầu giảm trừ giá trị thanh toán theo hợp đồng. Khoản giảm giá này phổ biến hơn trong xây dựng và được xem là một khoản giảm trừ doanh thu, kế toán cần ghi nhận giảm doanh thu của hợp đồng tại thời điểm xác định được.

b. Cách tính các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng = Doanh thu theo hợp đồng – Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu trong hợp đồng xây dựng được xác định chủ yếu dựa trên giá trị hợp đồng bị điều chỉnh và các điều khoản đã thỏa thuận, do đó kế toán cần căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu, quyết toán và phụ lục hợp đồng để tính toán chính xác.

c. Chứng từ sử dụng

Đối với hợp đồng xây dựng, các khoản giảm trừ doanh thu không mang tính chất chiết khấu thương mại hay hàng bán bị trả lại, mà chủ yếu phát sinh do điều chỉnh giá trị hợp đồng, khối lượng nghiệm thu hoặc quyết toán công trình.

- Giảm trừ do điều chỉnh giá trị hợp đồng: Biên bản điều chỉnh hợp đồng, phụ lục hợp đồng xây dựng.
- Giảm trừ do khối lượng không được nghiệm thu hoặc bị loại trừ: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, biên bản xác nhận khối lượng giảm.
- Giảm trừ do quyết toán công trình thấp hơn giá trị tạm tính: Hồ sơ quyết toán công trình, biên bản đối chiếu công nợ.
- Hóa đơn điều chỉnh (nếu có): Hóa đơn GTGT điều chỉnh theo giá trị được duyệt.

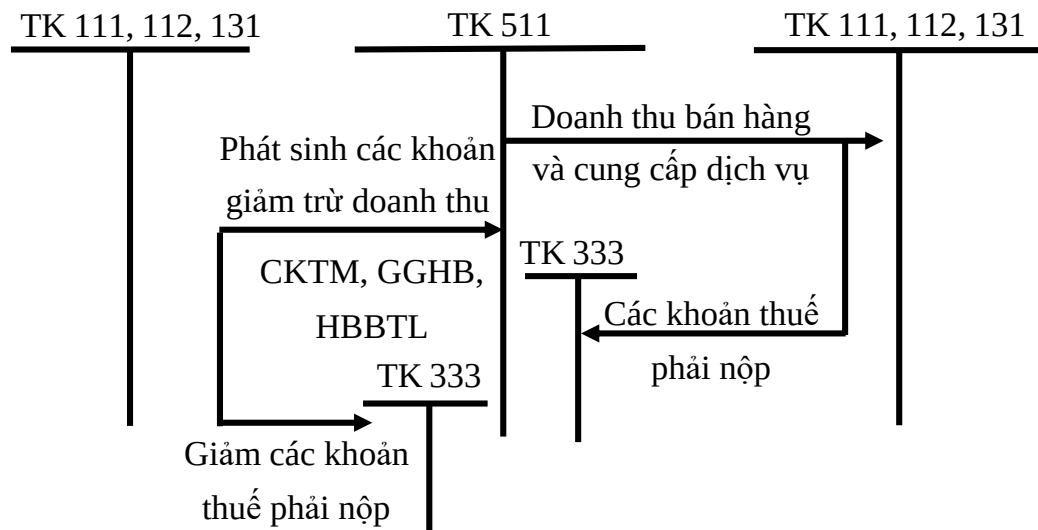
d. Tài khoản sử dụng

Theo Điều 57 của Thông tư 133/TT-BTC, khi phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì hạch toán vào Bên Nợ của Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, muốn theo dõi riêng các khoản giảm trừ doanh thu thì phải mở sổ chi tiết riêng để theo dõi.

NỢ	511	CÓ
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số hàng hoá đã bán. - Số thuế GTGT đã nộp theo phương pháp trực tiếp của số hàng hóa tiêu thụ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” .		- Doanh thu bán hàng hoá, bất động sản đầu tư của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bảng 02: Kết cấu tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

e. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 02: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính là khoản thu nhập của doanh nghiệp từ các hoạt động đầu tư, tài chính, không liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Các khoản doanh thu tài chính phổ biến:

- Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi đầu tư trái phiếu, cổ phiếu
- Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý các khoản đầu tư tài chính
- Các khoản thu nhập tài chính khác

b. Điều kiện ghi nhận

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch tài chính.
- Doanh thu có thể đo lường một cách đáng tin cậy.
- Giao dịch đã phát sinh và có bằng chứng hợp lý để ghi nhận.
- Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

c. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Sao kê, sổ phụ ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan

d. Tài khoản sử dụng

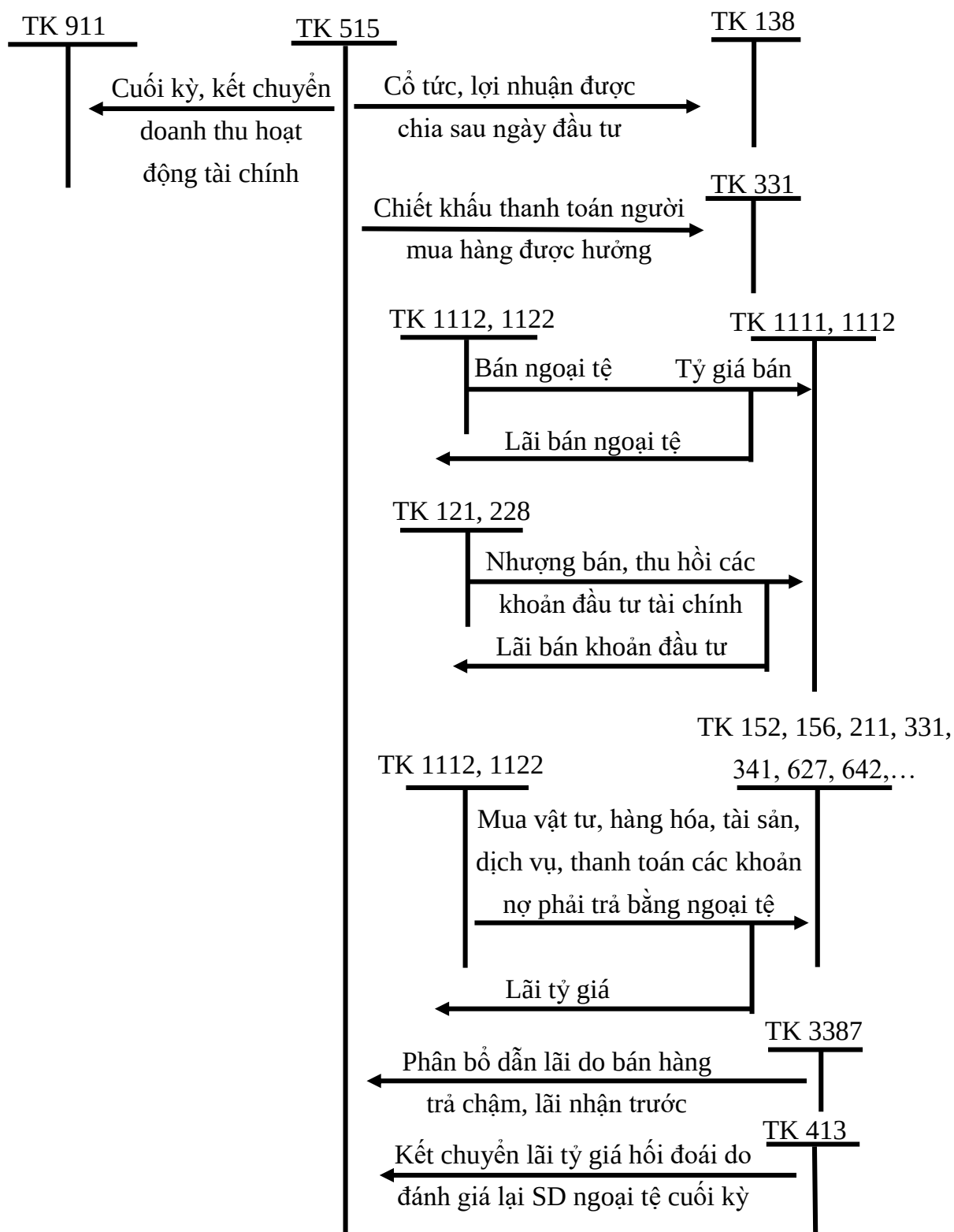
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu tài khoản

NỢ	TK 515	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp được tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có), dựa trên doanh thu chịu thuế của doanh nghiệp. - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh (XĐKQKD) để xác định lợi nhuận trước thuế.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Bảng 03: Kết cấu tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

e. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 03: Sơ đồ hạch toán tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4 Kế toán thu nhập khác

a. Khái niệm

Căn cứ Điều 65 Thông tư 133/2016/TT-BTC: “Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất nhập khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp do tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại.”

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Hợp đồng kinh tế
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ
- Các chứng từ liên quan khác.

c. Tài khoản sử dụng

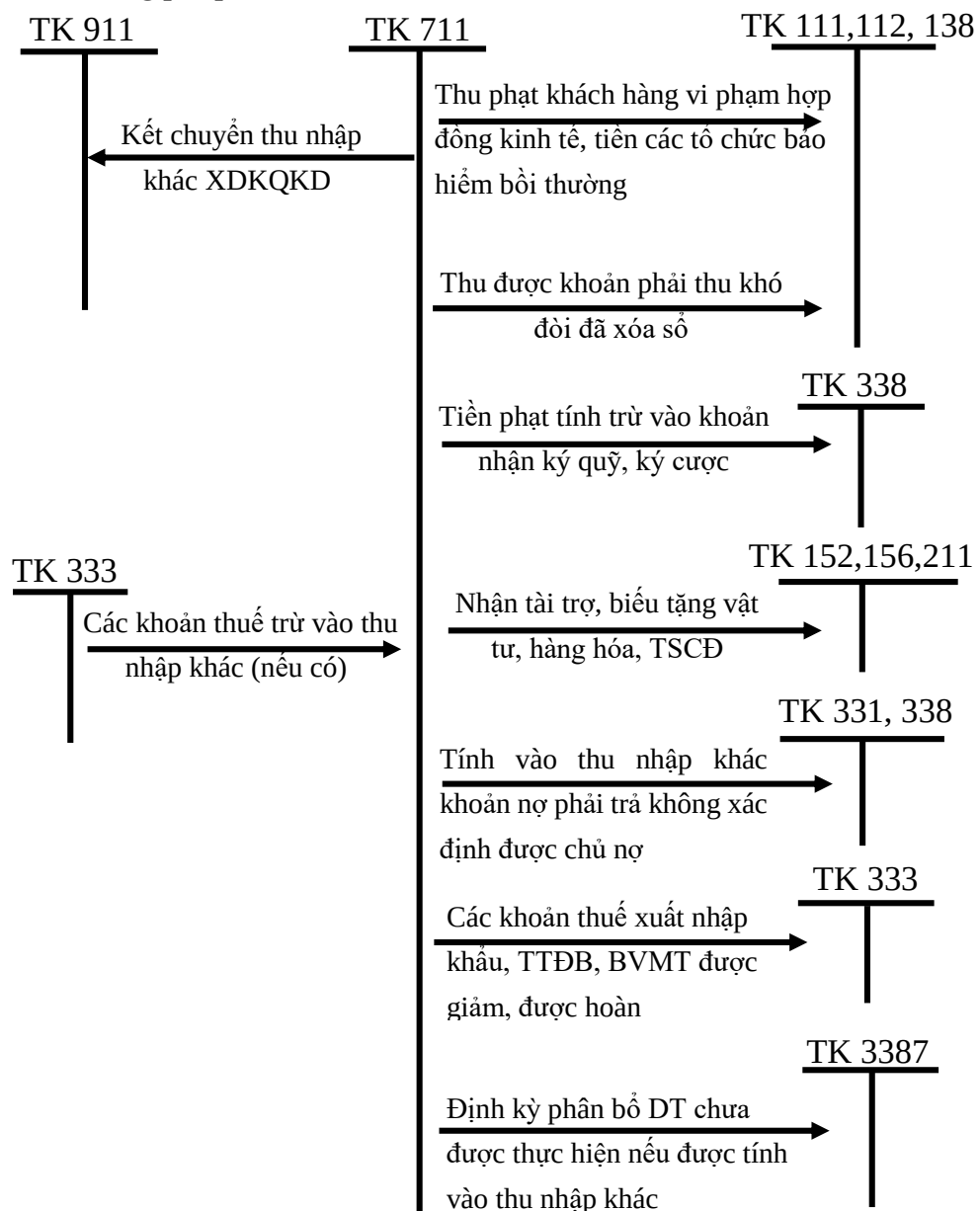
Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán. Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Bảng 04: Kết cấu tài khoản 711 – Thu nhập khác

d. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 04: Sơ đồ hạch toán tài khoản 711 – Thu nhập khác

1.3 Kế toán các khoản chi phí

1.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán

a. Khái niệm

Theo Điều 62 của Thông tư 133/2016/TT-BTC, giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, giá vốn không được hiểu theo nghĩa thông thường là giá vốn hàng bán mà được xác định là giá vốn của hợp đồng xây dựng. Giá vốn này bao gồm

toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến khối lượng xây lắp đã hoàn thành trong kỳ, được tập hợp trên tài khoản 154 và kết chuyển tương ứng với doanh thu đã ghi nhận sang tài khoản 632 theo quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC.

b. Phương thức xác định giá vốn công trình xây dựng

Giá vốn hợp đồng xây dựng được xác định bằng chi phí thực tế của phần công việc đã hoàn thành trong kỳ, được tập hợp trên TK 154 và kết chuyển sang TK 632 tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

c. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua nguyên vật liệu, dịch vụ
- Phiếu xuất kho, nhập kho
- Bảng lương, bảng chấm công
- Hợp đồng xây dựng
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành
- Biên bản bàn giao công trình
- Các chứng từ liên quan khác

d. Tài khoản sử dụng

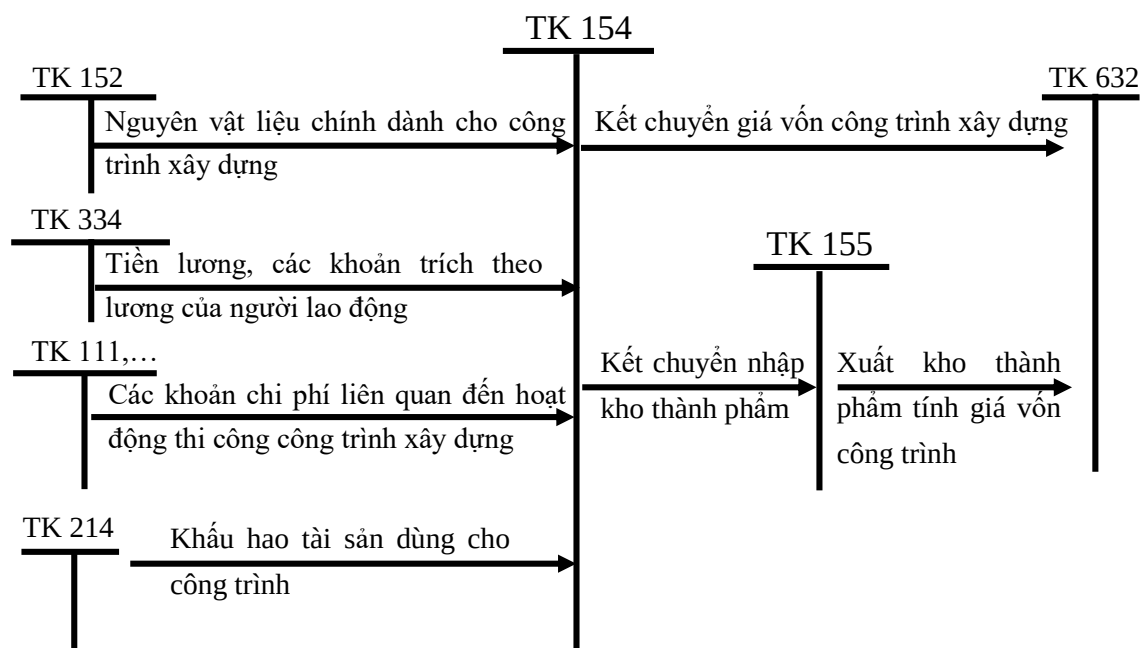
TK 632 – Giá vốn hàng bán

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ... - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 - Giá trị hàng bán bị trả lại nhập kho. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



Bảng 05: Kết cấu tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

e. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 05: Sơ đồ hạch toán tài khoản 632 – Giá vốn công trình xây dựng

1.3.2 Kế toán chi phí tài chính

a. Khái niệm

Căn cứ Điều 63 thông tư 133/2016/TT-BTC: “Tài khoản 635 phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; Chiết khấu thanh toán cho người mua; Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ; Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác; các khoản chi phí tài chính khác.”

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng kê lãi vay phải trả
- Bảng sao kê TGNH
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

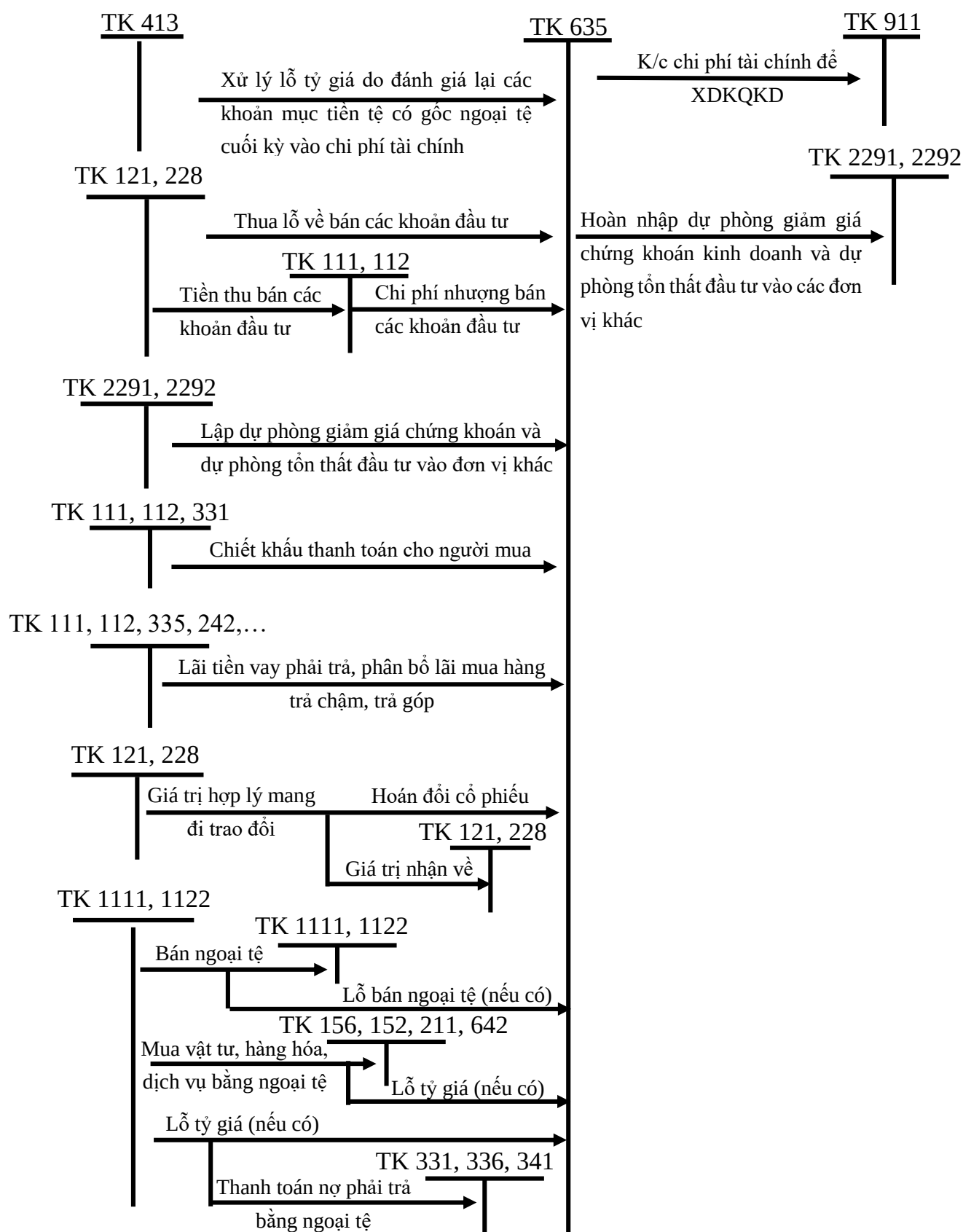
Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm và lãi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính. - Lỗ bán ngoại tệ - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Các khoản lỗ từ việc thanh lý hoặc nhượng bán các khoản đầu tư sẽ được ghi nhận vào chi phí tài chính - Số tiền trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào các đơn vị khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào các đơn vị khác (phần chênh lệch khi số dự phòng cần trích lập kỳ này thấp hơn số dự phòng đã trích lập ở kỳ trước mà chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính.

Bảng 06: Kết cấu tài khoản 635 – Chi phí tài chính

d. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 06: Sơ đồ hạch toán tài khoản 635 – Chi phí tài chính

1.3.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Khái niệm kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Căn cứ Điều 64 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định: “Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm,...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp....”

b. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

- Theo quy định tại Điều 64 của Thông tư 133/2016/TT-BTC, tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và quản lý doanh nghiệp.

❖ TK 6421 - Chi phí bán hàng

❖ TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

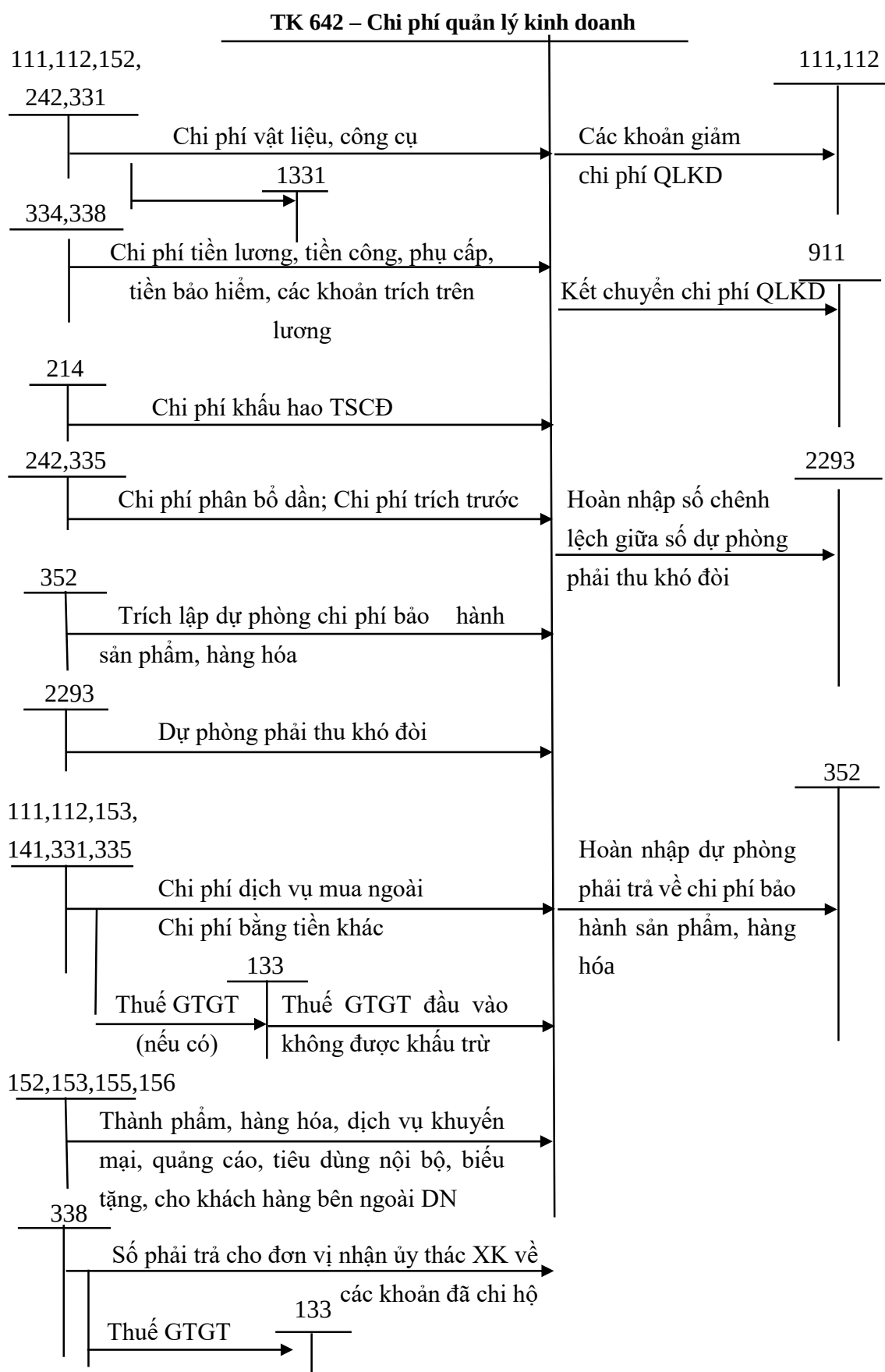
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp: Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí kinh doanh - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí vào tài khoản 911.

Bảng 07: Kết cấu tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

d. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 07: Sơ đồ hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4 Kế toán chi phí khác

a. Khái niệm

Căn cứ Điều 66 thông tư 133/2016/TT-BTC: “Những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá vỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt hành chính.
- Các khoản chi phí khác.”

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, Giấy báo nợ
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản nộp thuế, nộp phạt; Các giấy tờ khác

c. Tài khoản sử dụng

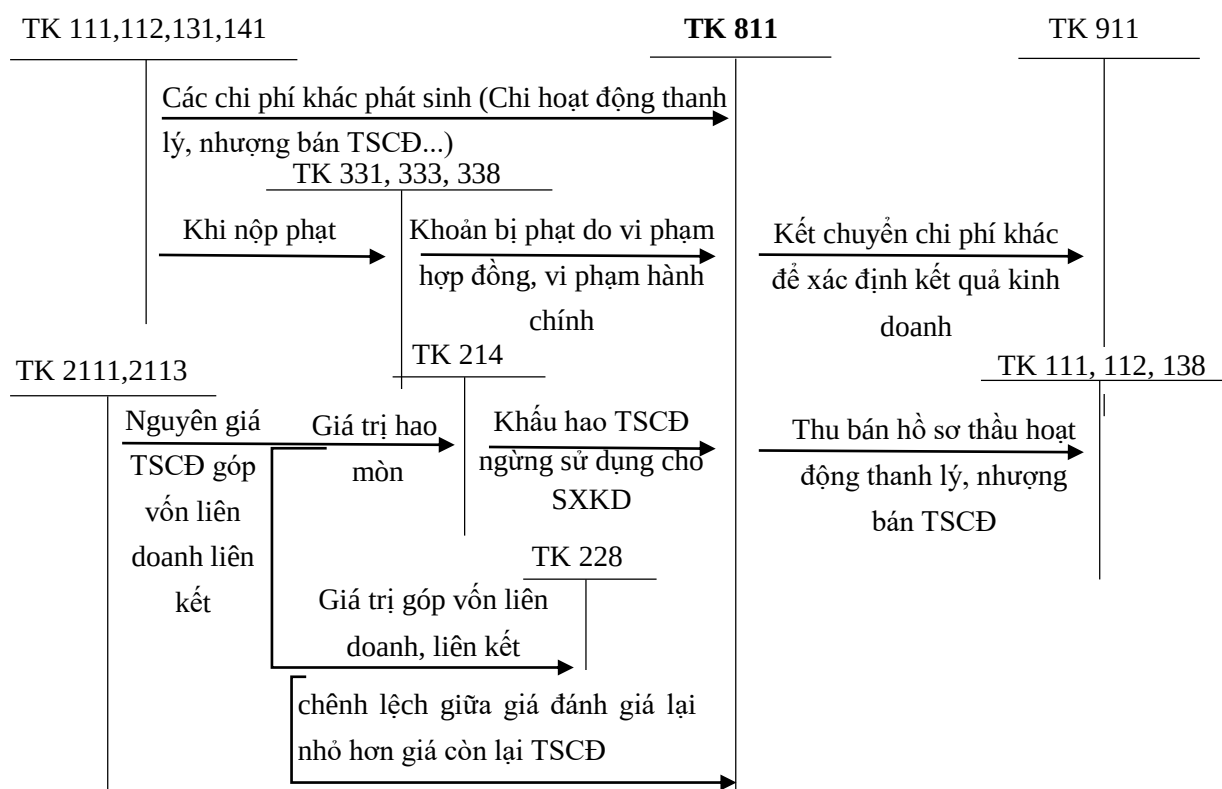
Tài khoản 811 “Chi phí khác”.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

Bảng 08: Kết cấu tài khoản 811 – Chi phí khác

d. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 08: Sơ đồ hạch toán tài khoản 811 – Chi phí khác

1.3.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm

Căn cứ Điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC: “Tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.”

Công thức tính thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	=	(Thu nhập tính thuế - Phần trích lập khoa học công nghệ (nếu có))	x	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
-------------------------------------	---	---	---	--------------------------------------

Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	(Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)
--------------------	---	--------------------	---	--

Thu nhập chịu thuế	=	(Doanh thu – Chi phí được trừ)	+	Các khoản thu nhập khác
--------------------	---	--------------------------------	---	-------------------------

b. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai thuế TNDN
- Thông báo nộp thuế của cơ quan thuế
- Biên lai nộp thuế
- Biên lai nộp thuế vào NSNN
- Giấy báo Nợ

c. Tài khoản sử dụng

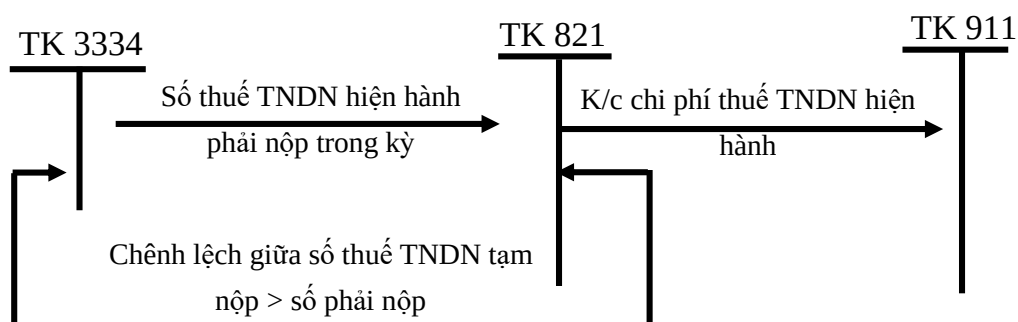
Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp, của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911.

Bảng 09: Kết cấu tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

d. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 09: Sơ đồ hạch toán tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1 Khái niệm

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công thức tính các chỉ tiêu trên Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh:

$\text{Lợi nhuận gộp về BH và CCDV} = \text{Doanh thu thuần BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán}$
--

$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về BH\&CCDV} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$

$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$
--

$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$

$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$

1.4.2 Tài khoản kế toán

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

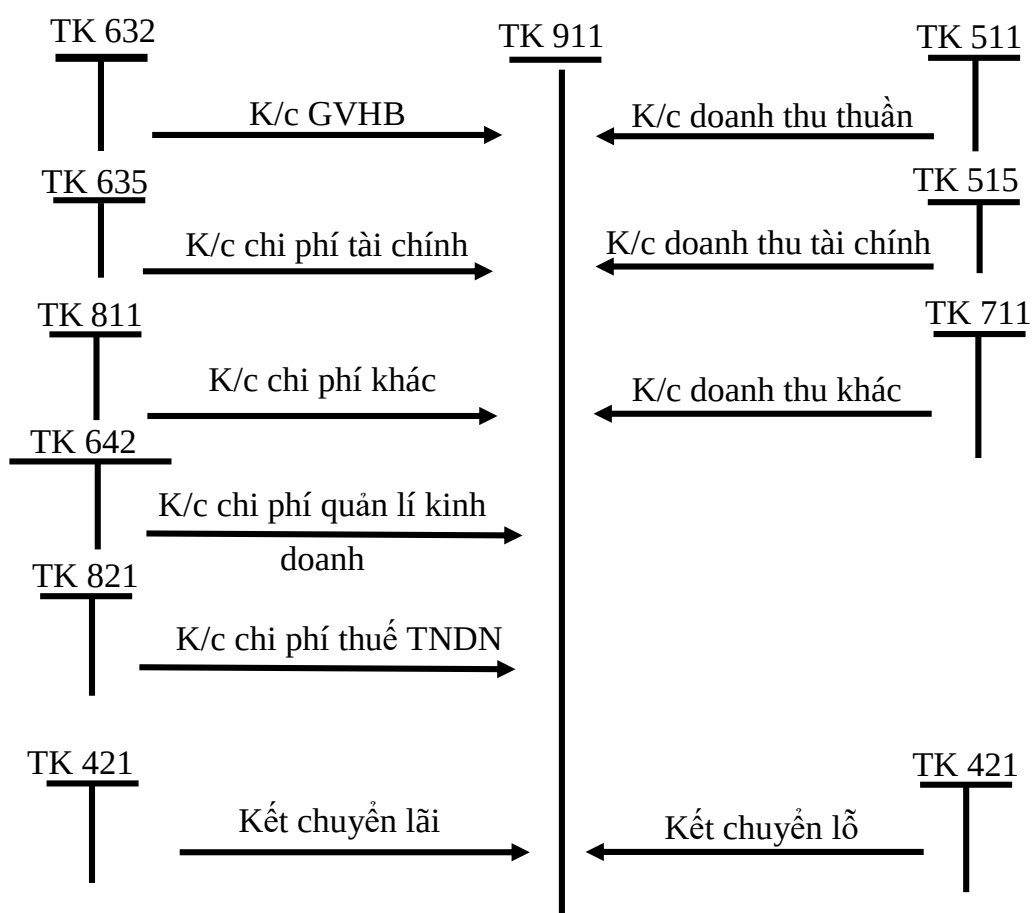
Kết cấu tài khoản:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ

Bảng 10: Kết cấu tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

1.4.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 10: Sơ đồ hạch toán tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2 – THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH

2.1 Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh

2.1.1. Sự hình thành và phát triển của doanh nghiệp.

a. Giới thiệu sơ lược về Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh.
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh.
- Mã số thuế: 3101000604
- Ngày cấp: 15/07/2015
- Số đăng ký kinh doanh: 1801267157
- Địa chỉ: Lô 46 – BD29 – Khu đô thị Bắc Lê Lợi – Phường Đồng Hới – Tỉnh Quảng Trị.
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng nhà các loại, xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng như xây dựng các công trình giao thông thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp. Kinh doanh buôn bán hàng thực phẩm, hàng tiêu dùng, bách hóa tổng hợp,....

b. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh được thành lập năm 2015, được sở kế hoạch và đầu tư Quảng Bình cấp giấy chứng nhận số 1801267157.

Những năm đầu thành lập, công ty là doanh nghiệp nhỏ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng. Những ngày đầu kinh doanh, công ty đối mặt với không ít khó khăn, thử thách, đội ngũ cán bộ quản lý điều hành của công ty còn non trẻ, hơn hết điều khó khăn nhất với doanh nghiệp xây dựng mới thành lập chính là số vốn điều lệ chưa cao, tiềm ẩn nhiều nguy cơ và rủi ro. Song công ty luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách trong giai đoạn đầu với phương châm định hướng phát triển công ty “Để phát triển lâu dài thì phải có sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, vì vậy chất lượng mỗi công trình hoàn thành phải luôn được đặt lên hàng đầu”.

Cho đến nay công ty đã đạt được những thành công nhất định, đi vào thời kỳ ổn định hoạt động kinh doanh, đi cùng với đó, doanh nghiệp mạnh dạn mở rộng quy mô kinh doanh cũng như tham gia vào một số những ngành nghề kinh doanh mới. Trên bước đường hội nhập, công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, kỷ nguyên công nghệ 4.0 tác động vô cùng mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực công ty luôn nhận thức đầy đủ về những khó khăn thử thách phía trước và luôn đặt ra nhiệm vụ chiến lược, luôn phấn đấu không ngừng cập nhật các

tri thức công nghệ, nâng cao năng lực, nhằm thỏa mãn một cách cao nhất các yêu cầu của đối tác đối với sản phẩm, dịch vụ công ty cung cấp.

2.1.2 Đặc điểm ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh là công ty kinh doanh hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

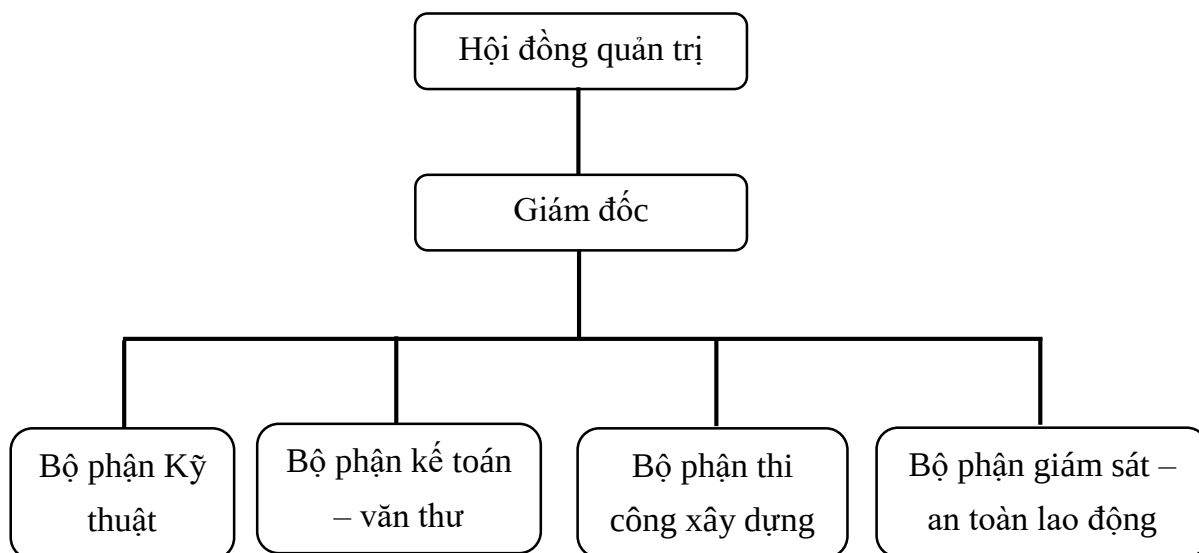
Được thành lập năm 2015, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh đã từng bước lớn mạnh và phát triển trong các lĩnh vực xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Qua 11 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh là đối tác của nhiều Quý cơ quan, Quý doanh nghiệp với những sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ chất lượng, chính hãng từ các nhà sản xuất hàng đầu trong nước, chất lượng đảm bảo tốt nhất.

Các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty kinh doanh phục vụ nhu cầu của nhiều đối tượng khác nhau, điều đó giúp Công ty khẳng định vị thế và vai trò của mình trên thị trường. Trong thời gian tới, Công ty sẽ mở rộng quy mô kinh doanh, duy trì mối quan hệ hợp tác với các khách hàng, nhà cung cấp lâu năm và tìm kiếm thêm.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh

a. Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 11: Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh

b. Chức năng và nhiệm vụ của các vị trí

Căn cứ vào sơ đồ bộ máy quản lý của công ty, mỗi bộ phận đảm nhận những chức năng và nhiệm vụ riêng nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện hiệu quả.

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, đại diện cho các cổ đông trong việc định hướng chiến lược phát triển và quyết định các vấn đề quan trọng như kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án đầu tư và phân phối lợi nhuận. Đồng thời, Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc nhằm đảm bảo việc điều hành công ty phù hợp với mục tiêu đã đề ra.

- Giám đốc là người trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Giám đốc có nhiệm vụ quản lý các bộ phận chức năng, ký kết các hợp đồng kinh tế và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các yếu tố kỹ thuật trong quá trình thi công công trình. Bộ phận này có nhiệm vụ lập biện pháp thi công, triển khai bản vẽ kỹ thuật, hướng dẫn thi công tại công trình, đồng thời kiểm tra và giám sát chất lượng kỹ thuật của từng hạng mục. Ngoài ra, bộ kỹ thuật còn phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.

- Bộ phận kế toán – văn thư có chức năng quản lý tài chính và thực hiện công tác hành chính của công ty. Cụ thể, bộ phận kế toán thực hiện ghi chép, phản ánh và tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo dõi công nợ, quản lý thu – chi, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế theo quy định. Bên cạnh đó, bộ phận văn thư chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, chứng từ, quản lý văn bản đi – đến, đảm bảo công tác hành chính được thực hiện đầy đủ và khoa học.

- Bộ phận thi công có chức năng trực tiếp thực hiện các hoạt động xây dựng, sản xuất tại công trường theo hợp đồng đã ký kết. Đây là bộ phận đóng vai trò cốt lõi trong việc tạo ra sản phẩm xây dựng, đảm bảo công trình được hoàn thành đúng thiết kế, tiến độ và yêu cầu kỹ thuật. Bộ phận này chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thi công công trình, đảm bảo tiến độ kế hoạch thi công, quản lý chất lượng công trình, chi phí thi công, bàn giao và nghiệm thu công trình.

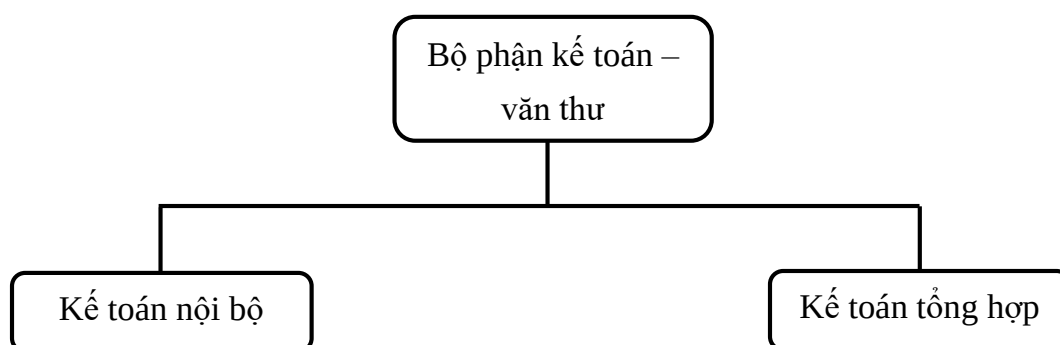
- Bộ phận giám sát – an toàn lao động có chức năng kiểm tra, giám sát quá trình thi công nhằm đảm bảo công trình được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật và an toàn lao động. Bộ phận này có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về kỹ thuật và an toàn tại công trình, phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong quá trình thi công. Đồng thời, bộ phận còn đảm bảo các điều kiện an toàn lao động cho công nhân, góp phần hạn chế rủi ro và tai nạn lao động.

Như vậy, các bộ phận trong công ty được tổ chức hợp lý, có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng và phối hợp chặt chẽ với nhau dưới sự điều hành của Giám đốc và sự giám sát của Hội đồng quản trị, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.4 Tổ chức kế toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh

a. Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán

Hiện nay, tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh chỉ có 2 kế toán là kế toán nội bộ và kế toán tổng hợp.



Sơ đồ 12: Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh

b. Chức năng và nhiệm vụ của các vị trí

- Kế toán nội bộ

Chức năng: Kế toán nội bộ thực hiện việc thu thập, ghi chép và kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, phục vụ cho công tác quản lý nội bộ.

Nhiệm vụ:

- + Ghi chép các khoản thu – chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- + Theo dõi công nợ phải thu, phải trả
- + Kiểm soát chi phí phát sinh, đặc biệt theo từng công trình
- + Tập hợp chứng từ, hóa đơn đầu vào – đầu ra
- + Hỗ trợ tính giá thành công trình
- + Lập các báo cáo nội bộ theo yêu cầu của lãnh đạo
- + Phối hợp với các bộ phận khác để kiểm soát hoạt động tài chính

- Kế toán tổng hợp

Chức năng: Kế toán tổng hợp là người chịu trách nhiệm tổng hợp toàn bộ số liệu kế toán, kiểm tra tính chính xác và lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

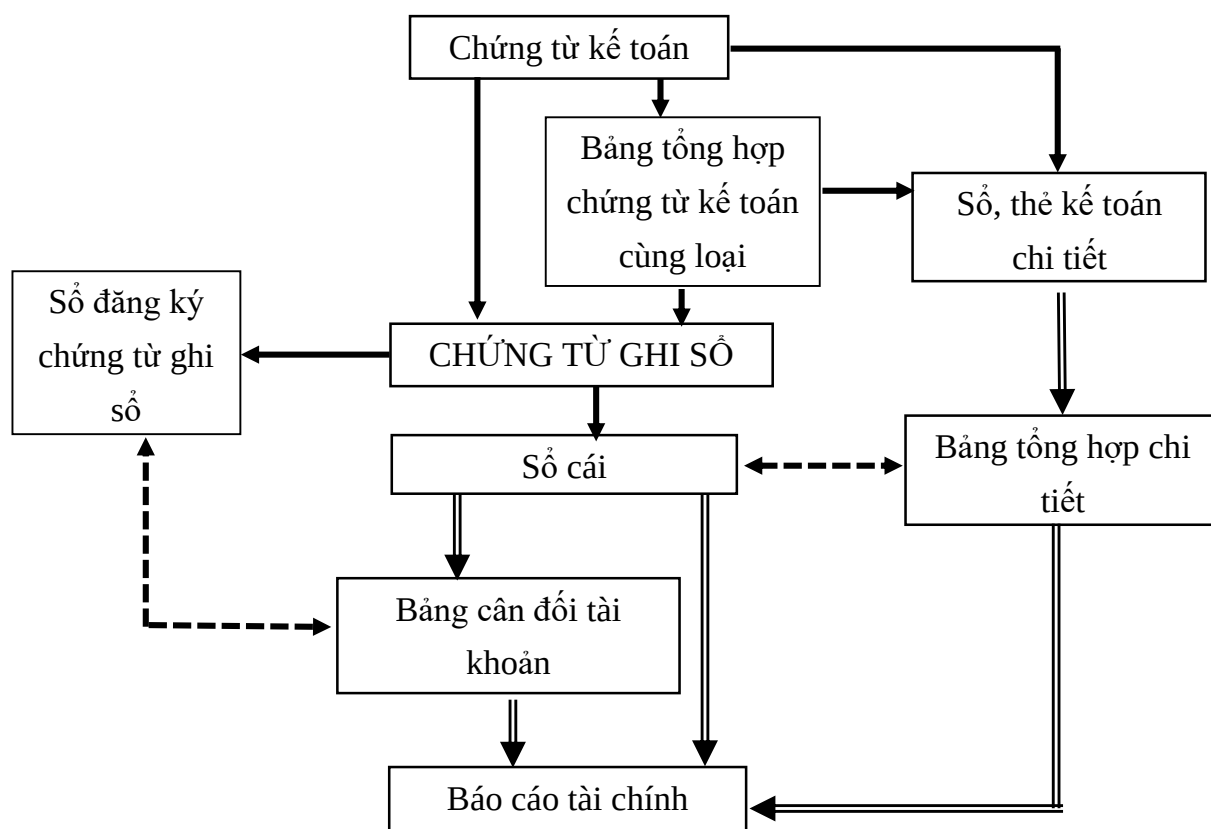
Nhiệm vụ:

- + Kiểm tra, đối chiếu số liệu từ kế toán nội bộ

- + Hạch toán các nghiệp vụ kế toán tổng hợp
- + Thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ
- + Lập báo cáo tài chính theo quy định
- + Kê khai và quyết toán thuế
- + Theo dõi tình hình tài chính tổng thể của doanh nghiệp
- + Tham mưu cho Ban giám đốc về tài chính – kế toán

c. Hình thức ghi sổ và phần mềm kế toán được sử dụng tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh

- Để đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán, cũng như điều kiện trang bị kỹ thuật phục vụ xử lý thông tin, kế toán áp dụng hình thức kế toán “**Chứng từ ghi sổ**”.
- Công ty đã áp dụng **phần mềm kế toán Việt Nam**.
- **Sơ đồ kế toán ghi theo hình thức “Chứng từ ghi sổ”**



Sơ đồ 13: Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức “Chứng từ ghi sổ”

Ghi chú:

Ghi hằng ngày	—————→
Ghi cuối kỳ	=====→
Đối chiếu, kiểm tra	----->>

Trình tự ghi sổ kế toán:

- Hằng ngày hoặc định kỳ:

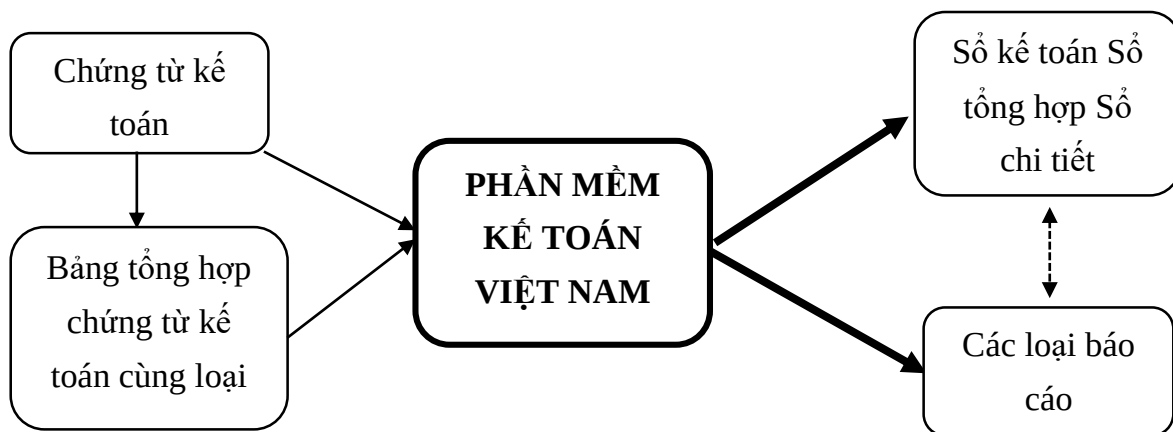
Căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng:

Phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số Phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối tài khoản.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh tài khoản phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

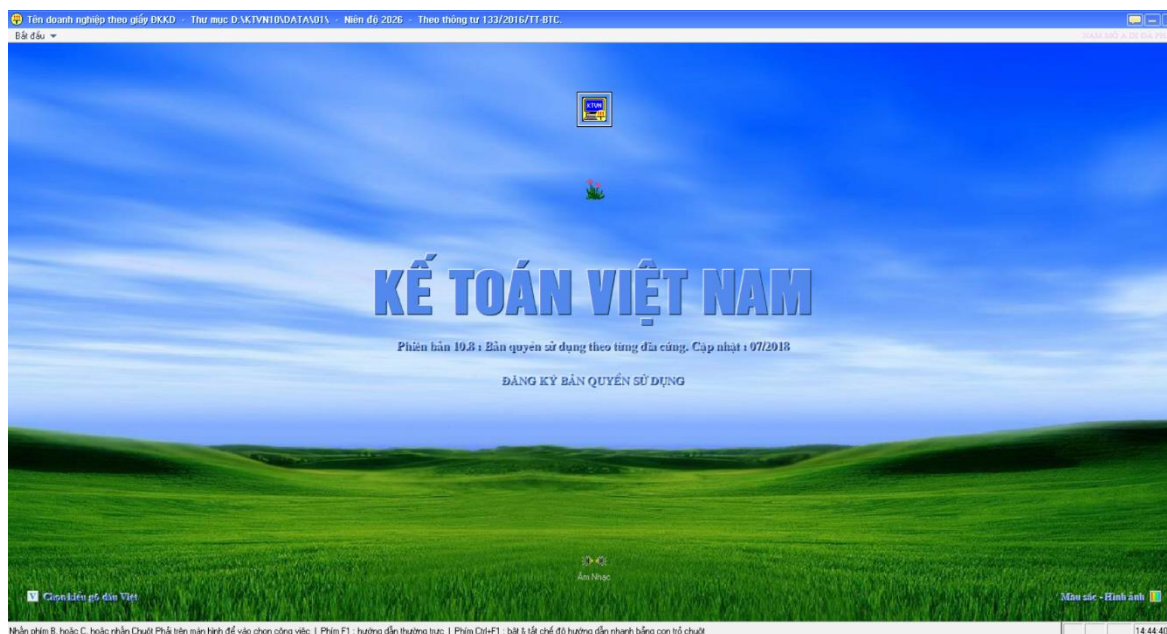
- Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



Sơ đồ 14: Sơ đồ ghi sổ theo phần mềm kế toán Việt Nam.

Ghi chú:

Nhập số liệu hằng ngày —————→
 In số báo cáo cuối tháng, quý, cuối năm —————→
 Đối chiếu kiểm tra ←-----→



Hình 2.01. Giao diện phần mềm Kế toán Việt Nam

Trình tự ghi sổ kế toán

- Hằng ngày, kế toán dựa trên các chứng từ hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và xác minh, xác định tài khoản ghi Nợ và tài khoản ghi Có, sau đó nhập liệu trực tiếp vào phần mềm kế toán theo các thông tin đã được thiết lập sẵn.
- Phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật và ghi nhận dữ liệu vào các sổ kế toán tổng hợp cũng như các sổ chi tiết liên quan. Điều này giúp đảm bảo rằng thông tin được lưu trữ và tổ chức chính xác theo từng tài khoản và đối tượng.
- Định kỳ, kế toán tiến hành khóa sổ và lập các báo cáo tài chính thông qua các chức năng có sẵn trên phần mềm. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và chi tiết cũng được phần mềm thực hiện tự động, đảm bảo tính chính xác và trung thực dựa trên dữ liệu đã nhập trong kỳ.
- Cuối niên độ, sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in ra giấy, đóng thành quyển, và thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý như ký duyệt, đóng dấu theo quy định về lưu trữ sổ sách kế toán.

d. Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán Công ty áp dụng

- Hiện nay công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 133/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành vào ngày 26/08/2016.
- Niên độ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hằng năm.
- Đơn vị tiền tệ kế toán Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao các tài sản cố định như máy móc, thiết bị,... sẽ được khấu hao theo thời gian quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.
- Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

e. Các phần hành kế toán tại Công ty

Kế toán Thanh toán: Xử lý thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, thanh toán công nợ. Kế toán Công nợ: Theo dõi các khoản phải thu (khách hàng) và phải trả (nhà cung cấp).

Kế toán Kho (Hàng tồn kho): Quản lý nhập xuất, tồn kho nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm.

Kế toán Bán hàng (Doanh thu): Ghi nhận doanh thu, quản lý hóa đơn bán hàng, VAT đầu ra.

Kế toán Thuế: Kê khai, quyết toán các loại thuế (GTGT, TNDN, TNCN).

Kế toán Tài sản cố định (TSCĐ): Theo dõi, tính khấu hao, kiểm kê tài sản dài hạn.

Kế toán Chi phí/Giá thành: Phân tích, tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Kế toán Tiền lương: Tính lương, bảo hiểm, thuế TNCN cho người lao động.

Kế toán Tổng hợp: Thu thập, xử lý, tổng hợp số liệu từ các phần hành khác để lập báo cáo tài chính (BCTC) và báo cáo quản trị.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH

2.2.1 Kế toán các khoản doanh thu

a. Kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng

a1. Nội dung doanh thu hợp đồng xây dựng tại Công ty

Tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH, doanh thu chủ yếu phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp theo hợp đồng ký kết với khách hàng. Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, các hợp đồng thường có giá trị lớn và thời gian thực hiện kéo dài qua nhiều kỳ kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng tại công ty bao gồm giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành được nghiệm thu theo từng giai đoạn hoặc khi hoàn thành toàn bộ công trình. Ngoài ra, doanh thu còn có thể bao gồm các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm do thay đổi thiết kế, phát sinh khối lượng công việc hoặc các điều khoản bổ sung trong hợp đồng.

Việc ghi nhận doanh thu được thực hiện căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giữa công ty và chủ đầu tư, đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng và tuân thủ quy định kế toán hiện hành.

a2. Đặc điểm doanh thu hợp đồng tại Công ty

Doanh thu hợp đồng xây dựng tại công ty mang những đặc điểm riêng biệt so với các ngành kinh doanh khác. Trước hết, thời gian thực hiện hợp đồng thường kéo dài, có thể qua nhiều kỳ kế toán, do đó hợp đồng xây dựng được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng có thể phát sinh các thay đổi về khối lượng, thiết kế hoặc giá trị hợp đồng, làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu ghi nhận. Vì vậy, kế toán cần thường xuyên theo dõi, cập nhật và điều chỉnh doanh thu cho phù hợp với tình hình thực tế.

a3. Chứng từ sử dụng

Để hạch toán doanh thu hợp đồng xây dựng, công ty sử dụng các loại chứng từ chủ yếu sau:

- Hợp đồng xây dựng và các phụ lục hợp đồng
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ liên quan khác

Các chứng từ này là căn cứ quan trọng để kế toán ghi nhận doanh thu, đồng thời phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu và quyết toán công trình.

a4. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 511
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái TK 511
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

a5. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và trong đó có 1 tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 5114: Doanh thu xây lắp

Đồng thời dùng các tài khoản đối ứng như:

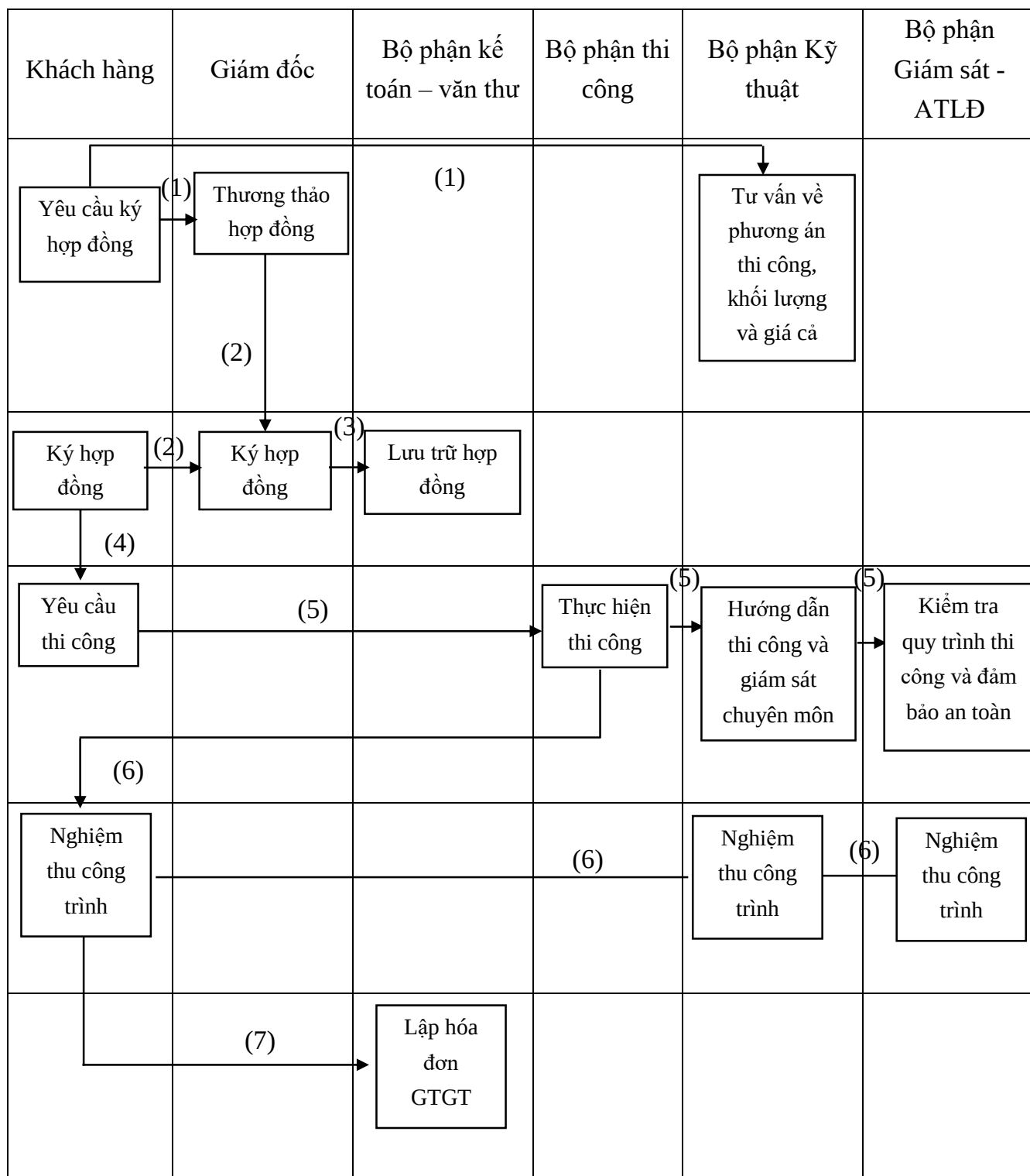
- TK 33311 – Thuế
- TK 1111 – Tiền mặt: Ghi nhận các khoản thu tiền mặt từ khách hàng
- TK 1121 – Tiền gửi ngân hàng: Ghi nhận các khoản thu qua ngân hàng
- TK 131 – Phải thu khách hàng: Ghi nhận các khoản phải thu từ khách hàng

a6. Minh họa nghiệp vụ

Trích số liệu thực tế tháng 12 tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh.

Ngày 28/08/2025, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh và Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Quảng Trị cùng ký kết hợp đồng thi công cải tạo, sửa chữa công trình nhà ở cho cán bộ, chiến sĩ ở Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh. Ngày 31/12/2025, Công ty hoàn thành công trình và bàn giao lại cho Bộ Chỉ huy theo hóa đơn số 07 với giá trị là 4.163.940.741 VNĐ chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế suất GTGT áp dụng là 8%.

Quy trình thực hiện kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng đối với nghiệp vụ này như sau:



Sơ đồ 15: Quy trình thực hiện kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 28 tháng 8 năm 2025

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 06/2025/HĐ-TCXD

GÓI THẦU XD-01: THI CÔNG XÂY DỰNG VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ KHÁCH NỘI BỘ VÀ NHÀ Ở
CÁN BỘ CHIẾN SỸ BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

GIỮA

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH QUẢNG TRỊ

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH

Dựa theo Hợp đồng, tại Phần 3: Điều kiện chung của hợp đồng, Điều 9: Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu khi nhà thầu đã hoàn thành các công việc thỏa thuận theo hợp đồng giá trị khối lượng thực hiện.

9.4. Thanh toán [quy định tại ĐKCT]

Thanh toán đến 95% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc thỏa thuận theo hợp đồng, Chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị hợp đồng bảo hành công trình theo quy định. Hoặc thanh toán hết 100% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc thỏa thuận theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành.

9.5. Thời hạn thanh toán

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu [quy định tại ĐKCT].

b) Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu [quy định tại ĐKCT] khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Điều 19 [Bảo hiểm và bảo hành]

9.7. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

9.8. Hồ sơ thanh toán [quy định tại ĐKCT]

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có thể ghi khối lượng công việc việc chi tiết hoặc

15

không ghi khối lượng công việc chi tiết mà ghi tỷ lệ phần trăm hoàn thành hoặc theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu) có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu;

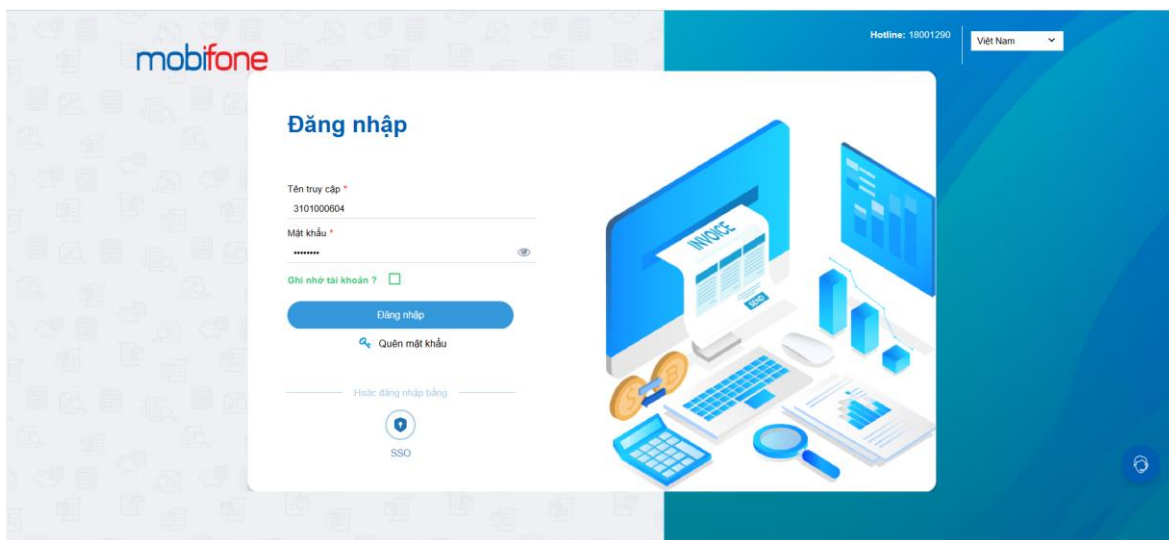
- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.



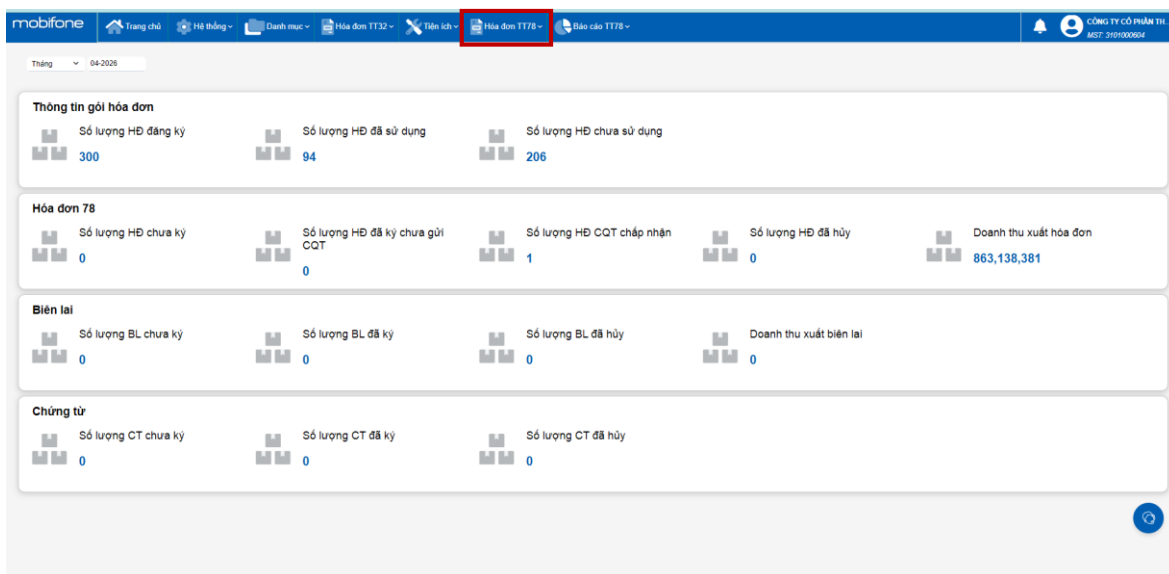
Hình 2.02: Hợp đồng thi công xây dựng công trình

Các bước nhập liệu để xuất hóa đơn như sau:

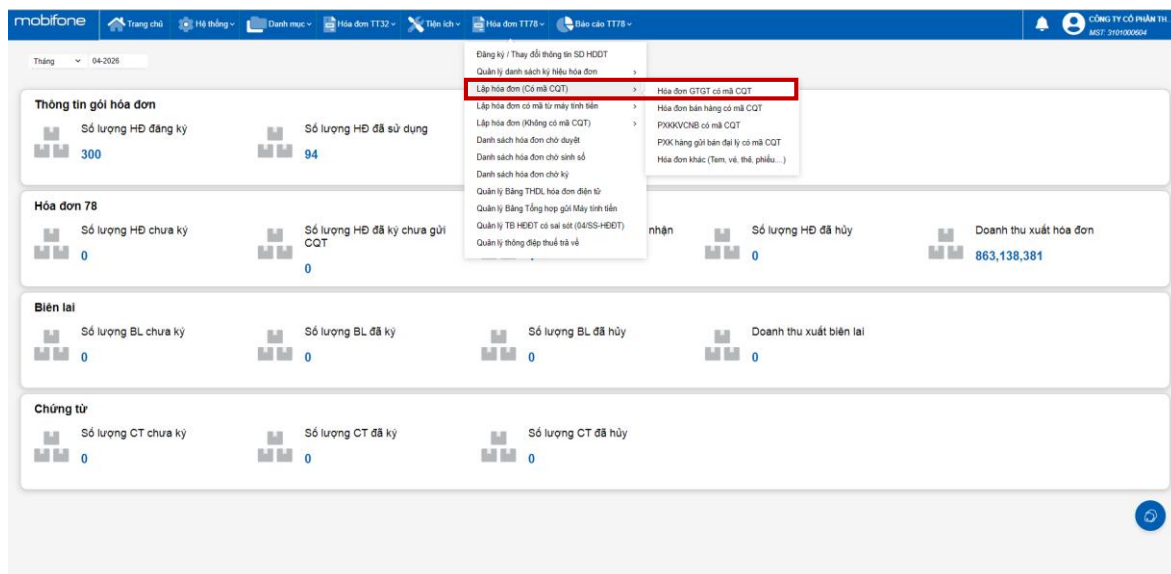
- Bước 1: Đăng nhập vào phần mềm MOBIFONE và đăng nhập vào tài khoản của Công ty:



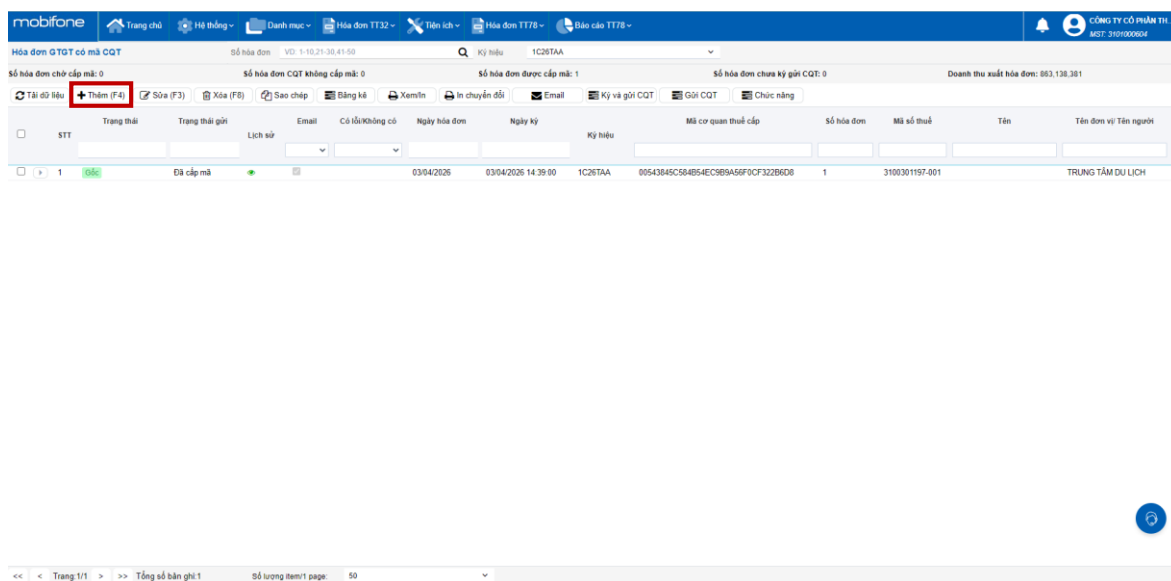
- Bước 2: Sau khi đăng nhập, trên màn hình chính chọn mục “Hóa đơn TT78”



- Bước 3: Chọn tiếp mục “Lập hóa đơn (Có mã CQT)”, tiếp đó chọn “Hóa đơn GTGT có mã CQT”



- Sau khi chọn mục “Hóa đơn GTGT có mã CQT”, ta sẽ có giao diện như dưới đây, chọn “Thêm” để lập hóa đơn:



- Bước 4: Sau đó nhập các trường thông tin cần thiết như MST, địa chỉ, tên đơn vị, mã quan hệ ngân sách,...

Ghi chú: Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Quảng Trị là đơn vị quân đội hưởng ngân sách nhà nước, nên không có MST

- Bước 5: Cuối cùng là chọn “Ký và gửi CQT” để phát hành hóa đơn và được CQT cấp mã

Ký hiệu (Serial No): 1C25TAA
Số (No): 7

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngân hàng (Bank): Nông nghiệp và PTNT Quảng Bình

Hình thức thanh toán (*Payment method*): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu không trăm năm mươi sáu nghìn đồng./

Ký, ghi rõ họ tên (Seller's signature)

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG
RỒNG XANH
Ngày ký: 31-12-2025

Mã nhận hóa đơn: **29f4930** Tra cứu tại: **<http://tracuuhoadon.mobifoneinvoice.vn>**
(Khởi tạo từ Hệ thống hóa đơn điện tử MobiFone Invoice - Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - MST: 0100686209)
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn)

Trade 1/1

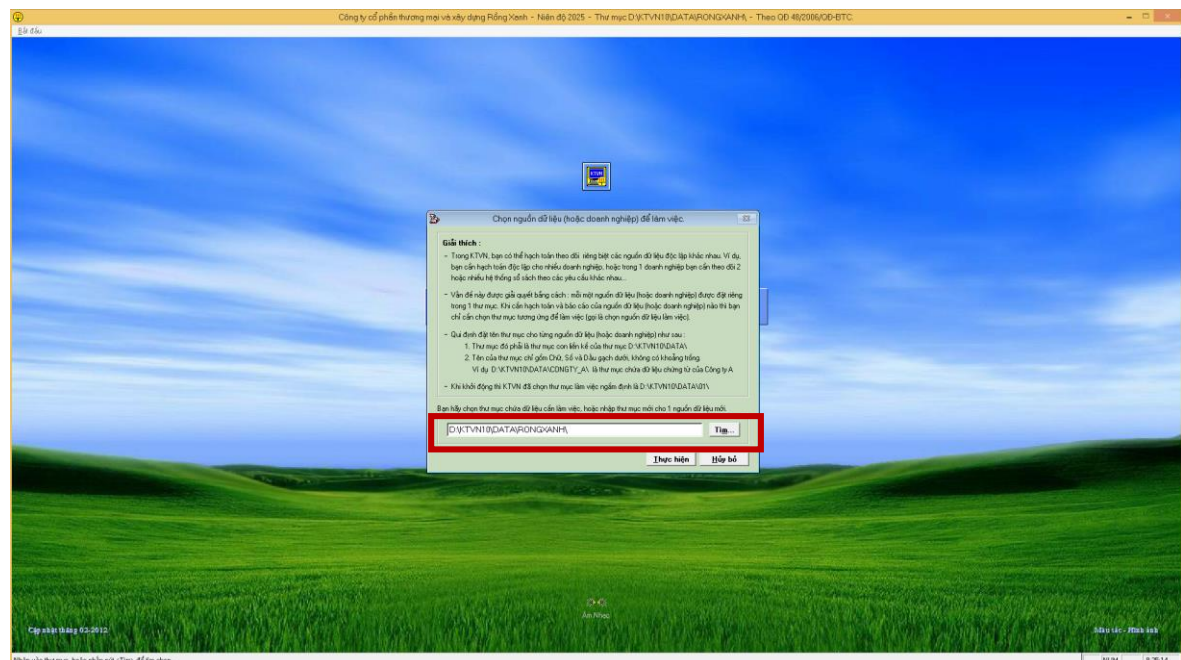
Hình 2.03: Hóa đơn GTGT số 07 ngày 31/12/2025

- Sau khi kết thúc việc viết hóa đơn, kế toán sẽ căn cứ vào hợp đồng và hóa đơn điện tử để nhập liệu vào phần mềm kế toán để ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng, kế toán sẽ làm các bước như sau:

- Bước 1: Mở và đăng nhập vào phần mềm kế toán Việt Nam và chọn “Bắt đầu” để chọn nguồn dữ liệu làm việc.



- Bước 2: Chọn nguồn dữ liệu làm việc.



- Bước 3: Vào phiếu thu tiền để ghi nhận doanh thu theo hóa đơn số 07

Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Rừng Xanh - Năm độ 2025 - Thư mục D:\TVN\B\DATA\RONGXANH - Theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Loại chứng từ: 01: Phiếu thu tiền Tháng: 12 Năm: 2025 Số CTGS: 0 Ngày ghi sổ: 31-12-2025

Ngày	Đáp	Phân thu	Ngày	Diễn giải	TK Ng	CT Ng	TK Có	CT Có	Số lượng	Đơn giá	Số tiền VND	Tỷ giá
29	0	01	29-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131	788	5114	SC1			400.961.111	
29	0	01	29-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131	788	3331				32.076.889	
31	0	02	31-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131	019	5114	CTHJ			5.729.940.741	
31	0	02	31-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131	019	5114	CTHJ			4.163.940.741	
31	0	02	31-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131	HUY	5114	ICAB			333.115.259	

Phiếu thu: 02 Ngày: 31-12-2025
 Người nộp: Nguyễn Khắc Thái Diễn giải: Doanh thu dịch vụ
 Địa chỉ: Công ty cổ phần thương mại và xây dựng Chủ kê:
 Loại hóa đơn: F04 Số hóa đơn: 7 Mã thuế: Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Quảng Trị Địa chỉ:
 Số và n: Ngày: 31-12-2025 Đơn vị:
 Mã kho: Số tiền cuối:
 T.K. Ng: 131 Phiếu thu của khách hàng Số dư cuối: 7.237.788.264 Số tiền: 333.115.259
 Chiết cấp: HUY Bộ chỉ huy quân sự Tỉnh Quảng Trị Số dư cuối: 3.160.534.000 Số tiền: 333.115.259
 Chiết cấp: 33311 Thuế GTGT đầu ra Số dư cuối: 182.896.186 Số tiền: 333.115.259
 Chiết cấp: 33311 Thuế GTGT đầu ra Số dư cuối: 182.896.186 Số tiền: 333.115.259

F2- Thêm d khoản F3- Thêm hóa đơn F4- Thêm chứng từ F5- Sửa F6- Xóa F7- Các lệnh khác... Kết thúc

Cập nhật bảng 63/2012

Các phím di chuyển: Ctrl+Home, Ctrl+End, Home, End, Ctrl+Tab... bản chức phủ để in chứng từ. Phím Alt + Mũi tên lên xuống: để vị trí dòng.

NUM 8:20:56

- Bước 4: Cuối cùng, kế toán có thể xuất các sổ trên phần mềm kế toán Việt Nam như dưới đây:

Từ chứng từ gốc có thể lên thẳng sổ chi tiết hoặc lên bảng kê chứng từ phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỪNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
 Mã số thuế : 3101000604

SỔ CHI TIẾT

Trang : 1/1
 Cả năm 2025

TÀI KHOẢN 5114-ICAB : CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ KHÁCH NỘI BỘ VÀ NHÀ Ở CHIẾN SỸ

Ngày ghi số	CHỨNG TỪ		Số hóa đơn	DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		Số lượng	Đơn giá	SỐ TIỀN PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Có)
	Số	Ngày			TK	CT			Ng	Có	
				THÁNG 12-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>							
31-12-2025	02	31-12-2025	7	Doanh thu dịch vụ	131	HUY				4.163.940.741	4.163.940.741
31-12-2025	511/811	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				4.163.940.741		
				Cộng phát sinh tháng 12-2025					4.163.940.741	4.163.940.741	
				Lũy kế phát sinh từ đầu năm					4.163.940.741	4.163.940.741	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 2.04: Sổ chi tiết tài khoản 5114

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 511 : DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		Số hóa đơn	DIỄN GIẢI	ĐỐI ỨNG		Số lượng	Đơn giá	SỐ TIỀN PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Có)
	Số	Ngày			TK	CTiết			Nợ	Có	
				THÁNG 06-2025 <i>Dự đầu kỳ</i>							
04-06-2025	01	04-06-2025	1	Doanh thu dịch vụ	131	17				906.111.111	906.111.111
				Cộng phát sinh tháng 06-2025					906.111.111	906.111.111	
				Lũy kế phát sinh từ đầu năm					906.111.111	906.111.111	
				THÁNG 09-2025							
03-09-2025	01	03-09-2025	2	Doanh thu dịch vụ	131	THUE				101.672.222	1.007.783.333
				Cộng phát sinh tháng 09-2025					101.672.222	1.007.783.333	
				Lũy kế phát sinh từ đầu năm					1.007.783.333	1.007.783.333	
				THÁNG 10-2025							
01-10-2025	01	01-10-2025	3	Doanh thu dịch vụ	131	NT				658.343.519	1.666.126.852
				Cộng phát sinh tháng 10-2025					658.343.519	1.666.126.852	
				Lũy kế phát sinh từ đầu năm					1.666.126.852	1.666.126.852	
				THÁNG 11-2025							
18-11-2025	01	18-11-2025	4	Doanh thu dịch vụ	131	174				1.610.137.569	3.276.264.421
				Cộng phát sinh tháng 11-2025					1.610.137.569	3.276.264.421	
				Lũy kế phát sinh từ đầu năm					3.276.264.421	3.276.264.421	
				THÁNG 12-2025							
29-12-2025	01	29-12-2025	5	Doanh thu dịch vụ	131	708				400.961.111	3.677.225.532
31-12-2025	02	31-12-2025	6	Doanh thu dịch vụ	131	QTR				5.720.868.519	9.398.094.051
31-12-2025	02	31-12-2025	7	Doanh thu dịch vụ	131	HUY				4.163.940.741	13.562.034.792
31-12-2025	511/911	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				400.961.111		13.161.073.681
31-12-2025	511/911	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				101.672.222		13.059.401.459
31-12-2025	511/911	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				906.111.111		12.153.290.348
31-12-2025	511/911	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				658.343.519		11.494.946.829
31-12-2025	511/911	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				1.610.137.569		9.884.809.260
31-12-2025	511/911	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				5.720.868.519		4.163.940.741
31-12-2025	511/911	31-12-2025		Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911				4.163.940.741		
				Cộng phát sinh tháng 12-2025					12.582.034.792	10.285.770.371	
				Lũy kế phát sinh từ đầu năm					12.582.034.792	12.582.034.792	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Hình 2.05: Sổ chi tiết tài khoản 511

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ PHÁT SINH

Loại chứng từ : 01. Phiếu thu tiền
 Tháng 12 Năm 2025

S T T	Ngày ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN	Số chứng từ liên quan	
		Số	Ngày		Nợ	Có			Hóa đơn	Phiếu nhập
1	29-12	01	29-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131	5114		400.961.111	5	
				Doanh thu dịch vụ	131	33311		32.076.889	5	
2	31-12	02	31-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131	5114		5.720.868.519	6	
				Doanh thu dịch vụ	131	33311		457.669.481	6	
				Doanh thu dịch vụ	131	5114		4.163.940.741	7	
				Doanh thu dịch vụ	131	33311		333.115.259	7	
				Tổng cộng				11.108.632.000		

Người lập biểu

Ngày.....thángnăm 2025
 Kế toán trưởng

Hình 2.06: Bảng kê chứng từ phát sinh loại 01

Xem và in các chứng từ, sổ sách, báo cáo năm 2025

Chọn biểu mẫu cần in :

Sửa mẫu báo cáo

Chứng từ

Sổ sách

I thuế

Báo cáo

Quyết toán

1. In các Phiếu thu tiền mặt

2. In các Phiếu chi tiền mặt

3. In các Phiếu nhập kho

4. In các Phiếu xuất kho

5. In các Phiếu chuyển kho

6. In các Hóa đơn GTGT đầu ra

7. In các Phiếu xuất kho giá bán

8. In các Chứng từ ghi sổ

9. In các Bảng kê phát sinh của Chứng từ ghi sổ

a. In Bảng kê chứng từ phát sinh theo thời gian

Ghi chú : có thể in chứng từ tại màn hình nhập phát sinh

Chứng từ ghi sổ. Tổng hợp các định khoản và số tiền của nhiều chứng từ gốc cùng năm trong một CTGS.

Chọn thời gian và qui cách cho biểu mẫu hiện tại :

Lập theo tháng

Từ tháng

Từ ngày

Lập theo ngày

Đến tháng

Đến ngày

Loại chứng từ

01. Phiếu thu tiền

In thẳng ra máy in, không cần xem trước phiếu trên màn hình

Sửa lại tiêu đề của biểu mẫu

Chứng từ ghi sổ

Họ tên người lập biểu mẫu

Hiện màn hình cho phép sửa lại số liệu trên biểu mẫu trước khi in ..

In ngày tháng năm in ấn tại trang cuối cùng của biểu mẫu

Điền sẵn họ tên của Người lập biểu, Kế toán trưởng

Xuất sang tập tin excel có chuyển đổi sang Font Unicode

Tăng giảm lề trái của biểu mẫu, từ -50 mm đến +50 mm

Xem và in

Xuất sang Excel

Kết thúc

Hình 2.07: Giao diện xuất sổ Chứng từ ghi sổ

Tại Công ty, Chứng từ ghi sổ là tổng hợp các định khoản và số tiền của nhiều chứng từ gốc cùng loại trong cùng một chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 01. Phiếu thu tiền

Số : 0

Ngày : 31-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tổng hợp định khoản các chứng từ gốc thuộc chứng từ ghi sổ - Số : 0	131	11.108.632.000	333	822.861.629
			511	10.285.770.371
Cộng		11.108.632.000		11.108.632.000

Kèm theo 2 chứng từ.

Ngày : ... tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.08: Sổ Chứng từ ghi sổ loại 01

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

Trang : 1/1

SỔ CÁI

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 511 - DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại . số	Ngày			Nợ	Có
			THÁNG 06-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>			
30-06	01.0	04-06-2025	Doanh thu dịch vụ	131		906.111.111
			Cộng phát sinh tháng 06-2025			906.111.111
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			906.111.111
			Số dư cuối tháng 06-2025			906.111.111
			THÁNG 09-2025			
30-09	01.0	03-09-2025	Doanh thu dịch vụ	131		101.672.222
			Cộng phát sinh tháng 09-2025			101.672.222
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			1.007.783.333
			Số dư cuối tháng 09-2025			1.007.783.333
			THÁNG 10-2025			
31-10	01.0	01-10-2025	Doanh thu dịch vụ	131		658.343.519
			Cộng phát sinh tháng 10-2025			658.343.519
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			1.666.126.852
			Số dư cuối tháng 10-2025			1.666.126.852
			THÁNG 11-2025			
30-11	01.0	18-11-2025	Doanh thu dịch vụ	131		1.610.137.569
			Cộng phát sinh tháng 11-2025			1.610.137.569
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			3.276.264.421
			Số dư cuối tháng 11-2025			3.276.264.421
			THÁNG 12-2025			
31-12	01.0	31-12-2025	Doanh thu dịch vụ	131		10.285.770.371
31-12	99.0	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	911	13.562.034.792	
			Cộng phát sinh tháng 12-2025		13.562.034.792	10.285.770.371
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		13.562.034.792	13.562.034.792
			Số dư cuối tháng 12-2025			

Ngày : ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.09: Sổ Cái tài khoản 511

b. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong năm 2025, tại Công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

c. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

c1. Nội dung về doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty phát sinh chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

c2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có ngân hàng.

c3. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 515

- Sổ Cái TK 515

c4. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

c5. Minh họa nghiệp vụ

- Trong tháng, Công ty nhận được Giấy báo Có của Ngân hàng về khoản lãi. Kế toán tập hợp số liệu vào phần mềm. Căn cứ vào chứng từ, hạch toán lên phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ chi tiết TK 515 và sổ Nhật ký chung.

- Ngày 30/11/2025, kế toán nhận được chứng từ giao dịch từ ngân hàng Agribank về lãi tiền gửi tháng 11 với số tiền là 47.200 đồng.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Mang phồn thịnh đến khách hàng

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
Ngày: 30/11/2025
Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 012/3800 Ký hiệu: GL/25
Số chứng từ: 11300022000000168
Ngày giá trị: 30/11/2025
SGD: 168 SBT:

Chi nhánh: 3800 - Agribank Chi nhánh Quảng Bình
Địa chỉ: 02 Mẹ Suối - phường Đồng Hới - tỉnh Quảng Trị

Mã số thuế: 0100686174-096
Điện thoại/Fax: 052.823117/052.822647

Tên khách hàng: Công ty TNHH và XD Rừng Xanh
Địa chỉ: 36 Nguyễn Đức Cảnh, Đồng Mỹ, - Đồng Hới, Quảng Bình-0987960678
Mã số khách hàng: 3800281490149
Loại giao dịch: Interest Deposit
Nội dung:

Mã số thuế: 3101000604
Số tài khoản: 3800201009265

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Số dư tích lũy:	8.615.903.291	VND	
Lãi nhập gốc:	47.200	VND	

Mẫu ID(P0) theo VB số 599/CP-NHNg-TCKT ngày 19/04/2017

Khách hàng (Ký và ghi rõ họ tên) Thủ quỹ Giao dịch viên (Mã GDV: 3800GL) Kiểm soát (Mã KS:) Giám đốc

Hình 2.10: Chứng từ giao dịch ngân hàng Agribank

TÀI KHOẢN 515 : DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Có)
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>					
31-01-2025	06	31-01-2025	Lãi	1121	01		147.000	147.000
			Cộng phát sinh tháng 01-2025				147.000	147.000
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				147.000	147.000
			THÁNG 02-2025					
28-02-2025	03	28-02-2025	Lãi	1121	01		63.000	210.000
			Cộng phát sinh tháng 02-2025				63.000	210.000
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				210.000	210.000
			THÁNG 03-2025					
31-03-2025	01	31-03-2025	Lãi	1121	01		37.100	247.100
			Cộng phát sinh tháng 03-2025				37.100	247.100
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				247.100	247.100
			THÁNG 04-2025					
30-04-2025	02	30-04-2025	Lãi	1121	01		84.400	331.500
			Cộng phát sinh tháng 04-2025				84.400	331.500
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				331.500	331.500
			THÁNG 05-2025					
31-05-2025	01	31-05-2025	Lãi tài khoản	1121	01		5.400	336.900
			Cộng phát sinh tháng 05-2025				5.400	336.900
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				336.900	336.900
			THÁNG 06-2025					
30-06-2025	04	30-06-2025	Lãi	1121	01		32.400	369.300
			Cộng phát sinh tháng 06-2025				32.400	369.300
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				369.300	369.300
			THÁNG 07-2025					
31-07-2025	15	31-07-2025	Lãi	1121	01		59.400	428.700
			Cộng phát sinh tháng 07-2025				59.400	428.700
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				428.700	428.700
			THÁNG 08-2025					
31-08-2025	09	31-08-2025	Lãi	1121	01		500	429.200
			Cộng phát sinh tháng 08-2025				500	429.200
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				429.200	429.200
			THÁNG 09-2025					
30-09-2025	08	30-09-2025	Lãi	1121	01		5.600	434.800
			Cộng phát sinh tháng 09-2025				5.600	434.800
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				434.800	434.800
			THÁNG 10-2025					
31-10-2025	02	31-10-2025	Lãi	1121	01		45.500	480.300
			Cộng phát sinh tháng 10-2025				45.500	480.300
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				480.300	480.300
			THÁNG 11-2025					
30-11-2025	01	30-11-2025	Lãi	1121	01		47.200	527.500
			Cộng phát sinh tháng 11-2025				47.200	527.500
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				527.500	527.500
			THÁNG 12-2025					
23-12-2025	02	23-12-2025	Lãi	1121	01		37.700	565.200
31-12-2025	615/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tài chính	911		565.200		
			Cộng phát sinh tháng 12-2025			565.200	37.700	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			565.200	565.200	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 2.11: Sổ chi tiết tài khoản 515

Hoặc có thể xuất Bảng kê chứng từ phát sinh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 08.Chứng từ thu ngân hàng

Số CTGS : 0

Ngày : 30-11-2025

Đơn vị tính : Đồng

S T T	Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
		Số	Ngày		Nợ	Có	
1	04-11	01	04-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	15.000.000
2	06-11	01	06-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	22.000.000
3	07-11	01	07-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	15.940.000
4	10-11	01	10-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	2.217.600
				Thu nợ	1121	131	200.000.000
5	11-11	01	11-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	4.935.000
6	14-11	01	14-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	6.400.000
				Thu nợ	1121	131	300.000.000
7	24-11	01	24-11-2025	Thu nợ	1121	131	1.115.718.770
8	25-11	01	25-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	7.500.000
9	27-11	01	27-11-2025	Nộp tiền	1121	1111	13.400.000
				Nộp tiền	1121	1111	19.000.000
				Nộp tiền	1121	1111	20.000.000
				Nộp tiền	1121	1111	16.179.000
				Nộp tiền	1121	1111	70.000.000
10	29-11	01	29-11-2025	Thu nợ	1121	131	125.952.500
11	30-11	01	30-11-2025	Lãi	1121	515	47.200
				Tổng cộng			1.954.290.070

Ngày.....tháng 11 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.12: Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 08

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 08.Chứng từ thu ngân hàng

Số : 0

Ngày : 30-11-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tổng hợp định khoản các chứng từ gốc thuộc chứng từ ghi sổ - Số : 0	112	1.954.290.070	111	212.571.600
			131	1.741.671.270
			515	47.200
Cộng		1.954.290.070		1.954.290.070

Kèm theo 11 chứng từ.

Ngày.... tháng 11 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.13: Chứng từ ghi sổ loại 08

SỔ CÁI

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 515 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại . số	Ngày			Nợ	Có
31-01	08.0	31-01-2025	lãi	112		147.000
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>			
			Cộng phát sinh tháng 01-2025			147.000
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			147.000
			Số dư cuối tháng 01-2025			147.000
28-02	08.0	28-02-2025	Lãi	112		63.000
			THÁNG 02-2025			
			Cộng phát sinh tháng 02-2025			63.000
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			210.000
			Số dư cuối tháng 02-2025			210.000
31-03	08.0	31-03-2025	Lãi	112		37.100
			THÁNG 03-2025			
			Cộng phát sinh tháng 03-2025			37.100
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			247.100
			Số dư cuối tháng 03-2025			247.100
...						
30-11	08.0	30-11-2025	Lãi	112		47.200
			THÁNG 11-2025			
			Cộng phát sinh tháng 11-2025			47.200
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			527.500
			Số dư cuối tháng 11-2025			527.500
31-12	08.0	23-12-2025	Lãi	112		37.700
31-12	99.0	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	565.200	
			THÁNG 12-2025			
			Cộng phát sinh tháng 12-2025		565.200	37.700
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		565.200	565.200
			Số dư cuối tháng 12-2025			

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.14: Sổ Cái tài khoản 515

d. Kế toán các khoản thu nhập khác

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh nghiệp vụ về các khoản thu nhập khác.

2.2.2 Kế toán các khoản chi phí

a. Kế toán giá vốn công trình xây dựng

a1. Nội dung về giá vốn công trình xây dựng tại Công ty

- Tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh, giá vốn công trình xây dựng được hiểu là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến quá

trình thi công các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành và được nghiệm thu, bàn giao trong kỳ.

- Theo chế độ kế toán hiện hành, giá vốn công trình xây dựng thường bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và chi phí sử dụng máy thi công. Tuy nhiên, tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh, kế toán hiện chủ yếu thực hiện tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để xác định giá vốn công trình. Những chi phí này có thể phát sinh từ việc công ty mua ngoài, với những chi phí nào phục vụ cho sản xuất nhiều kỳ, doanh nghiệp có thể xem đó là chi phí trả trước và thực hiện phân bổ theo thời gian phù hợp.

- Cuối kỳ, kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh tiến hành tổng hợp các khoản chi phí đã phát sinh, từ đó xác định giá vốn của phần khối lượng công trình đã hoàn thành, làm căn cứ để ghi nhận giá vốn và xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

a2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng mua nguyên vật liệu, dịch vụ
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương
- Hợp đồng xây dựng, hợp đồng giao khoán
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành
- Biên bản bàn giao công trình
- Các chứng từ có liên quan khác

a3. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết tài khoản 632,...
- Sổ cái các tài khoản liên quan như TK 154, TK 632,...
- Các sổ chi tiết khác có liên quan

a4. Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán. Trong đó có 2 tài khoản cấp 2:
 - + TK 6323 - Giá vốn hàng bán dịch vụ: Theo dõi các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí trả trước phân bổ, tài khoản này không được chi tiết cho từng công trình.
 - + TK 6324 - Giá vốn công trình: Theo dõi các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng cho công trình, phát sinh đối ứng với TK 154..., tài khoản này được mở theo dõi chi tiết theo công trình.

a5. Minh họa nghiệp vụ

Theo nghiệp vụ minh họa ở mục a5 tại mục kế toán doanh thu hợp đồng xây, ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh hoàn thành công trình: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, thuộc công trình: Cải tạo, sửa chữa Nhà

khách nội bộ và Nhà ở cán bộ chiến sỹ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Theo Hợp đồng 06/2025/HĐ-TCXD ngày 28/08/2025), các nguyên vật liệu chính được sử dụng cho công trình (được minh họa bởi phiếu xuất kho dưới đây):

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
 Mã số thuế : 3101000604

Mẫu số 02 -VT

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 02

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (Liên 1)

Nợ : 15421
 Có : 1522

- **Họ tên người nhận hàng** : Nguyễn Khắc Thức
- **Địa chỉ** : Công ty cổ phần thương mại và XD Rồng Xanh
- **Lý do xuất kho** : Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025
- **Xuất tại kho** : Kho hàng chung

Stt	Tên mặt hàng	Mã hàng	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch ốp 40x80	GL48	Hộp	1.131,000	105.865,02	119.733.333
2	Gạch 80x80 MB	G1	M2	1.185,000	125.019,53	148.148.148
3	Camera	CAM	VND			208.578.677
4	Nhôm thanh	80	Kg	3.521,333	77.450,01	272.727.273
5	Thanh nhôm	NH	Kg	3.889,000	93.505,34	363.642.273
6	Thép không rỉ dạng hộp sus304	TK	KG	7.001,870	58.791,96	411.653.677
7	Sơn các loại	SCL	VND			2.300.000.010
	Cộng					3.824.483.391

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Ba tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi một đồng chẵn.
 Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Hình 2.15: Phiếu xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025

- Chi phí thi công công trình được tập hợp vào tài khoản 154 được trình bày tại phụ lục Sổ chi tiết 15421 tại trang 98, sau đó kết chuyển sang 632 để tính giá vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
 Mã số thuế : 3101000604

SỔ CHI TIẾT

Trang : 1/1
 Cả năm 2025

TÀI KHOẢN 6324-ICAB : CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ KHÁCH NỘI BỘ VÀ NHÀ Ở CHIẾN SỸ

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Nợ)
	Số	Ngày		TK	Chi tiết	Nợ	Có	
			THÁNG 12-2025 <i>Dư đầu kỳ.</i>					
31-12-2025	632/1541	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	ICAB	3.824.483.391		3.824.483.391
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			3.824.483.391	
			Cộng phát sinh tháng 12-2025 Lũy kế phát sinh từ đầu năm			3.824.483.391 3.824.483.391	3.824.483.391 3.824.483.391	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 2.16: Sổ chi tiết tài khoản 6324

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 6324 : GIÁ VỐN CÔNG TRÌNH

Ngày ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Nợ)
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	
			THÁNG 12-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>					
31-12-2025	01	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 6 ngày 31/12/2025	15424	CTIET01	2.111.722.988		2.111.722.988
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	SC1	139.052.400		2.250.775.388
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	CONGTR	99.931.213		2.350.706.601
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	CTY	198.930.534		2.549.637.135
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	VCB	649.550.358		3.199.187.493
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	CHN	1.581.284.164		4.780.471.657
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	CTHU	1.556.146.476		6.336.618.133
31-12-2025	632/1541	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	15421	ICAB	3.824.483.391		10.161.101.524
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			139.052.400	10.022.049.124
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			99.931.213	9.922.117.911
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			198.930.534	9.723.187.377
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			649.550.358	9.073.637.019
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			1.581.284.164	7.492.352.855
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			3.667.869.464	3.824.483.391
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			3.824.483.391	
			Cộng phát sinh tháng 12-2025			10.161.101.524	10.161.101.524	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			10.161.101.524	10.161.101.524	

Người ghi số

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 2.17: Sổ chi tiết tài khoản 6324

- Trong các doanh nghiệp xây dựng, giá vốn công trình thường được cấu thành từ nhiều khoản mục chi phí như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Tuy nhiên, tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh, kế toán chủ yếu thực hiện tập hợp và hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để xác định giá vốn công trình. Các khoản chi phí khác như chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung chưa được theo dõi, phân bổ riêng cho từng công trình mà được xử lý chung theo hoạt động của doanh nghiệp, và được ghi nhận vào chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.
- Do đó, giá vốn công trình tại công ty hiện nay chủ yếu phản ánh giá trị nguyên vật liệu xuất dùng phục vụ thi công công trình. Việc hạch toán được thực hiện thông qua nghiệp vụ xuất kho nguyên vật liệu và kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của công trình tương ứng.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TQH
Số: 36

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

MCCQT: 00A251CB1EDBDF45148D8BFC624C07840F

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP QUYỀN HIỀN

Mã số thuế: 3101133925

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 269 Lý Thái Tổ, Phường Đồng Sơn, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 3101000604

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: Lô 46 - BD 29 - Khu đô thị Bắc Lê Lợi, Phường Đồng Hới, Quảng Trị

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Thi công trần Khung xương Ba si và tấm c bống âm	m2	1.130	166.667	0	8%	188.333.710
2	Hàng hóa, dịch vụ		Thi công trần Khung xương Vĩnh Tường T - Light và tấm thả nh ựa	m2	710	157.407	0	8%	111.758.970
3	Hàng hóa, dịch vụ		Vách hai mặt	m2	280	240.741	0	8%	67.407.480

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	
8%	367.500.160	29.399.840	
Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)			367.500.160
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)			29.399.840
Tổng tiền phí			
Tổng tiền chiết khấu thương mại			0
Tổng tiền thanh toán bằng số			396.900.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ			Ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH TỔNG
HỢP QUYỀN HIỀN
Ký ngày: 2025-12-31 13:55:39

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.18: Hóa đơn GTGT số 36 ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
 Mã số thuế : 3101000604

PHIẾU ĐỊNH KHOẢN CHỨNG TỪ

Loại chứng từ: 02 Ngày ghi sổ: 31-12-2025

Số : **36**
 Ngày : **31-12-2025**

DIỄN GIẢI	GHI NỢ			GHI CÓ			SỐ TIỀN
	TK	CTiết 1	CTiết 2	TK	CTiết 1	CTiết 2	
A/ Các định khoản chi tiết trong chứng từ phát sinh							
Mua hàng	6323			331	QHI		367.500.160
Mua hàng	1331			331	QHI		29.399.840
Tổng cộng							396.900.000
B/ Tổng hợp các định khoản để ghi sổ tổng hợp	133						29.399.840
	632						367.500.160
				331			396.900.000

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Hình 2.19: Phiếu định khoản hóa đơn GTGT số 36

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 36 ngày 31/12/2025 của Công ty TNHH Tổng hợp Quyền Hiền về chi phí thi công công trình, kế toán ghi nhận khoản chi phí phát sinh chưa thanh toán cho nhà cung cấp.

Nghiệp vụ này phản ánh chi phí thực tế phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và công nợ phải trả cho nhà cung cấp.

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 6323 : GIÁ VỐN BÁN HÀNG DỊCH VỤ

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Nợ)
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	
			THÁNG 06-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>					
09-06-2025	01	09-06-2025	Về sinh thời bụi cục thuế tính	331	494	694.444.444		694.444.444
18-06-2025	07	18-06-2025	Mua hàng	331	10	462.963		694.907.407
			Cộng phát sinh tháng 06-2025			694.907.407		694.907.407
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			694.907.407		694.907.407
			THÁNG 10-2025					
18-10-2025	09	18-10-2025	Thanh toán tiền hàng	1111		2.000.000		696.907.407
24-10-2025	13	24-10-2025	Nghiệm thu khối lượng cửa nhôm	331	TL	369.352.778		1.066.260.185
29-10-2025	16	29-10-2025	Cung cấp , sửa chữa hệ thống tủ điện	331	TD	64.814.815		1.131.075.000
			Cộng phát sinh tháng 10-2025			436.167.593		1.131.075.000
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			1.131.075.000		1.131.075.000
			THÁNG 11-2025					
26-11-2025	18	26-11-2025	Mua hàng	331	THUANV	6.950.000		1.138.025.000
			Cộng phát sinh tháng 11-2025			6.950.000		1.138.025.000
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			1.138.025.000		1.138.025.000
			THÁNG 12-2025					
29-12-2025	29	29-12-2025	Cung cấp , thi công lắp đặt nội thất	331	NOIT	177.381.481		1.315.406.481
31-12-2025	36	31-12-2025	Mua hàng	331	QHI	367.500.160		1.682.906.641
31-12-2025	39	31-12-2025	Mua hàng	331	MINH	296.916.667		1.979.823.308
31-12-2025	6323/242	31-12-2025	Kết chuyển từ 242 sang 6323	242	01B	1.498.636		1.981.321.944
31-12-2025	6323/242	31-12-2025	Kết chuyển từ 242 sang 6323	242	01C	845.455		1.982.167.399
31-12-2025	6323/242	31-12-2025	Kết chuyển từ 242 sang 6323	242	02	1.729.898		1.983.897.297
...								
31-12-2025	6323/242	31-12-2025	Kết chuyển từ 242 sang 6323	242	MAYCU	937.500		2.241.524.645
31-12-2025	6323/242	31-12-2025	Kết chuyển từ 242 sang 6323	242	LUOI	585.000		2.242.109.645
31-12-2025	6323/242	31-12-2025	Kết chuyển từ 242 sang 6323	242	MA	16.947.600		2.259.057.245
31-12-2025	911/632	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911			2.259.057.245	
			Cộng phát sinh tháng 12-2025			1.121.032.245	2.259.057.245	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			2.259.057.245	2.259.057.245	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 2.20: Sổ chi tiết tài khoản 6323

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Loại chứng từ : 02. Phiếu chi tiền

Số CTGS : 0
Ngày : 31-12-2025

Trang : 1/6 Đơn vị tính : Đồng

S T T	Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN	Số chứng từ liên quan	
		Số	Ngày		Nợ	Có			Hóa đơn	Phiếu nhập
1	01-12	01	01-12-2025	Thanh toán tiền đầu	6422	1111		925.925	34229	
				Thanh toán tiền đầu	1331	1111		74.075	34229	
				Mua hàng	1522	331	10,000	24.570.000	1237	
				Mua hàng	1522	331	10,000	39.721.500	1237	

.....

31	29-12	29	29-12-2025	Cung cấp , thi công lắp đặt nội thất	6323	331		177.381.481	7	
				Cung cấp , thi công lắp đặt nội thất	1331	331		14.190.519	7	

.....

38	31-12	36	31-12-2025	Mua hàng	6323	331		367.500.160	36	
				Mua hàng	1331	331		29.399.840	36	
39	31-12	37	31-12-2025	Mua hàng	1522	331	5.000,000	6.250.000	167	
				Mua hàng	1522	331	5.000,000	5.787.035	167	
	31-12	37	31-12-2025	Mua hàng	1522	331	1.583,000	3.444.489	167	
				Mua hàng	1331	331		1.238.476	167	
40	31-12	38	31-12-2025	Mua hàng	1522	331	10.000,000	12.500.000	166	
				Mua hàng	1522	331	25.000,000	28.935.175	166	
				Mua hàng	1522	331	11.520,000	25.066.656	166	
				Mua hàng	1331	331		5.320.169	166	
41	31-12	39	31-12-2025	Mua hàng	6323	331		296.916.667	25	
				Mua hàng	1331	331		23.753.333	25	
42	31-12	40	31-12-2025	Mua hàng	1522	331		185.248.500	45	
				Mua hàng	1331	331		14.819.880	45	
43	31-12	41	31-12-2025	Thanh toán tiền lịch	6421	1111		330.000	339	
				Thanh toán tiền lịch	1331	1111		26.400	339	
44	31-12	42	31-12-2025	Mua hàng	1522	331		18.550.000	338	
				Mua hàng	1331	331		1.484.000	338	
				Mua hàng	1522	331	957,000	90.915.000	571	
	31-12	42	31-12-2025	Mua hàng	1331	331		9.091.500	571	
				Tổng cộng				5.688.436.215		

Ngày.....tháng 12 năm 2025
Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hình 2.21: Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 02

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 02. Phiếu chi tiền

Số : 0

Ngày : 31-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tổng hợp định khoản các chứng từ gốc thuộc chứng từ ghi sổ - Số : 0	133	3.123.506	111	3.123.506
	133	423.910.279	331	423.910.279
	152	28.925.322	111	28.925.322
	152	4.104.756.544	331	4.104.756.544
	334	39.301.579	111	39.301.579
	338	225.902.848	111	225.902.848
	632	841.798.308	331	841.798.308
	642	16.068.471	111	16.068.471
	642	4.649.358	331	4.649.358
Cộng		5.688.436.215		5.688.436.215

Kèm theo 44 chứng từ.

Ngày . . . tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.22: Chứng từ ghi sổ loại 02

- Cuối kỳ, kế toán để phần mềm tự động kết chuyển các chi phí trả trước 242 sang giá vốn hàng bán dịch vụ 6323 với tỷ lệ là 15%/1 năm.

Các định khoản chi tiết: Kết chuyển số dư đến cuối ngày 31-12-2025 của TK 242 sang TK 6323

Giải thích : Các định khoản bao giờ cũng được ghi theo cấp chi tiết dưới cùng của nó. Dưới đây là những định khoản và Số Dư tính được đến thời điểm mà bạn đã chọn kết chuyển (căn cứ theo thực trạng mở cấp dưới của các tài khoản). Bạn hãy Kiểm Tra lại và nếu cần thì Điều Chỉnh lại cho phù hợp với nhu cầu kết chuyển thực tế của bạn ...< nhấn chuột vào đây để xem giải thích cách tính số liệu định khoản của chương trình...>

Cấp2	TK Có	Kho	Cấp1	Cấp2	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Nguyên tệ
242		LY			0,300	3.220.000,00	966.000	
242		TIVI			0,150	23.601.853,33	3.540.278	
242		BANG			0,150	15.175.926,67	2.276.389	
242		DIENH			0,150	33.324.073,33	4.998.611	
242		MAYHAN			1,500	850.000,00	1.275.000	
242		MAYCU			0,750	1.250.000,00	937.500	
242		LUOI			4,500	130.000,00	585.000	
242		MA					16.947.600	

Nếu bạn chỉ muốn kết chuyển 1 phần của Số Liệu trên, hãy nhập tỷ lệ % cần kết chuyển 15 % **Cộng số tiền 279.233.937**

Các bút toán trên sẽ được Ghi vào chứng từ phát sinh tại Loại chứng từ, tháng, số, ngày, diễn giải như sau (bạn có thể sửa lại theo ý bạn) :

Loại chứng từ 99. Chứng từ kết chuyển cuối kỳ Tháng 12 Số CTGS 0 Ngày ghi sổ 31-12-2025

Số chứng từ 6323/242 Ngày 31-12-2025 Diễn giải Kết chuyển từ 242 sang 6323

Thêm dòng Xóa dòng Đồng ý (ghi vào chứng từ phát sinh) Hủy bỏ

Hình 2.23: Giao diện kết chuyển từ 242 sang 6323

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
 (Liên 1)

Số: 6323/242

Nợ : 6323.....
 Có : 242.....

- Họ tên người nhận hàng :
- Địa chỉ :
- Lý do xuất kho : Kết chuyển từ 242 sang 6323
- Xuất tại kho : Kho hàng chung

Stt	Tên mặt hàng	Mã hàng	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy giặt Samsung	01B	Cái	0,150	9.990.906,67	1.498.636
2	Máy giặt Casper	01C	Cái	0,150	5.636.366,67	845.455
3	Điều hoà Panasonic N9SKH-8	02	Bộ	0,153	11.306.522,88	1.729.898
4	Điều hòa Panasonic XPU 18XKH-8	02A	Bộ	0,090	16.200.000,00	1.458.000
5	Điều hòa Panasinic	02B	Bộ	0,600	9.720.000,00	5.832.000
6	Tivi Sony 43W 750	03	Cái	0,063	8.900.841,27	560.753
7	Xi măng bím sơn	04A	Tấn	0,945	1.100.000,00	1.039.500
8	Gạch lát nền 600*600	05A	m2	2,583	160.000,00	413.280
9	Máy hút bụi model BFS 75	06	Cái	0,063	1.142.174,60	71.957
10	Tôn mạ màu	06A	Kg	139,419	20.868,65	2.909.486
11	Máy phát điện DFG 3600	07	Cái	0,063	1.421.746,03	89.570
12	Tôn các loại	07A	Kg	1,260	20.000,00	25.200
13	Tivi Toshiba 40L5650	08	Cái	0,063	5.921.666,67	373.065
14	Tủ mát Alaska 743DB	09	Cái	0,063	6.930.000,00	436.590
15	Bình thủy Panasonic BG 3000CSY	10	Cái	0,126	1.246.666,67	157.080

...						
185	Máy điều hòa treo tường Casper	ĐK	Bộ	0,150	4.990.906,67	748.636
186	Bơm ly tâm	LY	Cái	0,300	3.220.000,00	966.000
187	Ti vi LG	TIVI	Cái	0,150	23.601.853,33	3.540.278
188	Máy tính bảng Ipad	BANG	Cái	0,150	15.175.926,67	2.276.389
189	Điện thoại Iphone 16	DIENTH	Cái	0,150	33.324.073,33	4.998.611
190	Máy hàn que	MAYHAN	Cái	1,500	850.000,00	1.275.000
191	Máy cưa đĩa 185mm	MAYCU	Cái	0,750	1.250.000,00	937.500
192	Lưỡi cưa hợp kim 185mm	LUOI	Cái	4,500	130.000,00	585.000
193	Máy mài, máy khoan các loại	MA	VND			16.947.600
	Cộng					279.233.937

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm ba mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi bảy đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo :

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.24: Phiếu xuất kho sau khi kết chuyển từ 242 sang 6323

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ
Loại chứng từ : 99. Chứng từ kết chuyển cuối kỳ

Số CTGS : 0
Ngày : 31-12-2025

Trang : 1/9

Đơn vị tính : Đồng

S T T	Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ LƯỢNG	SỐ TIỀN	Số chứng từ liên quan	
		Số	Ngày		Nợ	Có			Hóa đơn	Phiếu nhập
1	31-12	33311/1331	31-12-2025	Kết chuyển từ 1331 sang 33311	33311	1331		832.844.116		
2	31-12	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	911		400.961.111		
				Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	911		101.672.222		
				Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	911		906.111.111		
				Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	911		658.343.519		
				Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	911		1.610.137.569		
				Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	911		5.720.868.519		
				Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	911		4.163.940.741		
3	31-12	515/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911		565.200		
4	31-12	6323/242	31-12-2025	Kết chuyển từ 242 sang 6323	6323	242	0,150	1.498.636		
				Kết chuyển từ 242 sang 6323	6323	242	0,150	845.455		
				Kết chuyển từ 242 sang 6323	6323	242	0,153	1.729.898		

...	...	...	...		...	...				
7	31-12	911/821	31-12-2025	Kết chuyển thuế TNDN	911	821		1.860.344		
8	31-12	911/421	31-12-2025	Xác định lãi lỗ	911	421		9.082.856		
9	31-12	911/642	31-12-2025	Kết chuyển chi phí QL-BH	911	6421		246.783.983		
10	31-12	911/635	31-12-2025	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635		23.451.091		
11	31-12	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	15421	1.129,000	139.052.400		
				Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	15421	6.670,150	99.931.213		
	31-12	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	15421	2.410,500	198.930.534		
				Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	15421	4.045,480	649.550.358		
				Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	15421	19.323,350	1.581.284.164		
				Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	15421	112.081,720	1.556.146.476		
12	31-12	632/1541	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	15421		3.824.483.391		
13	31-12	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911	6324		139.052.400		
				Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911	6324		99.931.213		
				Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911	6324		198.930.534		
				Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911	6324		649.550.358		
				Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911	6324		1.581.284.164		
				Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911	6324		3.667.869.464		
14	31-12	911/6324.	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911	6324		3.824.483.391		
				Tổng cộng				36.286.656.573		

Ngày.....tháng 12 năm 2025
Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hình 2.25: Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 99

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
 Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 99. Chứng từ kết chuyển cuối kỳ

Số : 0

Ngày : 31-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tổng hợp định khoản các chứng từ gốc thuộc chứng từ ghi sổ - Số : 0	333	832.844.116	133	832.844.116
	511	13.562.034.792	911	13.562.034.792
	515	565.200	911	565.200
	632	8.049.378.536	154	8.049.378.536
	632	279.233.937	242	279.233.937
	911	9.082.856	421	9.082.856
	911	12.420.158.769	632	12.420.158.769
	911	23.451.091	635	23.451.091
	911	1.108.046.932	642	1.108.046.932
	911	1.860.344	821	1.860.344
Cộng		36.286.656.573		36.286.656.573

Kèm theo 13 chứng từ.

Ngày tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.26: Chứng từ ghi sổ loại 99

SỔ CÁI

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 632 - GIÁ VỐN BÁN HÀNG

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại . số	Ngày			Nợ	Có
30-06	02.0	18-06-2025	THÁNG 06-2025 <i>Dư đầu kỳ:</i> Mua hàng; và Vệ sinh thổi bụi cục thuế tỉnh	331	694.907.407	
			Cộng phát sinh tháng 06-2025 Lũy kế phát sinh từ đầu năm Số dư cuối tháng 06-2025		694.907.407 694.907.407 694.907.407	
31-10	02.0	29-10-2025	THÁNG 10-2025 Thanh toán tiền hàng	111	2.000.000	
			Cung cấp , sửa chữa hệ thống tủ điện; và Nghiệm thu khối lượng cửa nhôm	331	434.167.593	
			Cộng phát sinh tháng 10-2025 Lũy kế phát sinh từ đầu năm Số dư cuối tháng 10-2025		436.167.593 1.131.075.000 1.131.075.000	
30-11	02.0	26-11-2025	THÁNG 11-2025 Mua hàng	331	6.950.000	
			Cộng phát sinh tháng 11-2025 Lũy kế phát sinh từ đầu năm Số dư cuối tháng 11-2025		6.950.000 1.138.025.000 1.138.025.000	
			THÁNG 12-2025			
31-12	02.0	31-12-2025	Cung cấp , thi công lắp đặt nội thất; và Mua hàng	331	841.798.308	
31-12	04.0	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 6 ngày 31/12/2025	154	2.111.722.988	
31-12	99.0	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	154	8.049.378.536	
			Kết chuyển từ 242 sang 6323	242	279.233.937	
			Kết chuyển giá vốn tính KQKD	911		12.420.158.769
			Cộng phát sinh tháng 12-2025 Lũy kế phát sinh từ đầu năm Số dư cuối tháng 12-2025		11.282.133.769 12.420.158.769 12.420.158.769	12.420.158.769 12.420.158.769 12.420.158.769

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.27: Sổ Cái tài khoản 632

b. Kế toán chi phí tài chính

b1. Nội dung về chi phí tài chính tại Công ty

- Trong năm 2025, chi phí tài chính tại công ty là để trả lãi các món vay cho ngân hàng.

b2. Chứng từ sử dụng

- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo Nợ

b3. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 635
- Sổ cái TK 635

b4. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

b5. Minh họa nghiệp vụ

Ngày 23/06/2025, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG XANH trả lãi vay thông qua tài khoản ngân hàng.

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
AGRIBANK
Mang phần chính đến khách hàng

ỦY NHIỆM CHI
Payment Order

Số: 672
Liên 2: Khách hàng
Copy 2 Customer

Ngày: 23/06/2025
Date

Loại tiền tệ: Currency

CHI NHÁNH TẠI QUẢNG BÌNH

Khách hàng (Applicant): TP.TM VÀ XD RỒNG XANH
Số tài khoản (Account No): 23001201009265
Tại Agribank: Agribank CN Quảng Bình
Khách hàng (Beneficiary): BANK CN QUẢNG BÌNH
Số CMT/ID (ID/Passport No):
Số tài khoản (Account No):
Số tiền bằng chữ: Bảy trăm ngàn đồng chẵn.
Số tiền bằng số: 700.000

Nội dung (Details): PHÍ ĐỊNH KỲ TỪ NGÀY 07.06.25 ĐẾN HẾT NGÀY 06.12.2025 CỦA VPB 230400014

Phí (Charge):
☐ Phí trong (Charge included)
☐ Phí ngoài (Charge excluded)

Mẫu DP004 ban hành kèm theo Quyết định 599/QĐ/NHNN-TCK ngày 19/04/2017
Dành cho ngân hàng
For bank use only

Khách hàng trả tiền (Applicant):
Kế toán trưởng (Chief Accountant):
Giao dịch viên (Teller):
Kiểm soát (Supervisor):

CS: Được quét bằng CamScanner

Khách hàng kiểm tra và chịu trách nhiệm về thông tin trước khi giao dịch. Khách hàng kiểm tra và chịu trách nhiệm về thông tin trước khi giao dịch.
Trụ sở CN tỉnh: Số 2, Mã Suối, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình. Điện thoại: (0232) 3827151 - (0232) 3825656 - Fax: (0232) 3823117
www.agribank.com.vn

Hình 2.28: Phiếu Ủy nhiệm chi ngân hàng Agribank

AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT OF VIETNAM



Mang niềm tin đến khách hàng

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày GD: 23/06/2025
Liên 2: Khách hàng (Bản sao)

Mẫu số: 012/3800 Ký hiệu: TF/25
Số chứng từ: 06230139000000087
Ngày giá trị: 23/06/2025
SGD: 87 SBT:

Chi nhánh: 3800 - Chi nhánh Tỉnh Quảng Bình

Địa chỉ: 02 Mẹ Suốt, TP. Đồng Hới - Quảng Bình

Tên khách hàng: Cty CP TM VÀ XD Rừng Xanh

CMT/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ: 36 Nguyễn Đức Cảnh, Đồng Mỹ, -Đồng Hới, Quảng Bình-0987960678

Khách hàng thụ hưởng:

Địa chỉ:

Mã số thuế: 0100686174-096

Điện thoại/Fax: 052.823117/052.822647

Mã số khách hàng: 3800281490149

Mã số thuế: 3101000604

Mã số khách hàng:

Mã số thuế:

THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH

Loại giao dịch	Số tiền	LTT	Số tham chiếu	Ghi chú
Guarantee Issue	92.604.000	VND	3800VPB230400014	

THÔNG TIN HẠCH TOÁN

Thông tin hạch toán	N/C	Số tiền	LTT	Ghi chú
Phí phát hành BL thực hiện HĐ (ký quỹ <100%)	N	700.000	VND	A/C No: 3800201009265
Total(Net) Amount	N	700.000	VND	

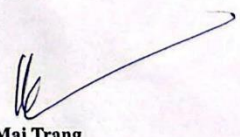
Khách hàng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên
(Mã GDV: QBIPTRANG)

Kiểm soát
(Mã KS:)

Giám đốc



Phan Mai Trang

Mẫu ITF01 theo VB số 599/QĐ-NHNo-TCKT ngày 19/04/2017

Ngày in: 23/06/2025 17:21:12

1/1

Hình 2.29: Chứng từ giao dịch ngân hàng ngày 23/06/2025

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 635 : CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Nợ)
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>					
09-01-2025	02	09-01-2025	Trả lãi	1121	01	1.357.569		1.357.569
			Cộng phát sinh tháng 01-2025			1.357.569		1.357.569
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			1.357.569		1.357.569
			THÁNG 04-2025					
15-04-2025	09	15-04-2025	Trả lãi	1121	01	3.141.370		4.498.939
15-04-2025	09	15-04-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		5.198.939
15-04-2025	09	15-04-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		5.898.939
			Cộng phát sinh tháng 04-2025			4.541.370		5.898.939
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			5.898.939		5.898.939
			THÁNG 05-2025					
28-05-2025	03	28-05-2025	Trả lãi vay	1121	01	700.000		6.598.939
			Cộng phát sinh tháng 05-2025			700.000		6.598.939
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			6.598.939		6.598.939
			THÁNG 06-2025					
04-06-2025	03	04-06-2025	Trả lãi	1121	01	790.923		7.389.862
23-06-2025	11	23-06-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		8.089.862
23-06-2025	11	23-06-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		8.789.862
			Cộng phát sinh tháng 06-2025			2.190.923		8.789.862
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			8.789.862		8.789.862
			THÁNG 08-2025					
07-08-2025	05	07-08-2025	Trả lãi	1121	01	300.000		9.089.862
28-08-2025	11	28-08-2025	Trả lãi	1121	01	5.108.077		14.197.939
28-08-2025	11	28-08-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		14.897.939
			Cộng phát sinh tháng 08-2025			6.108.077		14.897.939
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			14.897.939		14.897.939
			THÁNG 12-2025					
17-12-2025	05	17-12-2025	Trả lãi	1121	01	5.053.152		19.951.091
17-12-2025	05	17-12-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		20.651.091
17-12-2025	05	17-12-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		21.351.091
17-12-2025	05	17-12-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		22.051.091
23-12-2025	06	23-12-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		22.751.091
29-12-2025	08	29-12-2025	Trả lãi	1121	01	700.000		23.451.091
31-12-2025	911/635	31-12-2025	Kết chuyển chi phí tài chính	911			23.451.091	
			Cộng phát sinh tháng 12-2025			8.553.152	23.451.091	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			23.451.091	23.451.091	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 2.30: Sổ chi tiết tài khoản 635

Hoặc có thể từ chứng từ gốc lên Bảng kê chứng từ ghi sổ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
Mã số thuế : 3101000604

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 09. Chứng từ chi ngân hàng

Số CTGS : 0
Ngày : 30-06-2025

Đơn vị tính : Đồng

S T T	Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
		Số	Ngày		Nợ	Có	
1	03-06	01	03-06-2025	Phí	6421	1121	2.189
2	04-06	02	04-06-2025	Rút tiền	1111	1121	470.000.000
3	04-06	03	04-06-2025	Trả lãi	635	1121	790.923
4	04-06	04	04-06-2025	Trả gốc vay	34111	1121	129.607.613
5	04-06	05	04-06-2025	Trả lãi vay	6421	1121	2.189
6	06-06	06	06-06-2025	Rút tiền	1111	1121	100.000.000
7	06-06	07	06-06-2025	Rút tiền	1111	1121	150.000.000
8	09-06	07	09-06-2025	Rút tiền	1111	1121	100.000.000
9	11-06	07	11-06-2025	Phí	6421	1121	22.000
10	11-06	08	11-06-2025	Rút tiền	1111	1121	620.000.000
11	11-06	09	11-06-2025	Chuyển tiền	331	1121	71.559.740
				Chuyển tiền	331	1121	86.764.084
				Chuyển tiền	331	1121	26.711.600
12	13-06	10	13-06-2025	Phí	6421	1121	55.000
13	23-06	11	23-06-2025	Trả lãi	635	1121	700.000
				Trả lãi	635	1121	700.000
14	26-06	11	26-06-2025	Phí	6421	1121	2.189
15	27-06	12	27-06-2025	Rút tiền	1111	1121	12.700.000
				Phí	6421	1121	11.000
16	30-06	13	30-06-2025	Rút tiền	1111	1121	16.946.600
				Tổng cộng			1.786.575.127

Ngày.....tháng 06 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.31: Bảng kê chứng từ ghi sổ loại 09

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 09. Chứng từ chi ngân hàng

Số : 0
Ngày : 30-06-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tổng hợp định khoản các chứng từ gốc thuộc chứng từ ghi sổ - Số : 0	111	1.469.646.600	112	1.786.575.127
	331	185.035.424		
	341	129.607.613		
	635	2.190.923		
	642	94.567		
Cộng		1.786.575.127		1.786.575.127

Kèm theo 16 chứng từ.

Ngày... tháng 06 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.32: Chứng từ ghi sổ loại 09

SỔ CÁI

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 635 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại . số	Ngày			Nợ	Có
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>			
31-01	09.0	09-01-2025	Trả lãi	112	1.357.569	
			Cộng phát sinh tháng 01-2025		1.357.569	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		1.357.569	
			Số dư cuối tháng 01-2025		1.357.569	
			THÁNG 04-2025			
30-04	09.0	15-04-2025	Trả lãi	112	4.541.370	
			Cộng phát sinh tháng 04-2025		4.541.370	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		5.898.939	
			Số dư cuối tháng 04-2025		5.898.939	
			THÁNG 05-2025			
31-05	09.0	28-05-2025	Trả lãi vay	112	700.000	
			Cộng phát sinh tháng 05-2025		700.000	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		6.598.939	
			Số dư cuối tháng 05-2025		6.598.939	
			THÁNG 06-2025			
30-06	09.0	23-06-2025	Trả lãi	112	2.190.923	
			Cộng phát sinh tháng 06-2025		2.190.923	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		8.789.862	
			Số dư cuối tháng 06-2025		8.789.862	
			THÁNG 08-2025			
31-08	09.0	28-08-2025	Trả lãi	112	6.108.077	
			Cộng phát sinh tháng 08-2025		6.108.077	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		14.897.939	
			Số dư cuối tháng 08-2025		14.897.939	
			THÁNG 12-2025			
31-12	09.0	29-12-2025	Trả lãi	112	8.553.152	
31-12	99.0	31-12-2025	Kết chuyển chi phí tài chính	911		23.451.091
			Cộng phát sinh tháng 12-2025		8.553.152	23.451.091
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		23.451.091	23.451.091
			Số dư cuối tháng 12-2025			

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.33: Sổ Cái tài khoản 635

c. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

c1. Nội dung về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty

- Chi phí quản lý kinh doanh của Công ty gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty chủ yếu là các khoản chi phí về lương nhân viên, các khoản trích theo lương, tiền ăn ca của công, nhân viên. Chi phí bán hàng chủ yếu là các khoản chi phí về tiền điện, tiền dầu, phí dịch vụ ngân hàng.

c2. Chứng từ sử dụng

- Bảng chấm công, bảng lương.
- Phiếu chi

c3. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 6421
- Sổ chi tiết TK 6422
- Sổ Cái TK 642

c4. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

c5. Minh họa nghiệp vụ

Ngày 10/12/2025, Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh nhận được giấy báo Nợ từ ngân hàng Agribank về khoản phí quản lý tài khoản là 20.000 VNĐ, thuế GTGT 10%.

Mẫu IDP01 theo VB số 599/QĐ-NHNN-TCKT ngày 19/04/2017

Người in: QBILTHTHU Thời gian in: 27/01/2026 09:43:12

3800 E-Banking User

1/1

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Ngày: 10/12/2025

Liên 2: Khách hàng

Mẫu số: 012/3800 Ký hiệu: DP/25

Số chứng từ: 12100084000000200

Ngày giá trị: 10/12/2025

SGD: 200 SBT:

AGRI BANK

Mang đến NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Chi nhánh: 3800 - Agribank Chi nhánh Quảng Bình

Địa chỉ: 02 Mẹ Suốt phường Đồng Hới - tỉnh Quảng Trị

Mã số thuế: 0100686174-096

Điện thoại/Fax: 052.823117/052.822647

Tên khách hàng: Cty CP AM và XD Rừng Xanh

Địa chỉ: 36 Nguyễn Đức Cảnh, Đồng Mỹ, -Đồng Hới, Quảng Bình-0987960678

Mã số thuế: 3101000604

Mã số khách hàng: 3800281490149

Số tài khoản: 3800201009265

Loại giao dịch: Comm. Bundle Charge

Nội dung: Thu phí quản lý tài khoản tháng 12 năm 2025

Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Thu phí từ tài khoản khách hàng:	22.000	VND	
Thu phí từ tài khoản khách hàng:			
- Phí:	20.000	VND	Phí: Phí QL TK VND (DN)
- Thuế GTGT	2.000	VND	

Khách hàng (Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

Giao dịch viên (Mã GDV: 3800DPCOM)

Kiểm soát (Mã KS:)

Giám đốc

CS Được quét bằng CamScanner

3800DPCOM

Người in: QBILTHTHU Thời gian in: 27/01/2026 09:43:12

1/1

Hình 2.34: Chứng từ giao dịch ngân hàng Agribank ngày 10/12/2025

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 6421 : CHI PHÍ BÁN HÀNG

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ỨNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Nợ)
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ:</i>					
02-01-2025	01	02-01-2025	Thanh toán tiền điện	1111		5.181.061		5.181.061
08-01-2025	02	08-01-2025	Phí	1121	01	22.000		5.203.061
08-01-2025	02	08-01-2025	Tính thuế	33381		2.000.000		7.203.061
09-01-2025	03	09-01-2025	Mua hàng	1111		660.000		7.863.061
09-01-2025	02	09-01-2025	Phí	1121	01	2.189		7.865.250
11-01-2025	02	11-01-2025	Phí	1121	01	13.200		7.878.450
12-01-2025	03	12-01-2025	Phí	1121	01	55.000		7.933.450
20-01-2025	05	20-01-2025	Phí	1121	01	66.000		7.999.450
20-01-2025	05	20-01-2025	Phí	1121	01	66.000		8.065.450
20-01-2025	06	20-01-2025	Phí	1121	01	2.189		8.067.639
24-01-2025	07	24-01-2025	Phí	1121	01	22.000		8.089.639
			Cộng phátsinh tháng 01-2025			8.089.639		8.089.639
			Lũy kế phátsinh từ đầu năm			8.089.639		8.089.639
			THÁNG 02-2025					
02-02-2025	01	02-02-2025	Tiền điện	1111		5.144.977		13.234.616
11-02-2025	01	11-02-2025	Phí	1121	01	55.000		13.289.616
12-02-2025	01	12-02-2025	Phí	1121	01	22.000		13.311.616
15-02-2025	01	15-02-2025	Phí	1121	01	2.189		13.313.805
27-02-2025	02	27-02-2025	Thanh toán tiền dầu	1111		909.091		14.222.896
28-02-2025	02	28-02-2025	Phí	1121	01	2.189		14.225.085
			Cộng phátsinh tháng 02-2025			6.135.446		14.225.085
			Lũy kế phátsinh từ đầu năm			14.225.085		14.225.085
.....								
10-12-2025	02	10-12-2025	Phí	1121	01	22.000		240.552.511
10-12-2025	03	10-12-2025	Phí	1121	01	69.746		240.622.257
10-12-2025	03	10-12-2025	Phí	1121	01	6.975		240.629.232
.....								
27-12-2025	08	27-12-2025	Phí	1121	01	30.023		244.835.743
27-12-2025	08	27-12-2025	Phí	1121	01	3.002		244.838.745
27-12-2025	08	27-12-2025	Phí	1121	01	16.736		244.855.481
27-12-2025	08	27-12-2025	Phí	1121	01	1.674		244.857.155
29-12-2025	08	29-12-2025	Phí	1121	01	21.000		244.878.155
29-12-2025	08	29-12-2025	Phí	1121	01	2.100		244.880.255
29-12-2025	08	29-12-2025	Phí	1121	01	8.250		244.888.505
30-12-2025	35	30-12-2025	Thanh toán tiền dầu	1111		1.388.889		246.277.394
30-12-2025	08	30-12-2025	Phí	1121	01	49.500		246.326.894
30-12-2025	08	30-12-2025	Chuyển tiền	1121	01	59.535		246.386.429
30-12-2025	08	30-12-2025	Chuyển tiền	1121	01	5.954		246.392.383
30-12-2025	08	30-12-2025	Phí	1121	01	61.600		246.453.983
31-12-2025	41	31-12-2025	Thanh toán tiền lịch	1111		330.000		246.783.983
31-12-2025	911/642	31-12-2025	Kết chuyển chi phí QL-BH	911			246.783.983	
			Cộng phátsinh tháng 12-2025			12.194.230	246.783.983	
			Lũy kế phátsinh từ đầu năm			246.783.983	246.783.983	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng

Hình 2.35: Sổ chi tiết tài khoản 6421

TÊN ĐƠN VỊ: CÔNG TY CP TM & XD RỒNG XANH

BẢNG CHẤM CÔNG THÁNG 12/2025

TT	Họ và tên	Ngày trong tháng																															Tổng cộng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
1	Nguyễn Thị Yến																																0
2	Giã Quốc Đa																																0
3	Đặng Trần Hoàng Anh																																0
4	Hoàng Thị Y Pha																																0
5	Lê Thị Hồng Thắm	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28
6	Lê Xuân Chính	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28
7	Hoàng Thị Lại	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28
8	Nguyễn Thị Thoài																																0
9	Võ Văn Cẩn	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28
10	Phan Thị Mỹ Hoa	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28
11	Võ Thị Hồng Nhung																																0
12	Hoàng Thị Hồng Nhung	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28
13	Nguyễn Khắc Thức	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28
14	Nguyễn Như Thắng	x	N	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	N	x	x	x	x	x	28

Đồng Hới, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

Người lập biểu

Hình 2.36: Bảng chấm công tháng 12/2025

Công ty Cổ phần thương mại và xây dựng Rồng Xanh

Đ/C: Lô 46 - BD 29 - Khu đô thị Bắc Lê Lợi, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

MST : 3101000604

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 12/2025

TT	Họ và tên	Mức lương cơ bản	Ngày công	Tổng cộng	Khấu trừ BHXH	PC ăn ca	Thực nhận	Ký nhận
1	Nguyễn Thị Yến							
2	Giã Quốc Đa							
3	Đặng Trần Hoàng Anh							
4	Hoàng Thị Y Pha							
5	Lê Thị Hồng Thắm	4,500,000	28	4,666,667	472,500	730,000	4,924,167	
6	Lê Xuân Chính	4,410,000	28	4,573,333	463,050	730,000	4,840,283	
7	Hoàng Thị Lại	4,410,000	28	4,573,333	463,050	730,000	4,840,283	
8	Nguyễn Thị Thoài						-	
9	Võ Văn Cẩn	4,718,700	28	4,893,467	495,464	730,000	5,128,003	
10	Phan Thị Mỹ Hoa	4,718,700	28	4,893,467	495,464	730,000	5,128,003	
11	Võ Thị Hồng Nhung						-	
12	Hoàng Thị Hồng Nhung	5,000,000	28	5,185,185	525,000	730,000	5,390,185	
13	Nguyễn Khắc Thức	10,000,000	28	10,370,370	1,050,000	730,000	10,050,370	
14	Nguyễn Như Thắng	4,410,000	28	4,573,333	463,050	730,000	4,840,283	
Tổng cộng		42,167,400	224	43,729,156	4,427,577	5,840,000	45,141,579	

Đồng Hới, ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

Người lập biểu

Hình 2.37: Bảng thanh toán tiền lương tháng 12/2025

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 6422 : CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngày ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ỨNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Nợ)
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ:</i>					
31-01-2025	05	31-01-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		6.990.627		6.990.627
31-01-2025	01	31-01-2025	Tính lương phải trả	334		59.221.767		66.212.394
			Cộng phátsinh tháng 01-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm			66.212.394 66.212.394		66.212.394 66.212.394
			THÁNG 02-2025					
28-02-2025	01	28-02-2025	Tính lương phải trả	334		53.867.226		120.079.620
			Cộng phátsinh tháng 02-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm			53.867.226 120.079.620		120.079.620 120.079.620
			THÁNG 03-2025					
31-03-2025	01	31-03-2025	Tính lương phải trả	334		46.535.833		166.615.453
			Cộng phátsinh tháng 03-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm			46.535.833 166.615.453		166.615.453 166.615.453
			THÁNG 04-2025					
30-04-2025	09	30-04-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		8.030.000		174.645.453
30-04-2025	01	30-04-2025	Tính lương phải trả	334		55.649.172		230.294.625
			Cộng phátsinh tháng 04-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm			63.679.172 230.294.625		230.294.625 230.294.625
			THÁNG 05-2025					
31-05-2025	07	31-05-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		6.570.000		236.864.625
31-05-2025	01	31-05-2025	Tính lương phải trả	334		43.090.962		279.955.587
			Cộng phátsinh tháng 05-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm			49.660.962 279.955.587		279.955.587 279.955.587
			THÁNG 06-2025					
30-06-2025	3	30-06-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		1.460.000		281.415.587
....				...				
30-11-2025	01	30-11-2025	Tính lương phải trả	334		44.685.092		654.183.512
			Cộng phátsinh tháng 11-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm			50.525.092 654.183.512		654.183.512 654.183.512
			THÁNG 12-2025					
01-12-2025	01	01-12-2025	Thanh toán tiền đầu	1111		925.925		655.109.437
01-12-2025	43	01-12-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		7.300.000		662.409.437
01-12-2025	01	01-12-2025	Tính lương phải trả	334		43.729.156		706.138.593
01-12-2025	02	01-12-2025	Trích BHXH + BHYT + BHTN	3383		123.540.620		829.679.213
01-12-2025	02	01-12-2025	Trích BHXH + BHYT + BHTN	3384		21.178.392		850.857.605
01-12-2025	02	01-12-2025	Trích BHXH + BHYT + BHTN	3389		7.059.464		857.917.069
12-12-2025	06	12-12-2025	Thanh toán tiền đầu	1111		1.388.889		859.305.958
15-12-2025	08	15-12-2025	Thanh toán chi phí trưng thầu	1111		568.102		859.874.060
16-12-2025	09	16-12-2025	Thanh toán tiền đầu	1111		1.388.889		861.262.949
31-12-2025	911/642	31-12-2025	Kết chuyển chi phí QL-BH	911			861.262.949	
			Cộng phátsinh tháng 12-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm			207.079.437 861.262.949	861.262.949	

Người ghi số

Ngàythángnăm.....
Kế toán trưởng

Hình 2.38: Sổ chi tiết tài khoản 6422

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : Lương và các khoản trích theo lương

Số CTGS : 0
 Ngày : 01-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

S T T	Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
		Số	Ngày		Nợ	Có	
1	01-12	01	01-12-2025	Tính lương phải trả	6422	334	43.729.156
2	01-12	02	01-12-2025	Trích BHXH + BHYT + BHTN	6422	3383	123.540.620
				Trích BHXH + BHYT + BHTN	6422	3384	21.178.392
				Trích BHXH + BHYT + BHTN	6422	3389	7.059.464
				Trích BHXH + BHYT + BHTN	334	3383	56.475.712
				Trích BHXH + BHYT + BHTN	334	3384	10.589.196
				Trích BHXH + BHYT + BHTN	334	3389	7.059.464
				Tổng cộng			269.632.004

Ngày.....tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.39: Bảng kê chứng từ ghi sổ lương và các khoản trích theo lương

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : Lương và các khoản trích theo lương

Số : 0
 Ngày : 01-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tổng hợp định khoản các chứng từ gốc thuộc chứng từ ghi sổ - Số : 0	334	74.124.372	338	74.124.372
	642	43.729.156	334	43.729.156
	642	151.778.476	338	151.778.476
Cộng		269.632.004		269.632.004

Kèm theo 2 chứng từ.

Ngày.... tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.40: Chứng từ ghi sổ lương và các khoản trích theo lương

SỔ CÁI

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 642 - CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại . số	Ngày			Nợ	Có
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ:</i>			
31-01	02.0	31-01-2025	Mua hàng; và Thanh toán tiền lương+ Ăn ca; và Thanh toán tiền điện	111	12.831.688	
31-01	09.0	24-01-2025	Phí	112	248.578	
			Tính thuế	333	2.000.000	
31-01	11.0	31-01-2025	Tính lương phải trả	334	59.221.767	
			Cộng phátsinh tháng 01-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm Số dưcuối tháng 01-2025		74.302.033 74.302.033 74.302.033	
			THÁNG 02-2025			
28-02	02.0	27-02-2025	Thanh toán tiền dầu; và Tiền điện	111	6.054.068	
28-02	09.0	28-02-2025	Phí	112	81.378	
28-02	11.0	28-02-2025	Tính lương phải trả	334	53.867.226	
			Cộng phátsinh tháng 02-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm Số dưcuối tháng 02-2025		60.002.672 134.304.705 134.304.705	
			THÁNG 03-2025			
31-03	02.0	22-03-2025	Thanh toán tiền dầu; và Tiền điện	111	7.752.844	
31-03	09.0	21-03-2025	Phí	112	79.189	
31-03	11.0	31-03-2025	Tính lương phải trả	334	46.535.833	
			Cộng phátsinh tháng 03-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm Số dưcuối tháng 03-2025		54.367.866 188.672.571 188.672.571	
....						
			THÁNG 11-2025			
30-11	02.0	30-11-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca; và Thanh toán tiền dầu; và Thanh toán tiền photo	111	10.791.854	
			Thanh toán tiền sửa xe; và Tiền điện	331	75.777.094	
30-11	09.0	29-11-2025	Phí	112	362.538	
30-11	11.0	30-11-2025	Tính lương phải trả	334	44.685.092	
			Cộng phátsinh tháng 11-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm Số dưcuối tháng 11-2025		131.616.578 888.773.265 888.773.265	
			THÁNG 12-2025			
31-12	02.0	31-12-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca; và Thanh toán chi phí trùng thấu; và Thanh toán tiền dầu; và Thanh ...	111	16.068.471	
			Thanh toán tiền điện	331	4.649.358	
31-12	09.0	30-12-2025	Chuyển tiền; và Phí; và Phí kiểm định xe	112	3.048.206	
31-12	11.0	01-12-2025	Tính lương phải trả	334	43.729.156	
			Trích BHXH + BHYT + BHTN	338	151.778.476	
31-12	99.0	31-12-2025	Kết chuyển chi phí QL-BH	911		1.108.046.932
			Cộng phátsinh tháng 12-2025 Lũy kế phátsinh từ đầu năm Số dưcuối tháng 12-2025		219.273.667 1.108.046.932 1.108.046.932	

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.41: Sổ Cái tài khoản 642

d. Kế toán chi phí khác

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh nghiệp vụ về các khoản chi phí khác.

e. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

e1. Nội dung về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty

- Chi phí thuế TNDN của Công ty là chi phí thuế thu nhập hiện hành. Thuế suất thuế TNDN hiện hành là 17%. Công ty thuộc đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 được áp dụng thuế suất 17% đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

e2. Chứng từ sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025

e3. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết TK 821

- Sổ Cái TK 821

e4. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

e5. Minh họa nghiệp vụ

❖ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty vào năm 2025 là 10.943.200 VNĐ.

❖ Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế là 0 VNĐ

❖ Thu nhập chịu thuế = LN kế toán trước thuế + Điều chỉnh tăng – Điều chỉnh giảm

$$= 10.943.200 + 0 - 0$$

$$= 10.943.200$$

❖ Thuế TNDN còn phải nộp = $10.943.200 \times 17\% = 1.860.344$

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 80/2021/TT-BTC ngày 29
tháng 9 năm 2021 của Bộ
tư pháp Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: F42 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH

[07] Mã số thuế: 3101000604

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	10.943.200
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	10.943.200
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	10.943.200
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	0
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) ($C4=C1-C2-C3$)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($C6=C4-C5=C7+C8$)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9=(C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	10.943.200
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17=C9-C10-C14-C15-C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BDS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BDS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3=D1-D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BDS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	1.860.344
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	1.860.344
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BDS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	1.860.344
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BDS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	1.860.344
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	1.860.344
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BDS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 18 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYỄN KHẮC THỨC

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BDS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 1.860.344 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
Ngày ký: 18/03/2026 14:29:51.

Hình 2.42: Tờ khai quyết toán thuế TNDN

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH

[03] Mã số thuế:

3	1	0	1	0	0	0	6	0	4
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	13.562.034.792
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	
a	Chiết khấu thương mại	[07]	
b	Giảm giá hàng bán	[08]	
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	565.200
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	565.200
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	13.528.205.701
a	Giá vốn hàng bán	[13]	12.420.158.769
b	Chi phí bán hàng	[14]	
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.108.046.932
5	Chi phí tài chính	[16]	23.451.091
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	23.451.091
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	10.943.200
7	Thu nhập khác	[19]	
8	Chi phí khác	[20]	
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	10.943.200

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 18 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NGUYỄN KHẮC THỨC

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Ngày ký: 18/03/2026 14:29:51.

Hình 2.43: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mẫu số 03-1A/TNDN

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 821 : CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Nợ)
	Số	Ngày		TK	Chi tiết	Nợ	Có	
			THÁNG 12-2025 <i>Dự đầu kỳ</i>					
31-12-2025	01	31-12-2025	Tính thuế TNDN	3334		1.860.344		1.860.344
31-12-2025	911/821	31-12-2025	Kết chuyển thuế TNDN	911			1.860.344	
			Cộng phát sinh tháng 12-2025 Lũy kế phát sinh từ đầu năm			1.860.344 1.860.344	1.860.344 1.860.344	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 2.44: Sổ chi tiết tài khoản 821

Hoặc có thể từ chứng từ gốc lên tại bảng kê chứng từ ghi sổ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : ... Các chứng từ khác, .v.v..

SỐ CTGS : 0

Ngày : 31-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

S T T	Ngày ghi sổ	CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN
		Số	Ngày		Nợ	Có	
1	31-12	01	31-12-2025	Tính thuế TNDN	821	3334	1.860.344
				Tổng cộng			1.860.344

Ngày.....tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.45: Bảng kê chứng từ ghi sổ các chứng từ khác

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : ... Các chứng từ khác, .v.v..

Số : 0

Ngày : 31-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tính thuế TNDN	821	1.860.344	333	1.860.344
Cộng		1.860.344		1.860.344

Kèm theo 1 chứng từ.

Ngày tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.46: Chứng từ ghi sổ các chứng từ khác

SỔ CÁI

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 821 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại . số	Ngày			Nợ	Có
			THÁNG 12-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>			
31-12	...0	31-12-2025	Tính thuế TNDN	333	1.860.344	
31-12	99.0	31-12-2025	Kết chuyển thuế TNDN	911		1.860.344
			Cộng phát sinh tháng 12-2025		1.860.344	1.860.344
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm		1.860.344	1.860.344
			Số dư cuối tháng 12-2025			

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.47: Sổ Cái tài khoản 821

2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Nội dung về xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Xác định kết quả kinh doanh của Công ty thường diễn ra vào cuối năm để tổng hợp lại kết quả kinh doanh cho cả năm.

b. Chứng từ sử dụng

- Báo cáo tình hình tài chính năm 2025

c. Sổ sách kế toán

- Sổ Cái TK 911

d. Tài khoản kế toán

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

e. Minh họa nghiệp vụ

Vào cuối năm, khi kế toán hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, các tài khoản liên quan sẽ tự động kết chuyển vào tài khoản 911 mà không cần phải thao tác kết chuyển.

- Xác định kết quả kinh doanh năm 2025:

❖ *Doanh thu thuần = Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ*

$$= 13.562.034.792 - 0 = 13.562.034.792$$

❖ *Lợi nhuận gộp và BH và CCDV = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán*

$$= 13.562.034.792 - 12.420.158.769 = 1.141.876.023$$

❖ *Lợi nhuận thuần từ HĐKD = Lợi nhuận gộp về BH và CCDV + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính – Chi phí quản lý kinh doanh*

$$= 1.141.876.023 + 565.200 - 23.451.091 - 1.108.046.932 = 10.943.200$$

❖ *Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác*

$$= 0 - 0 = 0$$

❖ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ HĐKD + Lợi nhuận khác*

$$= 10.943.200 + 0 = 10.943.200$$

Những điều trên cho thấy, Công ty đang lời trước thuế là 10.943.200 VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
Mã số thuế: 3101000604

SỔ CHI TIẾT

Trang : 1/1
Cả năm 2025

TÀI KHOẢN 911 : XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ (Bên Có)
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	
			THÁNG 12-2025 <i>Dư đầu kỳ.</i>					
31-12-2025	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	SC1		400.961.111	400.961.111
31-12-2025	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	CONGTR		101.672.222	502.633.333
31-12-2025	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	CTY		906.111.111	1.408.744.444
31-12-2025	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	VCB		658.343.519	2.067.087.963
31-12-2025	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	CHN		1.610.137.569	3.677.225.532
31-12-2025	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	CTHU		5.720.868.519	9.398.094.051
31-12-2025	511/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tính KQKD	5114	ICAB		4.163.940.741	13.562.034.792
31-12-2025	515/911	31-12-2025	Kết chuyển doanh thu tài chính	515			565.200	13.562.599.992
31-12-2025	911/642	31-12-2025	Kết chuyển chi phí QL-BH	6422		861.262.949		12.701.337.043
31-12-2025	911/632	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6323		2.259.057.245		10.442.279.798
31-12-2025	911/821	31-12-2025	Kết chuyển thuế TNDN	821		1.860.344		10.440.419.454
31-12-2025	911/421	31-12-2025	Xác định lãi lỗ	421		9.082.856		10.431.336.598
31-12-2025	911/642	31-12-2025	Kết chuyển chi phí QL-BH	6421		246.783.983		10.184.552.615
31-12-2025	911/635	31-12-2025	Kết chuyển chi phí tài chính	635		23.451.091		10.161.101.524
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6324	SC1	139.052.400		10.022.049.124
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6324	CONGTR	99.931.213		9.922.117.911
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6324	CTY	198.930.534		9.723.187.377
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6324	VCB	649.550.358		9.073.637.019
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6324	CHN	1.581.284.164		7.492.352.855
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6324	CTHU	3.667.869.464		3.824.483.391
31-12-2025	911/6324	31-12-2025	Kết chuyển giá vốn tính KQKD	6324	ICAB	3.824.483.391		
			Cộng phát sinh tháng 12-2025			13.562.599.992	13.562.599.992	
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			13.562.599.992	13.562.599.992	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng

Hình 2.48: Sổ chi tiết tài khoản 911

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Loại chứng từ : 99. Chứng từ kết chuyển cuối kỳ

Số : 0

Ngày : 31-12-2025

Đơn vị tính : Đồng

TRÍCH YẾU	GHI NỢ		GHI CÓ	
	TK	SỐ TIỀN	TK	SỐ TIỀN
Tổng hợp định khoản các chứng từ gốc thuộc chứng từ ghi sổ - Số : 0	333	832.844.116	133	832.844.116
	511	13.562.034.792	911	13.562.034.792
	515	565.200	911	565.200
	632	5.749.378.526	154	5.749.378.526
	632	279.233.937	242	279.233.937
	911	9.082.856	421	9.082.856
	911	12.420.158.769	632	12.420.158.769
	911	23.451.091	635	23.451.091
	911	1.108.046.932	642	1.108.046.932
	911	1.860.344	821	1.860.344
Cộng		33.986.656.563		33.986.656.563

Kèm theo 10 chứng từ.

Ngày tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hình 2.49: Chứng từ ghi sổ loại 99

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đống Phú- Đống Hới- Quận
 Mã số thuế : 3101000604

Trang : 1/1

SỔ CÁI

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 911 - XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Loại . số	Ngày			Nợ	Có
			THÁNG 12-2025 <i>Dư đầu kỳ:</i>			
31-12	99.0	31-12-2025	Xác định lãi lỗ	421	9.082.856	
			Kết chuyển doanh thu tính KQKD	511		13.562.034.792
			Kết chuyển doanh thu tài chính	515		565.200
			Kết chuyển giá vốn tính KQKD	632	12.420.158.769	
			Kết chuyển chi phí tài chính	635	23.451.091	
			Kết chuyển chi phí QL-BH	642	1.108.046.932	
			Kết chuyển thuế TNDN	821	1.860.344	
			Cộng phátsinh tháng 12-2025		13.562.599.992	13.562.599.992
			Lũy kế phátsinh từ đầu năm		13.562.599.992	13.562.599.992
			Số dư cuối tháng 12-2025			

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hình 2.50: Sổ Cái tài khoản 911

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: **B02**
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
[03] Mã số thuế: 3101000604

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.562.034.792	8.860.183.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		13.562.034.792	8.860.183.290
4. Giá vốn hàng bán	11		12.420.158.769	8.229.907.011
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.141.876.023	630.276.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		565.200	581.400
7. Chi phí tài chính	22		23.451.091	16.723.436
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.451.091	16.723.436
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.108.046.932	604.731.494
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		10.943.200	9.402.749
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		0	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.943.200	9.402.749
14. Chi phí thuế TNDN	51		1.860.344	1.880.550
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		9.082.856	7.522.199

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 13 tháng 05 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
NGUYỄN KHẮC THỨC

Hình 2.51: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025

CHƯƠNG 3 – NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH

3.1 Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh

3.1.1 Ưu điểm

- Đối với kế toán doanh thu:

Công tác kế toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rồng Xanh nhìn chung được thực hiện tương đối đầy đủ và phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp xây dựng. Các khoản doanh thu phát sinh đều được kế toán phản ánh dựa trên các chứng từ hợp lệ như hợp đồng xây dựng, hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản nghiệm thu và biên bản bàn giao công trình.

Doanh nghiệp thực hiện ghi nhận doanh thu khi công trình hoặc hạng mục công trình đã hoàn thành, được nghiệm thu và bàn giao cho chủ đầu tư, góp phần đảm bảo tính hợp lý và phù hợp giữa doanh thu và khối lượng công việc hoàn thành trong kỳ. Bên cạnh đó, công ty đã mở các sổ chi tiết để theo dõi doanh thu phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu và tổng hợp số liệu cuối kỳ.

Ngoài ra, công tác lưu trữ chứng từ liên quan đến doanh thu được thực hiện khá đầy đủ và khoa học, giúp phục vụ tốt cho việc kiểm tra nội bộ cũng như đối chiếu với cơ quan chức năng khi cần thiết.

- Đối với kế toán chi phí:

Công tác kế toán chi phí tại công ty cơ bản đáp ứng được yêu cầu phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp đã sử dụng các chứng từ như phiếu xuất kho, bảng lương, phiếu chi, hóa đơn GTGT và các chứng từ liên quan khác để làm căn cứ ghi nhận chi phí phát sinh trong kỳ.

Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện mở sổ chi tiết cho một số tài khoản chi phí như TK 632, TK 642, TK 635,... góp phần hỗ trợ công tác theo dõi, quản lý và tổng hợp chi phí tương đối thuận lợi. Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh tương đối đầy đủ thông qua hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Ngoài ra, doanh nghiệp đã ứng dụng phần mềm kế toán vào quá trình hạch toán, giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công, nâng cao hiệu quả xử lý thông tin và hạn chế sai sót trong công tác kế toán.

- Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty được thực hiện trên cơ sở tổng hợp doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các khoản doanh thu, chi phí được kế toán thực hiện kết chuyển vào TK 911 để xác định lãi hoặc lỗ trong kỳ kế toán theo đúng quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, công ty đã thực hiện theo dõi tương đối đầy đủ các khoản doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh và giá vốn công trình, tạo cơ sở cho việc xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ. Việc thực hiện xác định kết quả kinh doanh định kỳ giúp doanh nghiệp có cơ sở đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm thì Công ty còn vài hạn chế như sau:

- Đối với kế toán doanh thu:

Mặc dù công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu tương đối đầy đủ, tuy nhiên do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên việc ghi nhận doanh thu phụ thuộc nhiều vào tiến độ nghiệm thu và thanh toán của chủ đầu tư. Trong một số trường hợp, việc luân chuyển hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán giữa các bộ phận còn chậm, ảnh hưởng đến tính kịp thời của công tác ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán.

Ngoài ra, công tác đối chiếu giữa hồ sơ nghiệm thu, hóa đơn giá trị gia tăng và công nợ phải thu của khách hàng chưa được thực hiện thường xuyên, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh chênh lệch số liệu trong quá trình quản lý doanh thu và công nợ.

- Đối với kế toán chi phí:

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh, nhận thấy doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương, và tập hợp chi phí thi công công trình vào để kết chuyển giá vốn.

Cụ thể, công ty thực hiện hạch toán tiền lương vào TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong khi đó, theo chế độ kế toán hiện hành, trường hợp chi phí nhân công phát sinh nhưng chưa hoàn thành công trình hoặc chưa kết chuyển giá thành thì cuối kỳ sẽ được kết chuyển sang TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo từng công trình hoặc hạng mục công trình. Tuy nhiên, doanh nghiệp chưa thực hiện phân loại chi tiết theo từng bộ phận và tính chất công việc mà đưa phần lớn chi phí lương vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 334 : PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngày ghi số	CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ	
	Số	Ngày		TK	CTiết	Nợ	Có	Nợ	Có
			THÁNG 01-2025 <i>Dư đầu kỳ</i>						
31-01-2025	01	31-01-2025	Tính lương phải trả	6422			59.221.767		59.221.767
31-01-2025	05	31-01-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		52.231.140			6.990.627
			Cộng phát sinh tháng 01-2025			52.231.140	59.221.767		6.990.627
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			52.231.140	59.221.767		6.990.627
			THÁNG 02-2025						
28-02-2025	01	28-02-2025	Tính lương phải trả	6422			53.867.226		60.857.853
28-02-2025	03	28-02-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		47.372.063			13.485.790

			THÁNG 12-2025						
01-12-2025	01	01-12-2025	Tính lương phải trả	6422			43.729.156		113.425.951
01-12-2025	43	01-12-2025	Thanh toán tiền lương+ Ăn ca	1111		39.301.579			74.124.372
01-12-2025	02	01-12-2025	Trích BHXH + BHYT + BHTN	3383		56.475.712			17.648.660
01-12-2025	02	01-12-2025	Trích BHXH + BHYT + BHTN	3384		10.589.196			7.059.464
01-12-2025	02	01-12-2025	Trích BHXH + BHYT + BHTN	3389		7.059.464			
			Cộng phát sinh tháng 12-2025			113.425.951	43.729.156		
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			636.902.041	636.902.041		

Người ghi số

Ngày tháng năm
 Kế toán trưởng

Hình 3.01: Sổ chi tiết tài khoản 334

Doanh nghiệp đã thực hiện hạch toán tiền lương phải trả cho người lao động đối ứng với chi phí quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp đã thực hiện hạch toán tiền lương phải trả cho người lao động thông qua TK 334, tuy nhiên các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ chưa được trích lập đầy đủ theo từng tháng phát sinh mà chủ yếu được thực hiện vào cuối năm. Việc ghi nhận tiền lương và các khoản trích theo lương chưa được thực hiện đồng thời giữa TK 334 và TK 338 làm cho chi phí và các khoản phải nộp chưa được phản ánh đầy đủ tại thời điểm phát sinh.

Khi tập hợp chi phí thi công công trình vào để kết chuyển giá vốn, công ty chỉ tập hợp chi phí nguyên vật liệu mà không tập hợp thêm các chi phí như nhân công, chi phí chung....theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục.

BẢNG TỔNG HỢP NHÂN CÔNG
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ KHÁCH NỘI BỘ VÀ NHÀ Ở CÁN BỘ CHIẾN SỸ BỘ
CHQS TỈNH
HẠNG MỤC: NHÀ KHÁCH NỘI BỘ

Đơn vị: đồng

STT	Mã hiệu	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Giá hiện tại	Thành tiền
1	TT	Bóc lên xe + vận chuyển phế thải đưa đi đổ bằng ô tô 5T	chuyển	10,0000	500.000	5.000.000
2	TT	Đóng trần nổi Vĩnh Tường, tấm Duraflex dày 3,5mm in hoa văn nổi	m2	75,8662	40.000	3.034.648
3	TT	Đóng Trần thạch cao chìm	m2	143,8208	40.000	5.752.832
4	TT	Hút hầm cầu	bể	1,0000	3.000.000	3.000.000
5	TT	Khoan rút lõi sàn bê tông để đi ống thoát nước khu vệ sinh + xử lý chống thấm	lỗ	6,0000	500.000	3.000.000
6	N0006	Nhân công bậc 3,0/7 - Nhóm 1	công	320,9723	254.498	81.686.808
7	N0009	Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 1	công	49,8125	278.300	13.862.819
8	N0015	Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 2	công	684,8381	285.500	195.521.278
9	N0040	Nhân công bậc 3,5/7 - Nhóm 3	công	56,2682	290.800	16.362.793
10	N0020	Nhân công bậc 4,0/7 - Nhóm 2	công	173,6668	309.918	53.822.467
		Cộng nhân công:				381.043.645

Hình 3.02: Bảng tổng hợp chi phí nhân công

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ KHÁCH NỘI BỘ VÀ NHÀ Ở CÁN BỘ CHIẾN SỸ BỘ CHQS TỈNH HẠNG MỤC: NHÀ KHÁCH NỘI BỘ				
Đơn vị tính: đồng				
STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	VLHT	1.346.405.122	VL
	- Đơn giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu	1.346.405.122	VLHT
2	Chi phí nhân công	NCHT	381.043.645	NC
	- Đơn giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công	381.043.645	NCHT
3	Chi phí máy thi công	MHT	7.768.579	M
	- Đơn giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công	7.768.579	MHT
	Chi phí trực tiếp	VL + NC + M	1.735.217.346	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	T x 7,3%	126.670.866	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 1,1%	19.087.391	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2,5%	43.380.434	TT
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	189.138.691	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + GT) x 5,5%	105.839.582	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	T + GT + TL	2.030.195.619	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G x 8%	162.415.650	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	2.192.611.269	Gxd
	Tổng cộng	Gxd	2.192.611.269	
	Làm tròn		2.192.611.000	
#NAME?				

Hình 3.03: Bảng tổng hợp dự toán hạng mục

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 15421-ICAB : CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ KHÁCH NỘI BỘ VÀ NHÀ Ở CHIẾN SỸ

Đvtính của mặt hàng : x

Ngày ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ỨNG		ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT	
	Số	Ngày		TK	CTiết		Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền
			THÁNG 12-2025							
			Dư đầu kỳ							
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	GL48	105.865,02	1.131,000	119.733.333		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	G1	125.019,53	1.185,000	148.148.148		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	CAM			208.578.677		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	80	77.450,01	3.521,333	272.727.273		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	NH	93.505,34	3.889,000	363.642.273		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	TK	58.791,96	7.001,870	411.653.677		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	SCL			2.300.000.010		
31-12-2025	632/1541	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	ICAB					3.824.483.391
			Cộng phát sinh tháng 12-2025				16.728,203	3.824.483.391		3.824.483.391
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				16.728,203	3.824.483.391		3.824.483.391
			Dư cuối tháng 12-2025				16.728,203			

Người ghi sổ

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng

Hình 3.04: Sổ chi tiết tài khoản 15421

SỔ CHI TIẾT

TÀI KHOẢN 154 : CHI PHÍ SXKD DỒ DANG

Ngày ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ỨNG		CHI PHÍ SẢN XUẤT (PHÁT SINH NỘI)					PHÁT SINH CÓ
	Số	Ngày		TK	CTiết	Vật liệu (Đư TK 152)	Nhân công (Đư TK 334)	Khấu hao TS (Đư TK 214)	Chi phí chung (Đư TK khác)	Tổng cộng	
			THÁNG 06-2025								
			Dư đầu kỳ							3.240.708.102	
30-06-2025	01	30-06-2025	Xuất kho	1522	01A	14.000.000				14.000.000	
30-06-2025	01	30-06-2025	Xuất kho	1522	04	4.275.000				4.275.000	
30-06-2025	01	30-06-2025	Xuất kho	1522	06	1.350.000				1.350.000	
			THÁNG 12-2025								
29-12-2025	02	29-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 5 ngày 29/12/2025	1522	CR	118.986.900				118.986.900	
29-12-2025	03	29-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 5 ngày 29/12/2025	1522	01D	20.065.500				20.065.500	
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	GL48	119.733.333				119.733.333	
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	G1	148.148.148				148.148.148	
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	CAM	208.578.677				208.578.677	
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	80	272.727.273				272.727.273	
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	NH	363.642.273				363.642.273	
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	TK	411.653.677				411.653.677	
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	SCL	2.300.000.010				2.300.000.010	
			THÁNG 12-2025								
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	CTY						198.930.534
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	VCB						649.550.358
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	CHN						1.581.284.164
31-12-2025	632/15421	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	GTHU						1.556.146.476
31-12-2025	632/1541	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	ICAB						3.824.483.391
			Cộng p.sinh tháng 12-2025			5.519.862.267				5.519.862.267	10.161.101.524
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm			8.049.378.538				8.049.378.538	10.161.101.524
			Dư cuối tháng 12-2025							1.128.985.120	

Người ghi sổ

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng

Hình 3.05: Sổ chi tiết tài khoản 154

Những hạn chế trên dẫn đến giá vốn công trình chưa phản ánh đầy đủ chi phí thực tế phát sinh, đặc biệt là chi phí nhân công trực tiếp. Đồng thời, chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ có thể bị ghi nhận tăng lên, làm ảnh hưởng đến độ chính xác của việc xác định lợi nhuận kế toán và hiệu quả thực tế của từng công trình. Ngoài ra, việc hạch toán chưa phù hợp còn ảnh hưởng đến cơ sở xác định thu nhập chịu thuế

thu nhập doanh nghiệp do chi phí chưa được phân bổ đúng theo bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Do công tác tập hợp chi phí và xác định giá vốn công trình chưa được thực hiện đầy đủ nên việc xác định kết quả kinh doanh tại công ty cũng bị ảnh hưởng nhất định. Giá vốn công trình chưa phản ánh đầy đủ toàn bộ chi phí thực tế phát sinh dẫn đến lợi nhuận kế toán trong kỳ có thể chưa phản ánh chính xác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp chưa thực hiện phân tích kết quả kinh doanh theo từng công trình hoặc từng hoạt động cụ thể, gây khó khăn cho công tác đánh giá hiệu quả hoạt động và kiểm soát chi phí của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc phân bổ chi phí chưa hợp lý còn có thể ảnh hưởng đến cơ sở xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng RỒNG Xanh

- Đối với kế toán doanh thu:

Công ty cần tăng cường sự phối hợp giữa bộ phận kế toán, bộ phận kỹ thuật và bộ phận thi công trong việc lập, kiểm tra và luân chuyển hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ thanh toán. Việc cung cấp chứng từ đầy đủ và kịp thời sẽ giúp kế toán ghi nhận doanh thu đúng thời điểm, hạn chế tình trạng chậm ghi nhận doanh thu phát sinh.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần thực hiện đối chiếu định kỳ giữa hợp đồng xây dựng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn giá trị gia tăng và công nợ phải thu khách hàng nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sai lệch phát sinh. Điều này không chỉ góp phần nâng cao độ chính xác của thông tin kế toán mà còn hỗ trợ công tác quản lý và thu hồi công nợ hiệu quả hơn.

- Đối với kế toán chi phí:

Doanh nghiệp cần thực hiện tập hợp đầy đủ các khoản chi phí cấu thành giá vốn công trình theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành. Ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công ty cần theo dõi và phân bổ đầy đủ chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan khác cho từng công trình cụ thể nhằm phản ánh chính xác giá thành thực tế của công trình xây dựng.

Đối với chi phí tiền lương của lao động trực tiếp tham gia thi công công trình, kế toán cần tập hợp trực tiếp vào TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thay vì hạch toán vào TK 6422 như hiện nay. Việc hạch toán đúng bản chất của chi phí sẽ

giúp doanh nghiệp xác định chính xác giá vốn công trình và nâng cao hiệu quả quản lý chi phí.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần thực hiện trích lập các khoản BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn đầy đủ theo từng tháng phát sinh nhằm đảm bảo phản ánh chính xác chi phí và nghĩa vụ phải trả của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán. Đồng thời, kế toán cần thực hiện hạch toán đồng bộ giữa TK 334 và TK 338 theo đúng quy định hiện hành để nâng cao tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán.

Công ty cũng nên hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất theo từng công trình và hạng mục công trình trên cơ sở phản ánh đầy đủ các khoản chi phí thực tế phát sinh. Việc chỉ tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để xác định giá vốn có thể làm cho giá vốn công trình chưa phản ánh đầy đủ chi phí thực tế, từ đó ảnh hưởng đến độ chính xác của kết quả kinh doanh. Do vậy, doanh nghiệp cần thực hiện tập hợp và phân bổ hợp lý các khoản chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan khác theo dự toán và khối lượng thực hiện của từng công trình nhằm đảm bảo việc xác định giá vốn và kết quả kinh doanh được chính xác, khách quan hơn.

- Đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Doanh nghiệp cần thực hiện xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở tập hợp đầy đủ doanh thu và chi phí thực tế phát sinh trong kỳ nhằm đảm bảo phản ánh chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, công ty nên thực hiện theo dõi và phân tích kết quả kinh doanh theo từng công trình hoặc từng hoạt động cụ thể để phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả thi công và kiểm soát chi phí.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần thường xuyên rà soát các khoản doanh thu, chi phí và công tác kết chuyển cuối kỳ nhằm hạn chế sai sót trong quá trình xác định lợi nhuận kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông tin kế toán không chỉ phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn là cơ sở để nhà quản lý đưa ra các quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Qua quá trình nghiên cứu đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Ròng Xanh”, bài khóa luận của em đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đây là cơ sở quan trọng để đánh giá và phân tích thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp.

Trên cơ sở nghiên cứu thực tế tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Ròng Xanh, bài khóa luận đã phản ánh tương đối đầy đủ thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Qua đó cho thấy công tác kế toán tại doanh nghiệp cơ bản được tổ chức phù hợp với quy định hiện hành, hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán được xây dựng tương đối đầy đủ, góp phần cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, bài khóa luận cũng chỉ ra một số hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Từ những hạn chế đó, em đã đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán, nâng cao chất lượng thông tin kế toán, tăng cường hiệu quả quản lý chi phí, xác định chính xác giá vốn công trình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Do thời gian nghiên cứu, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài của em khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc, các anh chị tại Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Ròng Xanh cùng quý thầy cô giáo đã tận tình hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi trong suốt quá trình học tập, thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT- BTC chế độ kế toán vừa và nhỏ.
2. Các văn bản: luật kế toán, các thông tư và nghị định.
3. Các trang web:
<https://thuvienphapluat.vn/>
<https://ketoanthienung.net/>
4. Thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

PHỤ LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
 Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
 Mã số thuế : 3101000604

Trang : 3/3

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Cả năm 2025

Đơn vị tính : Đồng

S T T	LOẠI CTỪ	SỐ CTGS	NGÀY	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
50	09	0	30-09-2025	407.311.251	Kèm theo 15 chứng từ
51	11	0	30-09-2025	64.205.092	Kèm theo 1 chứng từ
52	99	0	30-09-2025	8.133.778	Kèm theo 1 chứng từ
Cộng tháng 09-2025 Lũy kế từ đầu năm				2.584.518.947 53.804.922.233	
THÁNG 10-2025					
53	01	0	01-10-2025	711.011.000	Kèm theo 1 chứng từ
54	02	0	30-10-2025	1.043.462.376	Kèm theo 20 chứng từ
55	04	0	31-10-2025	649.550.358	Kèm theo 1 chứng từ
56	08	0	31-10-2025	5.077.503.000	Kèm theo 13 chứng từ
57	09	0	27-10-2025	3.276.548.402	Kèm theo 15 chứng từ
58	11	0	31-10-2025	72.167.400	Kèm theo 1 chứng từ
59	12	0	31-10-2025	5.160.000.000	Kèm theo 4 chứng từ
Cộng tháng 10-2025 Lũy kế từ đầu năm				15.990.242.536 69.795.164.769	
THÁNG 11-2025					
60	01	0	18-11-2025	1.738.948.575	Kèm theo 1 chứng từ
61	02	0	30-11-2025	1.449.491.144	Kèm theo 28 chứng từ
62	04	0	30-11-2025	1.581.284.164	Kèm theo 1 chứng từ
63	08	0	30-11-2025	1.954.290.070	Kèm theo 11 chứng từ
64	09	0	30-11-2025	3.746.611.646	Kèm theo 15 chứng từ
65	11	0	30-11-2025	44.685.092	Kèm theo 1 chứng từ
66	12	0	14-11-2025	300.000.000	Kèm theo 1 chứng từ
Cộng tháng 11-2025 Lũy kế từ đầu năm				10.815.310.691 80.610.475.460	
THÁNG 12-2025					
67	..	0	31-12-2025	1.860.344	Kèm theo 1 chứng từ
68	01	0	31-12-2025	11.108.632.000	Kèm theo 2 chứng từ
69	02	0	31-12-2025	5.688.436.215	Kèm theo 44 chứng từ
70	04	0	31-12-2025	7.631.405.255	Kèm theo 3 chứng từ
71	08	0	31-12-2025	5.390.458.406	Kèm theo 18 chứng từ
72	09	0	30-12-2025	4.799.512.231	Kèm theo 16 chứng từ
73	11	0	01-12-2025	269.632.004	Kèm theo 2 chứng từ
74	12	0	23-12-2025	2.050.000.000	Kèm theo 2 chứng từ
75	99	0	31-12-2025	28.237.278.037	Kèm theo 9 chứng từ
Cộng tháng 12-2025 Lũy kế từ đầu năm				65.177.214.492 145.787.689.952	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm
 Giám đốc

Dương Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
Mã số thuế : 3101000604

BẢNG TỔNG HỢP SƠ ĐỒ CHỮ T

Cả năm 2025

TÀI KHOẢN : 632 - GIÁ VỐN BÁN HÀNG

PHÁT SINH NỢ		PHÁT SINH CÓ	
TK đ.ứng	Số tiền	Số tiền	TK đ.ứng
Dư đầu			
1111	2.000.000	12.420.158.769	911
1522	8.049.378.536		
15424	2.111.722.988		
242	279.233.937		
331	1.977.823.308		
Công PS	12.420.158.769	12.420.158.769	
Dư cuối			

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG RỒNG XANH
Lô 46 BD29- Khu Đô thị Bắc Lê Lợi P.Đồng Phú- Đồng Hới- Quảng
Mã số thuế : 3101000604

SỔ CHI TIẾT

Trang : 1/1
Cả năm 2025

TÀI KHOẢN 15421-ICAB : CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ KHÁCH NỘI BỘ VÀ NHÀ Ở CHIẾN SỸ

Đvtính của mặt hàng : x

Ngày ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	ĐỐI ƯNG		ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT	
	Số	Ngày		TK	CTiết		Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền
			THÁNG 12-2025		Dư đầu kỳ					
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	GL48	105.865,02	1.131,000	119.733.333		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	G1	125.019,53	1.185,000	148.148.148		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	CAM			208.578.677		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	80	77.450,01	3.521,333	272.727.273		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	NH	93.505,34	3.889,000	363.642.273		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	TK	58.791,96	7.001,870	411.653.677		
31-12-2025	02	31-12-2025	Xuất kho hóa đơn số 7 ngày 31/12/2025	1522	SCL			2.300.000.010		
31-12-2025	632/1541	31-12-2025	Kết chuyển CPSX tính giá vốn	6324	ICAB					3.824.483.391
			Cộng phát sinh tháng 12-2025				16.728,203	3.824.483.391		3.824.483.391
			Lũy kế phát sinh từ đầu năm				16.728,203	3.824.483.391		3.824.483.391
			Dư cuối tháng 12-2025				16.728,203			

Người ghi sổ

Ngày tháng năm
Kế toán trưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
KHỐI LƯỢNG XÂY LẮP HOÀN THÀNH**

I. ĐỐI TƯỢNG

- Gói thầu: XD-01: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình.
- Dự án: Cải tạo, sửa chữa Nhà khách nội bộ và Nhà ở cán bộ chiến sỹ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

II. THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

1. Đại diện Chủ đầu tư: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| - Ông: Cao Phi Sơn | Chức vụ: Phó Chỉ huy trưởng |
| - Ông: Trần Ánh Dương | Chức vụ: Chủ nhiệm HC-KT |
| - Ông: Nguyễn Minh Thuận | Chức vụ: Trưởng ban doanh trại |
| - Ông: Hoàng Văn Thắng | Chức vụ: Phó ban tài chính |

2. Đại diện Tư vấn giám sát: Công ty TNHH TVXD HD

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| - Ông: Nguyễn Hữu Học | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông:..... | Chức vụ: |

3. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty CP TM& XD Rừng Xanh

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| - Ông: Nguyễn Khắc Thúc | Chức vụ: Giám đốc |
| - Ông: Nguyễn Thanh Hải | Chức vụ: Giám sát trưởng |

III. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian:
 - + Bắt đầu: 09 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2025
 - + Kết thúc: 10 giờ 30 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- Địa điểm: Hiện trường thi công.

IV. NỘI DUNG VÀ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH NGHIỆM THU

1. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng số 06/2025/HĐ-TCXD ngày 28/8/2025 và Phụ lục điều chỉnh bổ sung hợp đồng số 06/2025/PLHĐ-TCXD ngày 08/12/2025 giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị và Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Rừng Xanh về việc thi công gói thầu XD-01: Thi công xây dựng và thiết bị, thuộc công trình: Cải tạo, sửa chữa Nhà khách nội bộ và Nhà ở cán bộ chiến sỹ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-BCH ngày 07/7/2025 của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, sửa chữa Nhà khách nội bộ và Nhà ở cán bộ chiến sỹ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Quyết định số 3848/QĐ-BCH ngày 08/12/2025 của Bộ CHQS tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Cải tạo, sửa chữa Nhà khách nội bộ và Nhà ở cán bộ chiến sỹ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng: Các tiêu chuẩn, quy phạm nghiệm thi công và nghiệm thu hiện hành.

- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng;

- Biên bản nghiệm thu các công việc xây dựng, các công trình ẩn dấu;

- Các kết quả kiểm tra cao độ, kích thước hình học; kiểm tra thí nghiệm chất lượng vật liệu, chất lượng công trình được thực hiện trong quá trình xây dựng;

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của Tư vấn giám sát và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Biên bản nghiệm thu của Tư vấn giám sát và Nhà thầu;

- Bản vẽ hoàn công của hạng mục nghiệm thu.

2. Kiểm tra tại hiện trường và trình tự nghiệm thu chất lượng công trình:

- Kiểm tra đối tượng nghiệm thu tại hiện trường: Gia cố mái, khoan cọc cát, cống hộp lớn và một số hạng mục khác.

- Kiểm tra các kết quả kiểm tra cao độ, kích thước hình học và kết quả thí nghiệm chất lượng vật liệu, chất lượng công trình: Đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Kiểm tra các biên bản nghiệm thu, nhật ký thi công: Đầy đủ và đạt yêu cầu.

- Đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, yêu cầu kỹ thuật của công trình xây dựng: Đảm bảo yêu cầu.

3. Nhận xét:

3.1. Về tiến độ thi công: Đạt yêu cầu.

3.2. Về chất lượng thi công: Đảm bảo chất lượng theo yêu cầu Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt; Chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án và các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện hành.

3.3. Về khối lượng thi công:

(Khối lượng chi tiết xem bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành và khối lượng nghiệm thu kèm theo).

V. KẾT LUẬN

- Chấp nhận nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành;
- Nhà thầu thi công hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán theo quy định và triển khai các công việc tiếp theo.

Các bên tham gia nghiệm thu cam kết chịu trách nhiệm về kết quả nghiệm thu này.

Hội đồng thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Đại tá CAO PHI SƠN

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT



Nguyễn Hữu Học

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG



K.S Nguyễn Khắc Trúc